

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.


BAN CAO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103012620 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0100520683 ngày 07 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp)

ALPHANAM
E & C

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:.....77...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...12 tháng...12 năm 2018)

BAN CAO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

ALPHANAM
E & C

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.558.7979 Fax: 0243.557.8420

TỔ CHỨC TƯ VẤN


Fpt Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3773 7070 / 6271 7171 Fax: 024 3773 9058

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Lê Thị Bích Liên

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0243.558.7979

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103014620 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0100520683 ngày 02 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Alphanam E&C
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành	: 13.200.000 Cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
<i>Phát hành cho cổ đông hiện hữu</i>	<i>: 12.000.000 Cổ phiếu</i>
<i>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</i>	<i>: 1.200.000 Cổ phiếu</i>
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 132.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính:

Địa chỉ: số 52 đường Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04. 3773 7070 Fax: 04.3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 3910 3908 Fax: 028. 3910 4880

Website: www.aascn.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	4
3. Rủi ro đặc thù.....	4
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	5
5. Rủi ro pha loãng.....	5
6. Rủi ro quản trị công ty.....	6
7. Rủi ro khác.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Alphanam E&C.....	7
2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	9
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành.....	9
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	11
3. Cơ cấu tổ chức công ty.....	13
4. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty.....	15
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	19
5.1 Danh sách Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 20/07/2018.....	19
5.2 Danh sách Cổ đông sáng lập của Công ty.....	20
5.3 Cơ cấu Cổ đông của Công ty ngày 20/07/2018.....	21
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	21
6.1 Công ty mẹ:.....	21
6.2 Danh sách Công ty con: Không có.....	21
6.3 Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Alphanam E&C đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:.....	21
6.4 Danh sách Công ty liên kết:.....	21
7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	21
8. Hoạt động kinh doanh.....	22
8.1. Lĩnh vực kinh doanh.....	22
8.2. Địa bàn hoạt động kinh doanh.....	23
8.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	23
8.4. Nguyên vật liệu.....	24
8.4.1. Nguồn nguyên vật liệu.....	24
8.4.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp này.....	24
8.4.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.....	24
8.5. Chi phí sản xuất.....	25
8.6. Trình độ công nghệ.....	25
8.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	26
8.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	26
8.9. Hoạt động Marketing.....	26
8.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	27
8.11. Một số hợp đồng đã và đang được thực hiện.....	28
9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	28
9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	28
9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	29
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	29
10.1. Vị thế của công ty.....	29
10.2. Triển vọng phát triển ngành.....	31
10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách.....	

của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	31
11. Chính sách đối với người lao động.....	31
11.1. Cơ cấu lao động trong công ty	31
11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	32
11.3. Chế độ làm việc.....	32
12. Chính sách cổ tức	33
13. Tình hình tài chính.....	34
13.1. Các chỉ tiêu cơ bản	34
13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	38
14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	38
14.1. Hội đồng quản trị.....	38
14.2. Ban kiểm soát.....	42
14.3. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	45
15. Tài sản	46
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	47
17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	47
18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	48
19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	48
20. Các thông tin; các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	48
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	48
1. Loại cổ phiếu.....	48
2. Mệnh giá.....	48
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	48
3.1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.....	48
3.2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.....	48
4. Giá chào bán dự kiến.....	48
5. Phương pháp tính giá.....	49
6. Phương thức phân phối.....	49
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	49
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	50
9. Phương thức thực hiện quyền.....	50
10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (Nếu có).....	51
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	52
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	54
13. Các loại thuế có liên quan	54
14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	55
15. Các cam kết liên quan đến đợt phát hành.....	55
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	55
1. Mục đích chào bán	55
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	57
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	57
2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn.....	58
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	59
IX. PHỤ LỤC	59
1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....	59
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.....	59
3. Phụ lục III: Điều lệ công ty.....	59
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất	59
5. Phụ lục VI: Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư.....	59
6. Các phụ lục khác (nếu có).....	59

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

Lãi suất

Do đặc thù ngành nghề, đòi hỏi phải có lượng vốn lưu động lớn, tốc độ quay vòng vốn cao nên tỷ lệ vốn vay không được quá cao so với vốn chủ sở hữu. Alphanam E&C luôn duy trì tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu ở mức an toàn.

Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của Alphanam E&C.

Tỷ giá hối đoái

Rủi ro về tỷ giá hối đoái có thể xảy ra do dòng tiền của các doanh nghiệp Việt Nam bằng đồng Việt Nam nhưng khi thanh toán nhập khẩu, các doanh nghiệp phải chuyển đổi sang ngoại tệ và ngược lại. Doanh nghiệp xuất khẩu sẽ gặp rủi ro nếu ngoại tệ nhận về giảm giá so với Việt Nam đồng và doanh nghiệp nhập khẩu cũng sẽ gặp rủi ro nếu ngoại tệ họ cần mua để thanh toán tăng giá so với Việt Nam đồng.

Phần lớn nguyên vật liệu và linh phụ kiện của Alphanam E&C như: Các thiết bị chính trong thang máy, các thiết bị điện được nhập khẩu. Việc thanh toán với đối tác nước ngoài hoàn toàn bằng ngoại tệ, trong khi đó nguồn thu của Alphanam E&C chỉ thực hiện bằng đồng Việt Nam nên các biến động về tỷ giá hối đoái giữa tiền đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác có ảnh hưởng đến hoạt động của Alphanam E&C. Tuy nhiên, do chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động tỷ giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá trong ngắn hạn cũng không quá khó khăn. Vì vậy ảnh hưởng do biến động tỷ giá đến hoạt động kinh doanh của Alphanam E&C là không đáng kể. Mặt khác, với chiến lược đúng đắn, Alphanam E&C cũng hạn chế một phần nào rủi ro này bằng cách lựa chọn những nhà cung cấp có uy tín, có nguồn hàng ổn định và có chiến lược hợp tác lâu dài với Alphanam E&C, đảm bảo sự ổn định của giá nguyên vật liệu và linh phụ kiện.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty con của Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam, trở thành công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung nên hoạt động của Alphanam E&C chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên hiện nay, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành còn thiếu đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro biến động giá cả, thị trường

Alphanam E&C không nằm ngoài bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của thị trường xây dựng bất động sản, ưu thế luôn thuộc về những doanh nghiệp có sức mạnh về uy tín, chất

lượng sản phẩm, dịch vụ, mang đến cho khách hàng lợi ích và được tin tưởng, các doanh nghiệp có quy mô lớn và tiềm lực tài chính tốt.

Đối với các hoạt động thi công xây dựng, công trình điện, thi nhóm rủi ro này luôn luôn được coi là có nhiều nguy cơ. Trong đó, đáng kể nhất là những rủi ro liên quan đến tình trạng thiếu ổn định của thị trường nguyên liệu, vật liệu gắn dây và sự gia tăng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây dựng, lắp đặt công trình điện với nhau.

Để đề phòng rủi ro này, Alphanam E&C đã chủ động, mạnh dạn đầu tư, không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm vì lợi ích lâu dài, tìm kiếm nguồn hàng cung cấp gần khu vực thi công trên cơ sở ký kết các hợp đồng nguyên tắc để đảm bảo cung cấp kịp thời theo tiến độ thi công và tránh sự biến động nhiều về giá cả. Đồng thời, Alphanam E&C luôn có các báo cáo nghiên cứu thị trường và nhận định về nguồn hàng trên thị trường cũng như giá cả để đưa ra phương án chuẩn bị tích trữ phù hợp, đảm bảo tiến độ thi công.

b) Rủi ro về ngành - lĩnh vực hoạt động

Không chỉ đối với Alphanam E&C mà với bất kỳ một doanh nghiệp cùng ngành nghề nào khác, các tai nạn trong quá trình thi công (ô nhiễm môi trường, sai lầm nghề nghiệp của người lao động...) hoặc các hiểm họa thiên nhiên bất khả kháng (bão lũ, mưa đông, sét đánh...) làm giảm tuổi thọ máy móc thi công, tiến độ thi công công trình ... luôn được coi là nhóm rủi ro lớn, có nhiều nguy cơ.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác như vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, thi công trên độ cao nguy hiểm... cũng có khá nhiều rủi ro có thể dẫn đến những thiệt hại không nhỏ về người, phương tiện và kết quả sản xuất kinh doanh của Alphanam E&C.

Mặc dù vậy, do Alphanam E&C luôn luôn quan tâm đến việc duy trì và nâng cấp thường xuyên hệ thống quản trị - quản lý, điều hành doanh nghiệp theo đúng chuẩn mực ISO 9001-2000, cũng như tuân thủ triệt để các quy định pháp luật hiện hành về phòng ngừa ô nhiễm môi trường, giảm nhẹ thiên tai, phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động... Đồng thời, bên cạnh việc thường xuyên tổ chức đào tạo - huấn luyện để nâng cao ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, Alphanam E&C đã chủ động mua bảo hiểm cho tất cả các tài sản, phương tiện thiết bị có giá trị lớn, đảm bảo các biện pháp an toàn lao động theo đúng quy định của pháp luật, mua bảo hiểm đầy đủ cho người lao động trong Alphanam E&C, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tài chính cho các cổ đông (nếu có xảy ra).

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đợt chào bán nhằm bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh đồng thời để nâng cao khả năng tự chủ về mặt tài chính nhằm giảm áp lực lãi vay. Vì vậy, trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của ngân hàng... rủi ro của đợt chào bán là hầu như là không có.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần - EPS (earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

❖ Rủi ro do pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Qbq}$$

Trong đó:

$EPS_{\text{pha loãng}}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

❖ *Rủi ro do pha loãng BV*

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2018 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

❖ *Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:*

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

❖ *Về mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành*

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{13.680 + (10.000 \times 100\% + 0 \times 10\%)}{1 + 100\% + 10\%} = 11.276 \text{ VND}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (Giá thị trường trung bình trong 10 phiên gần nhất tính đến thời điểm 12/09/2018)

PR: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

I: Tỷ lệ cổ phiếu chào bán

6. Rủi ro quản trị công ty

Tương tự như rất nhiều doanh nghiệp trong ngành, Alphanam E&C vẫn phải đối mặt

với tình trạng thiếu hụt lao động có trình độ chuyên môn, có tay nghề cao phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển chiến lược hoặc cho nhu cầu hợp tác quốc tế.

Để giải quyết vấn đề này, Alphanam E&C đang tiếp tục thực hành chính sách "chiêu mộ cầu hiền" để tập hợp, tuyển chọn và đào tạo liên tục và trọng dụng người tài, nhanh chóng cải thiện chất lượng lao động và chủ động xây dựng các chương trình đào tạo - huấn luyện nâng cao trình độ cho cán bộ nghiệp vụ, cán bộ quản lý ở trong và ngoài nước. Về lâu dài, sẽ tiến hành hợp tác với các nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng các chương trình liên kết đào tạo hoặc trung tâm đào tạo riêng. Ngoài ra, còn có một thuận lợi rất cơ bản là đa số cán bộ nhân viên hiện đều còn rất trẻ, thực sự có năng lực và đủ các điều kiện cần thiết để được đưa vào các chương trình đào tạo - huấn luyện nâng cao nói trên.

7. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam và Thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt vì cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên càng trở nên nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Công ty đã thực hiện những biện pháp phòng chống như lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Alphanam E&C

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Minh Nhật	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Hiền	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Bùi Kim Yến	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT

Đại diện Tổ chức tư vấn: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Giấy ủy quyền số 141-2017/QĐ/FPTS-FHR ngày 18/12/2018 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Cổ phiếu Công ty cổ phần Alphanam E&C. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch

AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C
BKS	Ban Kiểm soát
Công ty	Công ty cổ phần Alphanam E&C
Điều lệ	Điều lệ của Công ty cổ phần Alphanam E&C
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
GCNDKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HD SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
CTCP	Công ty cổ phần
CTCK	Công ty chứng khoán
DHĐCD	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
CP	Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Alphanam E&C
- Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 0103014620 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 0100520683 ngày 02 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
- Người đại diện pháp luật : Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT



- Logo công ty :
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : 0243.558.7979
- Số fax : 0243.557.8420
- Website : <http://alphanamec.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : AME

❖ *Ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty:*

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
2022	Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, bột bả;
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Sơn, bột bả, vật liệu xây dựng
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn dự án, lập dự án; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Thẩm tra các bản vẽ kỹ thuật thi công các công trình xây dựng (Trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ thầu và tổ chức đấu thầu công trình xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng gồm: giám sát công tác xây dựng

	<p>công trình; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ; giám sát công tác lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy; - Giám sát, thi công xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; - Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình; - Dịch vụ chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; - Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường; - Khảo sát địa chất công trình; - Khảo sát địa chất thủy văn; - Khảo sát địa hình công trình.</p>
	Xây dựng công trình công ích
4220	Chi tiết: - Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110 KV trở lên; - Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : Bán buôn ô tô
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa ô tô
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Xúc tiến thương mại
7310	Quảng cáo
4321	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Dây dẫn và thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, Chuông báo cháy, Hệ thống báo động chống trộm, Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, Đèn trên đường băng sân bay
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng
4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công

	nghiệp;
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp;
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
2816	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Thang máy
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Thang máy
2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);
2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc công nghiệp;
7490	Hoạt động chuyển môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp; - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hạ tầng đô thị, nông thôn. - Dịch vụ quan trắc môi trường, Trắc địa công trình, quan trắc tác động môi trường, quan trắc địa hình, quan trắc lún, địa chính các tỷ lệ.
2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
4690	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Alphanam E&C tiền thân là Công ty TNHH Alphanam được thành lập ngày 17/08/1995 có trụ sở chính đặt tại số 79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, giấy phép đăng ký kinh doanh số: 051581 do Sở Kế hoạch &

Đầu Tư thành phố Hà Nội cấp.

Những năm đầu thành lập, Công ty TNHH Alphanam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

Đối với hoạt động thương mại, Công ty TNHH Alphanam là đại lý và nhà phân phối của các hãng nổi tiếng: ENERPAC (Mỹ) – Chuyên sản xuất và cung cấp các sản phẩm thủy lực, các thiết bị nâng hạ và các ứng dụng chuyên ngành. UTILUX (Úc) – Chuyên sản xuất và cung cấp các sản phẩm đầu nối sử dụng cho lưới điện, các dụng cụ thi công ngành điện. SCHNEIDER (Pháp) chuyên sản xuất và cung cấp các sản phẩm thiết bị điện hạ thế. Đối tượng khách hàng của Công ty TNHH Alphanam trong thời gian này chủ yếu là các công ty ngành điện lực, ngành công nghiệp đóng tàu, ngành đường sắt.

Ngoài lĩnh vực sản xuất và thương mại như trên, Công ty TNHH Alphanam còn hoạt động trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ. Đây được coi là lĩnh vực tiềm năng và mang lại doanh thu cũng như lợi nhuận tốt cho Công ty TNHH Alphanam tại thời điểm đó. Nhiều hợp đồng chuyển giao công nghệ của Công ty TNHH Alphanam với các đối tác nước ngoài đã được thực hiện nhằm chuyển giao các công nghệ sản xuất hiện đại và tiên tiến trên thế giới cho các khách hàng tại Việt Nam.

Năm 1996, Công ty TNHH Alphanam xây dựng nhà máy sản xuất tủ bảng điện đầu tiên tại Hà Nội. Các sản phẩm do Công ty TNHH Alphanam sản xuất bao gồm các loại tủ bảng điện, các sản phẩm cơ khí phục vụ thi công như thang – máng cáp, phụ kiện lắp đặt...

Năm 1997, nhằm nắm bắt và đón đầu các cơ hội thị trường về điện cũng như đáp ứng nhu cầu của các khách hàng ngành điện, Công ty TNHH Alphanam thành lập các xí nghiệp xây lắp và thi công cơ điện các công trình. Công ty TNHH Alphanam cũng là doanh nghiệp tư nhân đầu tiên được nhận chứng chỉ quản lý chất lượng quốc tế ISO 9002-1994 nay là ISO 9001-2000.

Năm 1998, Công ty TNHH Alphanam thành lập nhà máy sản xuất các sản phẩm từ Composite. Các sản phẩm của nhà máy bao gồm: Tủ bảng điện Composite, hòm công tơ điện, hộp đấu dây, các sản phẩm dùng cho dạy học, ghế sân vận động...

Năm 1999, Công ty TNHH Alphanam là một trong 10 Doanh Nghiệp trẻ xuất sắc của Việt Nam được nhận giải thưởng Sao đỏ. Đây là lần đầu tiên giải thưởng này được trao cho các doanh nhân có thành tích xuất sắc của Việt Nam và nay đã trở thành giải thưởng thường niên.

Năm 2006, thực hiện chủ trương tái cấu trúc của Alphanam Group, Công ty TNHH Alphanam chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Alphanam Cơ điện theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0103014620 ngày 17/11/2006 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng). Trong đó Công ty cổ phần Alphanam đóng vai trò là Công ty mẹ với số vốn góp chiếm chi phối, số cổ phần còn lại chủ yếu do CBCNV trong Alphanam Cơ điện nắm giữ.

Năm 2007, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 đồng.

Năm 2008, để đáp ứng nhu cầu của thị trường và chiến lược phát triển do HĐQT công ty đề ra, Alphanam Cơ điện đã thành lập 2 VPDD tại T.p HCM và T.p Đà Nẵng. Đây có thể coi là những thị trường đầy tiềm năng mà Alphanam E&C có thể khai thác và mang các sản phẩm cũng như dịch vụ của mình đến khách hàng một cách nhanh nhất.

Với chiến lược tập trung tối đa nguồn lực để phát triển ngành nghề cốt lõi của mình, Alphanam Cơ điện đã nỗ lực phấn đấu để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực nhà thầu Cơ điện tại các tỉnh phía bắc cũng như trên khắp Việt Nam. Alphanam Cơ điện tự tin trên con đường kinh doanh của mình với đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư và công nhân dày dặn kinh

nghiệm đã được thử thách từ các công trình trọng điểm tầm cỡ quốc gia như Nhà hát lớn, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khách sạn Nikko.... đến các công trình như: Dự án cấp nước Quảng Ninh, Dự án cấp nước mặt hồ Hoà Bình cho chuỗi đô thị Hà Tây-Hà Nội, các nhà máy cán thép lớn như: Việt Ý, Hoà Phát, Pomihoa, Thái Nguyên, các nhà máy xi măng như: Nghi Sơn, Hoà Phát, Vinacorex, Sông Đà, Thăng Long...

Ngày 20/03/2008, Alphanam Cơ điện đã nộp Hồ sơ đăng ký trở thành công ty đại chúng với UBCKNN và UBCKNN đã chấp thuận Alphanam Cơ điện là Công ty đại chúng.

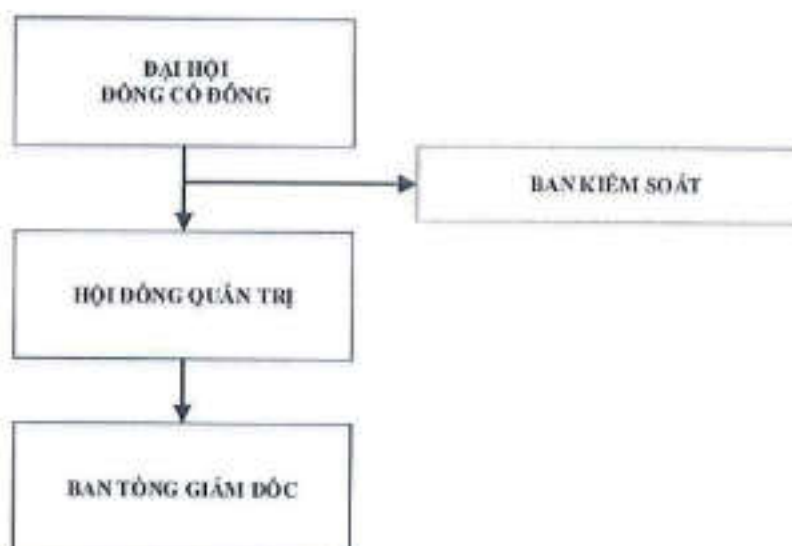
Ngày 02/06/2010, Công ty cổ phần Alphanam Cơ điện đã chính thức niêm yết trên SGDK Hà Nội với mã chứng khoán AME.

Ngày 10 tháng 9 năm 2013, trong bối cảnh kinh tế thế giới khủng hoảng và kinh tế Việt nam gặp rất nhiều khó khăn, Công ty tiến hành tái cấu trúc thêm một lần nữa để phù hợp với tình hình mới với tên là Công ty cổ phần Alphanam E&C. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100520683, đăng ký thay đổi lần 5 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02/04/2018.

Trong giai đoạn 2011 – 2015, Alphanam E&C đã tiến hành chuyển dịch sang hoạt động đầu tư xây dựng, hợp tác với các công ty bất động sản hàng đầu thế giới, triển khai hàng loạt các dự án bất động sản cao cấp trên cả nước như: Goden Square Đà Nẵng, Luxury Apartment Đà Nẵng, King Palace Hà Nội, M Landmark Residences Đà Nẵng, Golden City An Giang, Muong Hoa Cultural Park Sapa, ALTARA Quy Nhơn, Dự án khu công viên văn hóa, thể thao, du lịch và phụ trợ hồ Thác Bà Yên Bái....

3. Cơ cấu tổ chức công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C



♦ **Diễn giải:**

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- **Hội đồng quản trị (HDQT):** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc công ty và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Pháp luật và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của công ty và nghị quyết ĐHCĐ quy định.

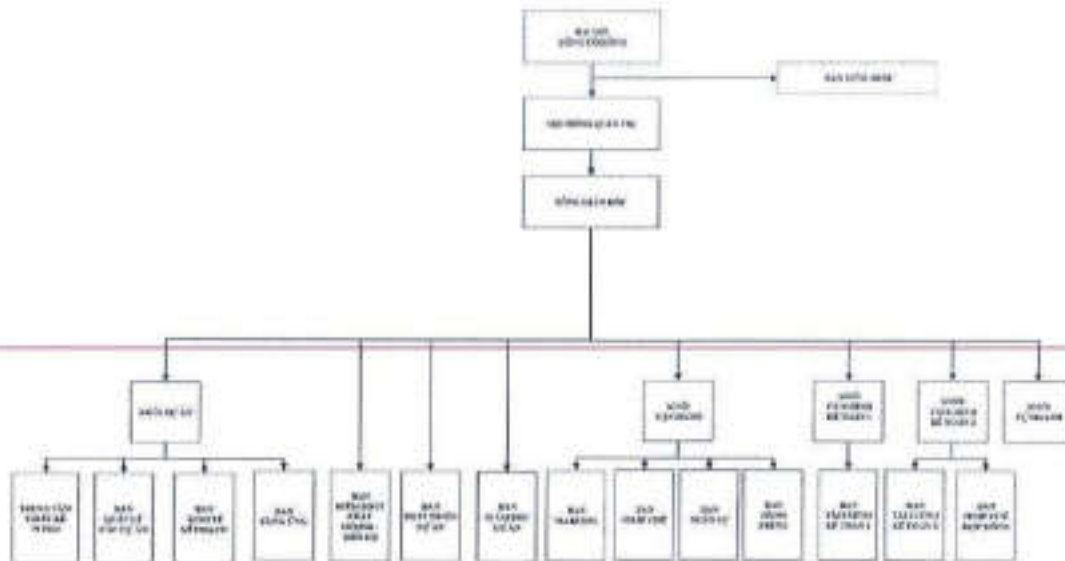
- **Ban kiểm soát (BKS):** Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Ban Tổng giám đốc:** Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc và một Phó Tổng Giám Đốc, Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm và bãi nhiệm.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám Đốc
2	Lê Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám Đốc

4. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C



♦ Chức năng nhiệm vụ hiện nay:

A. KHỐI DỰ ÁN

1. TRUNG TÂM THIẾT KẾ 79PRO

- 1.1. Cung cấp thông tin mô phỏng bản thiết kế với mô hình 3D
- 1.2. Lập hồ sơ thiết kế, hồ sơ dự toán, đánh giá kỹ thuật gói thầu: Cơ điện, Điện nhẹ, Điều hòa thông gió, Cấp thoát nước, Chữa cháy, Kết cấu, Nội thất, Kiến trúc, Hạ tầng.
- 1.3. Thẩm tra dự toán.

2. BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN

- 2.1. Xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện Dự án.
- 2.2. Tiếp nhận và bàn giao mặt bằng thi công cho các nhà thầu tham gia Dự án.
- 2.3. Tổ chức điều hành và phối hợp hoạt động của các nhà thầu tham gia trong Dự án.
- 2.4. Thực hiện chức năng quản lý, triển khai, giám sát thi công bao gồm từ khâu hướng dẫn, kiểm soát, giám sát hiện trường và quản lý chi phí xây dựng, khối lượng, chất lượng, tiến độ thi công.
- 2.5. Điều hành, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra các nhà thầu về biện pháp thi công, tiến độ thi công, chất lượng kỹ thuật, công tác quản lý tài sản, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn về người và tài sản trong phạm vi Dự án.
- 2.6. Tổ chức nghiệm thu từng hạng mục công trình, tổ chức giám định chất lượng, nghiệm thu hoàn thành công trình, nghiệm thu vật tư, thiết bị; xác nhận, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, khối lượng phát sinh. Thực hiện thủ tục hoàn công theo quy định của pháp luật.
- 2.7. Hướng dẫn, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ và thực hiện thủ tục thanh quyết toán. Đề xuất việc tạm ứng, thanh toán cho nhà thầu thực hiện Dự án.

- 2.8. Hoàn tất hồ sơ pháp lý của Dự án, lập báo cáo quyết toán và chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, chứng từ hợp lệ liên quan để thực hiện quyết toán vốn đầu tư với cơ quan có thẩm quyền.
- 2.9. Sau khi nghiệm thu, hoàn thành công trình, BQLDA chuẩn bị hồ sơ và thủ tục để bàn giao công trình cho đơn vị quản lý vận hành.

3. BAN KINH TẾ KẾ HOẠCH

- 3.3. Xây dựng, kiểm soát và điều phối kế hoạch dự án.
- 3.3. Lập Dự toán, Tổng mức đầu tư, Quản lý chi phí đầu tư.
- 3.3. Quản lý thanh quyết toán.

4. BAN CUNG ỨNG

- 3.1. Đấu thầu và cung ứng các gói thầu xây dựng, ME, hoàn thiện ...
- 3.2. Mua hàng phục vụ xây dựng dự án và vận hành dự án

B. BAN KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG – TIẾN ĐỘ

1. Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả bao gồm nhưng không giới hạn bởi các rà soát, đánh giá chính sau:
 - a. Mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát.
 - b. Tính đầy đủ, chính xác và an toàn của hệ thống thông tin quản lý.
 - c. Tính đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý và mức độ chính xác, an toàn của hệ thống hạch toán kế toán, hệ thống thông tin tài chính và các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.
 - d. Tuân thủ Quy định của Pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các Quyết định của Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện trong quá trình điều hành hoạt động.
 - e. Tuân thủ các quy định nội bộ, các quy trình, quy tắc tác nghiệp, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
 - f. Chất lượng công trình xây dựng và các hoạt động có liên quan.
 - g. Tiến độ công trình xây dựng.
2. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin được cung cấp.
3. Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
4. Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật.
5. Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến chức năng kiểm soát tuân thủ, chất lượng và tiến độ theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

C. BAN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

Chủ trì thực hiện các thủ tục pháp lý của Dự án trong các giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng và kết thúc đầu tư.

D. KHÓI VẬN HÀNH

1. BAN MARCOM

- 1.1. Quản lý hệ thống Thương hiệu của Công ty và các đơn vị thành viên.

- 1.2. Truyền thông nội bộ.
- 1.3. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR).
- 1.4. Nghiên cứu thị trường.

2. BAN PHÁP CHẾ

- 2.1. Kiểm soát, tư vấn, hỗ trợ pháp lý đối với các hoạt động quản trị, điều hành, quản lý cổ đông, đầu tư tài chính, mua bán sáp nhập ... của Công ty.
- 2.2. Kiểm soát tuân thủ các quy trình, quy định nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật.
- 2.3. Kiểm soát, tư vấn, hỗ trợ pháp lý đối với các hoạt động chăm sóc khách hàng của Công.
- 2.4. Cập nhật văn bản pháp luật, định kỳ đào tạo đối với các vấn đề pháp lý.

3. BAN NHÂN SỰ

- 3.1. Tuyển dụng và phát triển thương hiệu tuyển dụng.
- 3.2. Quản lý nhân viên.
- 3.3. Quản lý lương, thưởng và phúc lợi (Gói thu nhập).
- 3.3. Quản lý hệ thống phần mềm nhân sự.
- 3.4. Duy trì và phát huy văn hóa công ty.
- 3.5. Đào tạo và phát triển lãnh đạo, nhân tài, nhân viên.
- 3.6. Lưu trữ và truyền thông lịch sử Công ty.
- 3.7. Xây dựng và quản lý Quy chế, Quy định, Chính sách.
- 3.8. Xây dựng và quản lý Quy trình làm việc, Hướng dẫn công việc, Biểu mẫu ...
- 3.9. Chú trì cải tiến Quy trình làm việc.
- 3.10. Kiểm soát tuân thủ Quy trình làm việc.
- 3.11. Quản lý và nâng cao hiệu suất làm việc của Đơn vị/Cá nhân (KPI).

4. BAN HÀNH CHÍNH

- 4.1. Quản lý hệ thống CNTT
- 4.2. Quản lý và Phát triển phần mềm nghiệp vụ
- 4.3. Thực hiện các công tác hành chính bao gồm:
 - a. Mua hàng phục vụ hoạt động hành chính
 - b. Tổ chức sự kiện
 - c. Quản lý tài sản
 - d. Quản lý hoạt động văn phòng
 - e. Quản lý lưu trữ hồ sơ và quản lý con dấu
 - f. Quản lý hoạt động công đoàn

E. KHỐI TÀI CHÍNH KẾ TOÁN 1

1. Thu nhập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
2. Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn.
3. Ghi chép, tính toán, phản ánh quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và tình hình sử dụng kinh phí (nếu có) của đơn vị.
4. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch thu chi tài chính.

5. Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi phí tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ.
6. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.
7. Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

F. KHỐI TÀI CHÍNH KẾ TOÁN 2

1. BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN 2

- 1.1. Quản lý dòng tiền, Sổ dự tồn quỹ.
- 1.2. Cân đối dòng tiền, giám sát tình hình chi tiêu của Công ty.
- 1.3. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy chế tài chính nội bộ.
- 1.4. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, ngắn hạn và dài hạn.
- 1.5. Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch tài chính.
- 1.6. Quản lý dòng tiền, sổ dự tồn quỹ.
- 1.7. Cân đối dòng tiền, giám sát tình hình chi tiêu của Công ty.

2. BAN PHÁP CHẾ HỢP ĐỒNG

- 2.1. Soạn thảo tất cả các loại hợp đồng và phụ lục hợp đồng về việc mua bán, thi công xây dựng dự án.
- 2.2. Thương thảo, đàm phán điều khoản các loại hợp đồng, phụ lục hợp đồng
- 2.3. Lập mẫu các loại bảo lãnh hợp đồng
- 2.4. Lập kế hoạch/dự trù tài chính hàng tuần
- 2.5. Thương thảo, đàm phán, xử lý hồ sơ tạm ứng và hồ sơ bảo lãnh hợp đồng
- 2.6. Quản lý hồ sơ hợp đồng

G. KHỐI TỰ DOANH

1. Chủ trì lập, nộp hồ sơ dự thầu và tham dự mở thầu, tổng kết kết quả mở thầu.
2. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện dự án trúng thầu hiệu quả.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

5.1 Danh sách Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 20/07/2018

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan ngày 20/07/2018

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/MSD N	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Minh Nhật	Số 112 Mai Hắc Đế phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	001088006037	865.150	7,21%
2	Công ty cổ phần Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	0106338261	660.000	5,5%
3	Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam	KCN Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	0900191660	7.200.100	60,0%
4	East Wing Asset Management Corporation	4F Nihonbashi 3-2-14.Chuo-ku.Tokyo.Japan 103-0027	CS1640	612.550	5,1%
	Tổng			9.337.800	77,8%

Nguồn: Danh sách cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 20/07/2018

Những người có liên quan đến những cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên sở hữu cổ phiếu AME:

- Ông Nguyễn Minh Nhật hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Alphanam E&C nắm giữ 865.150 cổ phiếu AME, tương ứng 7,2% vốn điều lệ hiện là chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Alphanam.

- Ông Bùi Hoàng Tuấn hiện là Chủ tịch HĐQT CTCP Alphanam E&C nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương ứng 4,17% vốn điều lệ hiện là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại CTCP Đầu tư Alphanam.

5.2. Danh sách Cổ đông sáng lập của Công ty

Bảng 2 - Danh sách cổ đông sáng lập

Cổ đông	SỐ CMND/MSDN	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
Công ty cổ phần Alphanam	0106338261	Số 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội	660.000	6.600.000.000	5,50
Nguyễn Hữu Phương	012784454	1-5 nhà A1T5C tập thể Quán đội, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	18.000	1.800.000.000	0,15
Bùi Hoàng Tuấn	011501457	Phòng 4, nhà R, tập thể đường sắt, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000	5.000.000.000	4,17

Nguồn: Công ty cổ phần Alphanam E&C

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, số lượng cổ phần sở hữu của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty vào ngày 17/11/2006 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Số lượng cổ phần tăng thêm của cổ đông sáng lập trong các đợt phát hành sau ngày đăng ký kinh doanh lần đầu không bị hạn chế chuyển nhượng. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông sáng lập đã hết hạn chế chuyển nhượng và trở thành cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

5.3. Cơ cấu Cổ đông của Công ty ngày 20/07/2018

Bảng 3 - Cơ cấu cổ đông công ty cổ phần Alphanam E&C ngày 20/07/2018

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
Cổ đông trong nước	231	10.711.250	107.112.500.000	89,26
Tổ chức	03	7.870.100	78.701.000.000	65,28
Cá nhân	228	2.841.150	28.411.500.000	23,68
Cổ đông nước ngoài	07	1.288.750	12.887.500.000	10,74
Tổ chức	04	794.650	7.956.500.000	6,62
Cá nhân	03	494.100	4.941.000.000	4,12
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng	238	12.000.000	120.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông công ty do VSD cập chốt tại ngày 20/07/2018

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

6.1 Công ty mẹ:

Công ty mẹ	Địa chỉ	Số CMND/MS DN	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
CTCP Đầu tư Alphanam	Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	0900191660	7.200.100	60,00%

6.2 Danh sách Công ty con: Không có

- 6.3 Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Alphanam E&C đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

6.4 Danh sách Công ty liên kết: Không có

7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 4 - Quá trình tăng vốn của công ty

Đơn vị: VND

Thời điểm	Giá trị vốn tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận tăng vốn
Năm 2006	30.000.000.000	80.000.000.000	Thành lập công ty cổ phần	ĐKKD 0103014620 Do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 11/06/2007
Năm 2007(*)	40.000.000.000	120.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	ĐKDN 0100520683 Do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 10/09/2013

Nguồn: Công ty cổ phần Alphanam E&C

(*) Trong đợt phát hành này ông Nguyễn Tuấn Hải đã chuyển nhượng 2.700.000 cổ phần nắm giữ trước khi phát hành và 840.000 quyền mua cổ phần trong đợt phát hành này cho 7 cổ đông khác. Tổng số cổ đông khi kết thúc đợt phát hành là 14 cổ đông.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Lĩnh vực kinh doanh

Alphanam E&C được định hướng phát triển và đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực Tổng thầu Xây dựng và Cơ điện, Nhà thầu thiết kế xây dựng.

Hiện nay, nhà máy cơ điện của Alphanam E&C đặt tại Khu công nghiệp ALPHANAM tại Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Các sản phẩm bao gồm: Thiết bị đóng cắt, thiết bị bảo vệ dân dụng, các loại hòm công tơ điện, hộp chia dây, tủ điện trung áp, tủ đấu dây ngoài trời, tủ điện bảo vệ và điều khiển, tủ điện AC/DC, tủ nạp ắc quy, tủ phân phối, tủ chiếu sáng, tủ cầu chì, hệ thống thanh cái, hệ thống thang máng cáp, phụ kiện... và các sản phẩm cơ khí phục vụ cho công tác Nhà thầu cơ điện của Alphanam E&C và các khách hàng có nhu cầu.

Với truyền thống 15 năm, lĩnh vực Nhà thầu cơ điện là sự khởi đầu và cũng là hình ảnh và uy tín của Alphanam E&C trên thị trường. Alphanam E&C luôn chú trọng và tập trung các nguồn lực cho công việc Nhà thầu cơ điện và hội tụ ở các lĩnh vực sau:

- Thi công xây lắp các công trình năng lượng như: Trạm biến áp, đường dây cao áp và siêu cao áp, hệ thống truyền tải và phân phối điện.
- Tổng thầu cơ điện cho các ngành công nghiệp: Các nhà máy thép, nhà máy xi măng, nhà máy hoá dầu, nhà máy giấy, nhà máy cấp nước, nhà máy xử lý nước thải...
- Tổng thầu cơ điện cho các dự án hạ tầng và dân dụng: Các công trình hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, cao ốc văn phòng, khách sạn.
- Nhà thầu cung cấp thiết bị và các giải pháp cho ngành năng lượng: Trạm biến áp cao áp và siêu cao áp, các dự án cấp ngầm cao áp, hệ thống SCADA và viễn thông trong hệ thống điện...

Nếu cơ điện là lĩnh vực truyền thống thì xây dựng bất động sản chính là định hướng phát triển mới của Alphanam. Trong giai đoạn 2006 – 2010, Alphanam E&C đã có những bước chuẩn bị tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững, mở rộng công ty sau này.

Từ nền tảng trong ngành xây lắp và xây dựng, từ 2011 đến 2015, Alphanam đã hợp

tác với các công ty hàng đầu thế giới để triển khai hàng loạt những dự án bất động sản cao cấp trên khắp cả nước. Những dự án tại Lào Cai, Hà Nội, Đà Nẵng, An Giang... chính là bước khởi đầu mạnh mẽ của Alphanam E&C trên thị trường bất động sản.

8.2. Địa bàn hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Alphanam E&C với ngành nghề chính là Tổng thầu Xây dựng và cơ điện, Nhà thầu Thiết kế xây dựng nên mảng hoạt động kinh doanh này của công ty ít bị rào cản địa lý, địa bàn hoạt động của công ty sẽ dựa trên từng danh mục sản phẩm và dịch vụ, các dự án mà công ty đầu tư mà hoạt động trên một vùng miền hay địa phương nhất định. Công ty Alphanam E&C đặt mục tiêu sẽ hoạt động rộng khắp trên cả nước.

8.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

♦ Doanh thu theo nhóm sản phẩm

**Bảng 5 - Báo cáo doanh thu từ lĩnh vực hoạt động qua các năm,
lũy kế 9 tháng đầu năm 2018**

Đơn vị: VND

Nhóm sản phẩm	Năm 2016		Năm 2017		Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng %DT	Giá trị	Tỷ trọng %DT	Giá trị	Tỷ trọng %DT
Bán hàng hóa	250.232.111.109	61,32	205.897.884.827	27,04	242.561.718.833	59,75
Cung cấp dịch vụ	4.558.812.366	1,12	12.065.583.010	1,58	52.835.786.993	13,01
Kinh doanh bất động sản	14.523.265.495	3,56	15.246.660.031	2,00	64.893.070.518	15,98
Hợp đồng xây dựng	138.725.908.049	34,00	528.175.254.495	69,38	45.680.041.100	11,25
Tổng	408.040.097.019	100	761.385.382.363	100	405.970.617.444	100

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

Tính đến hết 09 tháng năm 2018, Doanh thu của Alphanam E&C đạt hơn 405 tỷ đồng tương đương với 40,5% doanh thu kế hoạch năm 2018. Đây là đặc trưng chung của các doanh nghiệp ngành Xây dựng và cơ điện, thiết kế xây dựng do thường quyết toán các công trình, dự án vào các quý cuối năm. Trong cơ cấu tổng doanh thu của Alphanam E&C trong 09 tháng đầu năm 2018 là 59,75% giá trị đến từ hoạt động bán hàng hóa của công ty, cao hơn rất nhiều so với tỷ trọng năm 2017.

❖ Lợi nhuận gộp qua các giai đoạn

Bảng 6 - Lợi nhuận gộp qua các năm, lũy kế 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ lệ/ DTT	Năm 2017	Tỷ lệ/ DTT	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/09 2018	Tỷ lệ/ DTT
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.479.206.780	6,00%	34.817.268.792	4,57%	26.115.667.434	6,43%

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

8.4. Nguyên vật liệu

8.4.1. Nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tổng thầu xây dựng và cơ điện, thầu thiết kế xây dựng, đầu vào chính cho hoạt động sản xuất của Alphanam E&C là:

- Tư liệu sản xuất: đất đai, vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện;
- Các sản phẩm cơ khí, cơ điện; xây dựng bất động sản;
- Các dự án bất động sản, các thiết kế công trình;
- Các sản phẩm thiết bị điện phân phối và truyền tải của các hãng sản xuất như máy biến áp, máy cắt, biến dòng, biến điện áp, tủ điện trung thế...

8.4.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Cùng với sự phát triển của thị trường cung cấp vật liệu điện trong quá trình hội nhập của nền kinh tế đất nước, số lượng nhà cung cấp nguyên vật liệu trong nước và nước ngoài trên thị trường đã tăng lên đáng kể. Sự gia tăng số lượng nhà cung cấp làm phong phú thêm chủng loại cũng như chất lượng của nguyên vật liệu cung cấp cho Alphanam E&C, tạo thêm nhiều sự lựa chọn cho Alphanam E&C trong quá trình thực hiện các công trình.

Trên cơ sở đánh giá thị trường yếu tố đầu vào, Alphanam E&C đã chủ động áp dụng đồng bộ các biện pháp có hiệu quả để tạo sự chủ động trong nguồn vật tư phục vụ cho quá trình thực hiện các công trình.

- Lập kế hoạch quy hoạch phù hợp với từng dự án bất động sản;
- Giám sát chặt chẽ thiết kế, xây dựng
- Lập kế hoạch vật liệu chi tiết và dài hạn cho các công trình thi công để có thể chủ động tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu;
- Giám sát và quản lý tốt các hoạt động xây lắp các công trình, tận dụng một cách tối đa các nguyên vật liệu sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí thi công nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng công trình;
- Thường xuyên cập nhật và chủ động tìm kiếm thêm các nhà cung ứng nguyên vật liệu trên thị trường (các nhà cung cấp nước ngoài);
- Lựa chọn các nhà cung ứng có uy tín trên thị trường và thiết lập mối quan hệ bán hàng chiến lược để có đảm bảo sự ổn định của nguồn cung cấp.

8.4.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm của ngành xây dựng và cơ điện nói chung và các sản phẩm của Alphanam E&C nói riêng. Do vậy khi giá cả biến động, tất yếu ảnh hưởng tới giá thành sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, lợi nhuận.

Những biến động về giá cả nguyên vật liệu trên thị trường sẽ gây ảnh hưởng đáng kể tới kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Alphanam E&C. Đặc biệt là khi giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng mạnh. Nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra, khi lập kế hoạch đầu tư dự án, lập dự toán công trình, Alphanam E&C luôn tính toán mức độ trượt giá hợp lý của các loại nguyên vật liệu, đồng thời trích lập dự phòng khi nhận thấy khả năng biến động giá cao của thị trường.

8.5. Chi phí sản xuất

Bảng 7 - Cơ cấu chi phí theo các loại chi phí

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Năm 2016	Tỷ trọng (%)	Năm 2017	Tỷ trọng	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/09 2018	Tỷ trọng (%)
Chi phí giá vốn	383.324.650.854	94,49	726.403.185.042	96,87	379.854.950.010	94,11
Chi phí tài chính	5.392.589.677	1,33	5.855.423.428	0,78	11.455.471.353	2,45
Chi phí bán hàng	5.576.254.318	1,37	1.717.909.612	0,23	719.622.644	0,10
Chi phí QLDN	10.601.370.217	2,61	11.590.989.740	1,54	12.420.204.804	3,23
Chi phí thuế TNDN	584.655.617	0,15	3.229.973.057	0,43	383.143.484	0,07
Chi phí khác	178.863.561	0,05	1.067.272.290	0,15	231.260.008	0,04
Tổng	405.658.384.244	100	749.864.753.169	100	405.064.652.303	100

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

Chi phí giá vốn đóng vai trò quan trọng nhất trong tổng chi phí kinh doanh của công ty, tỷ trọng có xu hướng tăng mạnh từ năm 2016 đến 2017, chủ yếu đến từ mảng chi phí giá vốn. Bên cạnh các loại chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trên tổng chi phí. Công ty duy trì tình hình tài chính ổn định và hợp lý để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

8.6. Trình độ công nghệ

Giá trị vô hình từ các phần mềm công nghệ: Qua một loạt các dự án và hợp đồng thực hiện với nhà cung cấp nước ngoài, Alphanam E&C đang sở hữu bản quyền các phần mềm công nghệ hiện đại, điển hình như:

- Bản quyền phần mềm hệ thống truyền thông SCADA cho nhà máy xử lý nước sạch công suất lên tới 300.000 m³/ngày đêm;
- Bản quyền phần mềm tự động hoá, điều khiển và bảo vệ các trạm biến áp, cao áp với thiết bị của Siemens, ABB, ARERA;
- Bản quyền phần mềm cho hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.

8.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Mở rộng thị trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển của Alphanam E&C.

Nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo sự phát triển ổn định Alphanam E&C, tránh tình trạng phát triển quá nóng nhưng cũng không chậm chễ trong việc nắm bắt cơ hội kinh doanh mở rộng thị trường, đầu tư bất động sản có chọn lọc, thực hiện đa dạng hoá hoạt động sang các lĩnh vực có tiềm năng phát triển như cơ khí chế tạo, khai thác khoáng sản, để đảm bảo lợi nhuận trong tương lai phục vụ Alphanam E&C phát triển bền vững.

Năng lực thiết kế, thi công, xây dựng, trang thiết bị hiện có của Alphanam E&C tương đối đồng bộ, hiện đại và sẽ liên tục được đầu tư cho phù hợp với sự phát triển của Alphanam E&C cũng như công nghệ của thị trường yêu cầu.

Đội ngũ CBCNV trẻ trung, nhiệt huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm và luôn học hỏi ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Alphanam E&C chủ động đầu tư, tìm kiếm liên doanh, liên kết thi công các công trình phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và đảm bảo sự phát triển bền vững nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giá trị thương hiệu của Alphanam E&C.

8.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đặc thù sản xuất kinh doanh của Alphanam E&C là đầu tư xây dựng, thiết kế, thi công xây lắp các công trình điện theo hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật được phê duyệt, vì vậy để đảm bảo uy tín và thương hiệu Alphanam E&C, Ban lãnh đạo Alphanam E&C luôn lấy tiến độ, chất lượng công trình là mục tiêu chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình thi công.

Trong quá trình thi công, luôn giám sát chặt chẽ nguồn cung cấp vật tư đúng, đủ số lượng, chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật công trình yêu cầu.

Đối với các dự án, công trình có giá trị, quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp, Alphanam E&C đã thành lập các Ban điều hành trực tiếp chỉ huy tại hiện trường, đôn đốc kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, thanh quyết toán, thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu nội bộ.

Hiện nay, Alphanam E&C đang áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia và hệ thống tiêu chuẩn quản lý quốc tế ISO 9001-2000.

8.9. Hoạt động Marketing

Để nâng cao thương hiệu, uy tín Alphanam E&C trên thị trường đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, lắp đặt công trình điện và được nhiều tổng công ty, chủ đầu tư các dự án biết tới, Alphanam E&C đã có hướng chỉ đạo tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác đã có thương hiệu uy tín trên thị trường, tăng cường giao lưu hội thảo giới thiệu năng lực và chứng minh bằng các sản phẩm đã và đang thực hiện cạnh tranh.

Bên cạnh đó, Alphanam E&C luôn chú trọng việc tạo dựng thương hiệu cũng như mở rộng thị trường và mạng lưới khách hàng. Alphanam E&C coi đây là một trọng tâm chính trong chiến lược marketing chính của mình.

Tạo dựng thương hiệu

Là công ty con của Công ty cổ phần Alphanam, một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành Xây dựng bất động sản, Công nghiệp điện Việt Nam. Phát huy lợi thế đó, Alphanam E&C đã xác định việc tạo dựng thương hiệu Alphanam E&C gắn liền với những giá trị sau:

- Tạo ra những dự án đẳng cấp quốc tế, mang lại cuộc sống tốt đẹp, thỏa mãn cho khách hàng.
- Cung cấp sản phẩm, công trình với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của khách hàng về kỹ thuật, tiến độ và thẩm mỹ công trình;
- Phục vụ khách hàng với phong cách chuyên nghiệp, tận tình và tinh thần trách nhiệm cao;
- Không ngừng đầu tư, cải tiến để áp dụng những công nghệ và máy móc thi công hiện đại nhất vào việc thi công công trình

Mở rộng thị trường

Trong chiến lược hoạt động của mình, Alphanam E&C luôn coi trọng công tác mở rộng thị trường nhằm thu hút ngày càng nhiều khách hàng, mang lại hiệu quả hơn nữa cho Alphanam E&C và các cổ đông. Công tác mở rộng thị trường được thực hiện thông qua các công việc sau:

- Tận dụng các mối quan hệ sẵn có để mở rộng mạng lưới khách hàng, tìm kiếm các hợp đồng mới;
- Tích cực liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội mở rộng kinh doanh và học hỏi công nghệ;

Chiến lược cạnh tranh

Alphanam E&C đã lựa chọn các chiến lược cạnh tranh mới nhằm phù hợp hơn nữa với tình hình đặc biệt nhạy cảm của nền kinh tế hiện nay.

Chính sách giá cả

Để nâng cao cạnh tranh về giá trong sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, Alphanam E&C tập trung đầu tư về con người, công nghệ và ưu tiên cho việc nghiên cứu, phát triển công nghệ, nâng cao năng lực làm việc khai thác hiệu quả những thế mạnh hiện có, ứng dụng các công nghệ và kỹ thuật mới nâng cao năng suất, áp dụng mô hình quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế và văn phòng điện tử để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, nâng cao lợi thế cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển bền vững của Alphanam E&C.

8.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty như sau :



8.11. Một số hợp đồng đã và đang được thực hiện

Bảng 8 – Một số hợp đồng đã và đang thực hiện của công ty

Đơn vị: VND

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Thị trường	Giá trị hợp đồng	Thời gian ký kết	Thời gian bắt đầu thực hiện
1	Công ty CP Địa ốc Alphanam	Xây lắp điện	Miền Trung	207.785.820.768	2015	2015 - 2018
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Xây lắp điện	Miền Nam	56.472.846.000	2016	2016-2018
3	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Xây lắp điện	Miền Nam	38.760.463.640	2015-2016	2015-2018
4	Ban Quản lý dự án phát triển điện lực	Xây lắp điện	Miền Trung	72.129.200.000	2016-2018	2016-2018
5	Công ty CP TVTK Salvador Perez Arroyo	Tư vấn thiết kế	Cả nước	9.444.686.779	2017	2017
6	Công ty CP Máy Lê Tỵ	TOTO	Hà Nội	9.261.766.000	2017	2017

Nguồn: Công ty cổ phần Alphanam E&C

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 9 - Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất, lũy kế 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng, giảm	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tổng giá trị tài sản	447.336.726.250	530.851.261.032	18.67%	570.768.913.226
Doanh thu thuần	407.803.857.634	761.220.453.834	86.66%	405.970.617.444
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.924.781.667	15.962.975.229	445.78%	1.636.808.009
Lợi nhuận khác	(120.026.730)	(675.923.362)	-	(133.018.608)
Lợi nhuận trước thuế	2.804.754.937	15.287.051.867	445.04%	1.503.789.401
Lợi nhuận sau thuế	2.220.099.320	12.057.078.810	443.1%	1.120.645.917
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 so với năm 2016 tăng 9.836.979.490 đồng, tương đương 443,08%. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Lợi nhuận của công ty năm 2017 chủ yếu đến từ nguồn lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh chính tăng tới gần 445,78% so với cùng kỳ năm 2016.

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.

Năm 2017 là một năm tương đối biến động về công tác nhân sự của công ty. Cùng với việc tái cấu trúc cơ cấu hoạt động của công ty, việc tái cấu trúc nhân sự cũng tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong công việc. Công ty đã cố gắng ổn định và duy trì được đội ngũ cán bộ chủ chốt, tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai. Đồng thời với việc kiện toàn nhân sự, Tổng Giám đốc đã chủ động phân giao cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực công việc cụ thể của Công ty. Ngoài việc thực hiện vai trò điều hành chung, Tổng giám đốc đã xây dựng cơ chế làm việc tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong Ban điều hành phát huy hết chuyên môn, tính độc lập, chủ động, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của công ty.

Các sản phẩm và dịch vụ của Alphanam E&C hướng tới đối tượng khách hàng là các công ty bất động sản, công ty điện lực, các dự án đầu tư công nghiệp, dân dụng và hạ tầng. Nền công nghiệp Việt Nam hiện nay có thể mới chỉ là bắt đầu. Nhờ các yếu tố của môi trường vĩ mô thuận lợi như: tốc độ tăng trưởng GDP, mặt bằng giá cả sinh hoạt thấp dù chỉ số giá tiêu dùng luôn tăng trưởng cao hơn các nước trong khu vực, môi trường chính trị và an ninh vững chắc, điều kiện địa lý lý tưởng, thói quen tiêu dùng..., trong trung hạn và dài hạn, Việt Nam luôn được coi là điểm đến cho các dự án đầu tư công nghiệp, bất động sản và các dịch vụ khác. Với cơ sở hạ tầng hiện tại, dòng vốn đầu tư sẽ được chảy vào các lĩnh vực này không ngừng. Thị trường cơ điện công trình trong lĩnh vực công nghiệp và dân dụng – hạ tầng sẽ còn phát triển trong rất nhiều, nhiều năm tiếp theo với tốc độ tăng trưởng cao.

Đối thủ cạnh tranh

Các công ty cạnh tranh trong ngành phân loại theo sản phẩm và dịch vụ của Alphanam E&C:

Đối với lĩnh vực Tổng thầu xây dựng bất động sản:

- Tại thị trường phía bắc: Công ty cổ phần đầu tư Hải Phát, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang, Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Bất động sản TNR, Công ty cổ phần Tập đoàn Shunshine,....v.v....
- Tại thị trường miền trung: Công ty cổ phần Tập đoàn FLC, Công ty cổ phần tập đoàn Mặt trời, Công ty cổ phần Tập đoàn TMS, Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, Công ty Cổ phần địa ốc Đại Tín,....v.v....
- Tại thị trường phía nam: Tập đoàn Đất Xanh, Tập đoàn Hoa Lâm, Công ty địa ốc Phú Long, Công ty bất động sản Eximrs, Tập đoàn Phúc Khang, Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Hưng Thịnh, ...v.v....

Đối với lĩnh vực Nhà thầu cơ điện:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E, Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh SEAREFICO, Công ty TNHH HAWEE Cơ điện, Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sima,....

Đối với lĩnh vực sản xuất

- Tại các tỉnh Phía Bắc: Việt Á; EDH; 3C và khoảng 10 công ty quy mô nhỏ khác.
- Tại các tỉnh Phía Nam: Sun light, Sáng tạo, và khoảng 5 công ty quy mô vừa; 10 công ty quy mô nhỏ khác.

Đối với thiết bị trạm biến áp truyền tải

- Các công ty nước ngoài: Comin Asia; Franco Pacific (Các nhà thầu đến từ Pháp và đại diện khu vực vùng ở Singapore và Hồng Kông); EnerPenza (Nhà Thầu đến từ Malaysia) và một số Nhà thầu đến từ Trung Quốc như: Shanghai Power, XIAN, ChinT, v.v....
- Tại các tỉnh Phía Nam: Công ty Thiết bị điện Sài Gòn
- Tại các tỉnh Phía Bắc: Việt Á, Công ty CP chế tạo biến thế Đông Anh và một số nhà thầu có quy mô vừa và nhỏ như EDH, ENTEC...

Hệ thống điều hòa thông gió

- Các công ty Việt Nam có cùng quy mô là Công ty CP cơ điện REE tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty CP SEAREE tại Đà Nẵng

Công nghệ xử lý nước

- Các công ty Việt Nam có cùng quy mô là Công ty VIWASE (Hà Nội), Công ty CP VINASEEN (tại Hà Nội), Công ty Tân Tiến (TP HCM)

Tích hợp hệ thống, tự động hóa và truyền động điện

- Lĩnh vực Hệ thống điện: Tại Hà Nội có Công ty ATS; Công ty EDH, Công ty ENTEC và một số công ty quy mô nhỏ mới tham gia ngành như Mai Hoàng, Vina Link v.v...
- Lĩnh vực Công nghiệp: Công ty Việt Sáng tạo, Công ty CAC, Công ty EID

10.2. Triển vọng phát triển ngành.

Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian tới có nhiều tín hiệu lạc quan về khả năng phục hồi sau khủng hoảng như: Tình hình kinh tế vĩ mô khá quan, tăng trưởng kinh tế cao, lãi suất trở nên ổn định hơn, nhiều Doanh nghiệp đã có mức tăng trưởng tốt.

- Lĩnh vực bất động sản

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào quỹ đất tiềm năng sẵn có chưa được khai thác. Đồng thời phát triển nguồn nhân lực ngành bất động sản để cung cấp cho thị trường những dự án chất lượng tốt nhất.

- Lĩnh vực điện

Trong cơ cấu nguồn điện sẽ vẫn tiếp tục nâng dần tỷ trọng các nguồn phi thủy điện. Theo kế hoạch đến năm 2020, thủy điện chỉ chiếm 28,5%; nhiệt điện dầu và khí chiếm 26,7%; nhiệt điện than chiếm 30,2%; nhập khẩu 5,8%.

Tốc độ tăng trưởng về nhu cầu sử dụng điện cao gấp khoảng hai lần tốc độ tăng trưởng GDP trong khi năng lực cung cấp (nguồn điện) cho đến nay luôn trong tình trạng thiếu.

- Lĩnh vực công nghiệp và dân dụng – hạ tầng

Trong trung hạn và dài hạn, Việt Nam luôn được coi là điểm đến cho các dự án đầu tư công nghiệp, bất động sản và các dịch vụ khác. Với cơ sở hạ tầng hiện tại, dòng vốn đầu tư sẽ được chảy vào các lĩnh vực này không ngừng. Thị trường cơ điện công trình trong lĩnh vực công nghiệp và dân dụng – hạ tầng sẽ còn phát triển trong rất nhiều năm tiếp theo với tốc độ tăng trưởng cao.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Các sản phẩm và dịch vụ của Alphanam E&C hướng tới đối tượng khách hàng là các nhà đầu tư, công ty bất động sản, các công ty điện lực, các dự án đầu tư công nghiệp, dân dụng và hạ tầng. Theo chiến lược phát triển của Alphanam E&C với định hướng mở rộng lĩnh vực đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính. Đây là lĩnh vực kinh doanh có nhiều triển vọng trong những năm tới và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước, yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động trong công ty

Tổng số cán bộ, nhân viên của công ty tại 30/09/2018 là: 201 người

Bảng 10 – Cơ cấu lao động công ty ngày 30/09/2018

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đại học trở lên	188	93,53
2	Cao đẳng, trung cấp	10	4,98
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	03	1,49
Tổng số		201	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Với bề dày kinh nghiệm trong ngành, Alphanam E&C sở hữu lực lượng lao động được đào tạo bài bản có kinh nghiệm thực tiễn và có ý thức tổ chức, kỷ luật cao. Đội ngũ lãnh đạo điều hành Công ty là những người chuyên nghiệp, có năng lực lãnh đạo và chuyên môn, có uy tín và trải nghiệm trong ngành xây lắp. Đội ngũ công nhân thi công các dự án có năng lực nghiệp vụ tốt, đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình.

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Alphanam E&C nhằm hướng tới mục tiêu trang bị cho nhân viên những kiến thức, kỹ năng tiên tiến và thái độ phù hợp để sản xuất và phục vụ khách hàng có hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phát triển tiềm năng của mỗi nhân viên và mang lại hiệu quả tối đa cho Alphanam E&C, hỗ trợ công tác đào tạo và phát triển ở tất cả vị trí và coi đây là sự đầu tư cần thiết bằng cách phân bổ ngân sách hợp lý.

Alphanam E&C thành lập theo Luật Doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong Alphanam E&C được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, nâng lương đúng hạn...

Alphanam E&C luôn quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

Alphanam E&C có Chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu, đồng thời áp dụng những biện pháp, quy định xử phạt nghiêm minh đối với cán bộ nhân viên vi phạm Nội quy, Kỷ luật lao động.

Lãnh đạo Alphanam E&C phối hợp với BCH Công đoàn Alphanam E&C có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBCNV; Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn, rui ro...

Công tác tuyển dụng, đào tạo được chú trọng nhằm hướng tới chất lượng nguồn nhân lực. Phong trào thi đua, công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được phát triển. Bên cạnh đó, Công ty cũng hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chí đánh giá các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng phù hợp, tạo động lực cho CBCNV tích cực tham gia đóng góp vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; chú trọng tăng cường hoạt động của Hội đồng xét duyệt sáng kiến, nhằm khen thưởng kịp thời những cá nhân có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý áp dụng vào sản xuất, quản lý của đơn vị. Công ty trang bị đầy đủ công cụ, bảo hộ lao động cho CBCNV, thường xuyên tổ chức huấn luyện cho CBCNV về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

11.3. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,0 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Alphanam E&C có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Alphanam E&C từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm, nghỉ chế độ theo đúng quy định.

Điều kiện làm việc: Alphanam E&C trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, thiết bị làm việc, đồng thời Alphanam E&C luôn tuân thủ nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ hiện hành, cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Alphanam E&C. Alphanam E&C chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cũng theo Điều lệ hiện hành, Hội đồng quản trị có thể chi trả cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần hoặc bằng tài sản khác của Alphanam E&C, tùy theo điều kiện hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính của Alphanam E&C tại từng thời điểm.

Chính sách cổ tức sẽ được HĐQT hoạch định và thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, nhằm vừa đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông vừa có thể giữ lại một phần lãi để lại phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển doanh nghiệp bền vững, cũng như để tăng cường tính thanh khoản, tính hấp dẫn của cổ phiếu Alphanam E&C trên thị trường...

Do tình hình kinh tế vĩ mô có những tín hiệu tốt nhưng vẫn chỉ ở ngắn hạn, về dài hạn có thể ảnh hưởng từ các cuộc khủng hoảng hay bất ổn tài chính khiến nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng sẽ gặp những khó khăn. Vì vậy ban lãnh đạo công ty đã đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua tại các cuộc họp thường niên rằng việc phân phối lợi nhuận của công ty sẽ được giữ lại dành cho sự phát triển trong tương lai mà sẽ không chia cổ tức trong những năm 2015, 2016, 2017.

13. Tình hình tài chính.

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Vốn điều lệ, nguồn vốn kinh doanh

❖ Vốn điều lệ

Bảng 11 – Vốn điều lệ qua các năm

Năm	Vốn điều lệ (VND)
2006	80.000.000.000
2007	120.000.000.000

Nguồn: Công ty cổ phần Alphanam E&C

❖ Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối. Nguồn vốn chủ sở hữu của Alphanam E&C qua các năm từ 2016 đến nay có sự gia tăng không đáng kể, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại. Công ty không huy động thêm nguồn vốn từ cổ đông trong các năm 2016 và 2017. Chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu của công ty như sau:

Bảng 12 - Tình hình vốn kinh doanh qua các năm, lũy kế 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Quý III/ 2018
Tổng cộng	136.308.779.296	148.365.858.106	149.486.504.024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	840.866.910	840.866.910	840.866.910
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.467.912.386	27.524.991.196	28.645.637.114

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

❖ Tài sản.

Bảng 13 - Tình hình tài sản công ty giai đoạn từ 2016 – 30/09/2018

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Quý III/ 2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	340.556.538.041	445.483.100.267	490.184.250.249
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.317.784.431	22.073.139.576	2.020.359.852
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	48.160.338.516	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	176.059.429.340	322.778.199.294	429.850.134.764
Hàng tồn kho	111.322.129.123	97.789.533.294	58.082.001.647
Tài sản ngắn hạn khác	1.696.856.631	2.842.228.103	231.753.986
TÀI SẢN DÀI HẠN	106.780.188.209	85.368.160.765	80.584.662.977

Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	9.724.880.967	9.067.868.765	7.826.773.494
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.653.321.971	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	76.401.985.271	76.300.292.000	72.757.889.480
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	447.336.726.250	530.851.261.032	570.768.913.226

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

Tổng tài sản năm 2017 tăng 18,67% so với năm 2016. Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm gần 60,8% trong cơ cấu Tài sản năm 2017, khoản phải thu ngắn hạn năm 2017 có sự tăng lên 83,33% so với năm 2016. Công ty không có trường hợp nào bị nợ đọng, nợ xấu, đồng tiền vẫn được duy trì.

b) Trích khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	-6 - 25
Máy móc và thiết bị	-6 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	-3 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-6 - 08
Phần mềm máy tính	-3 - 05

c) Mức lương bình quân.

Mức lương bình quân của công ty trong năm 2017 là 14.600.000 đồng/người/tháng (tăng so với mức lương năm 2016 là 12.100.000 đồng/người/tháng).

d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính

đến thời điểm 31/3/2017 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, thực hiện nộp đúng và đủ các loại thuế.

Bảng 14 - Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.210.344.253
Thuế xuất.nhập khẩu	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	432.575.111	3.140.208.927
Thuế Thu nhập cá nhân	50.325.972	380.052.748
Thuế Nhà đất. Tiền thuế đất	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	19.429.076
Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	482.901.083	8.750.035.004

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017

f) Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty đã trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Bảng 15 - Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	840.866.910	840.866.910
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Tổng	840.866.910	840.866.910

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017

g) Tổng dư nợ vay

Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo uy tín của Công ty đối với các nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng.

❖ **Vay và nợ ngắn hạn**

Bảng 16 - Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: VND

Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	Quý III/ 2018
Nợ ngắn hạn	303.079.938.065	376.026.627.753	415.267.943.047
Nợ dài hạn	7.948.008.889	6.458.775.173	6.014.466.155
Tổng	311.027.946.954	382.485.402.926	421.282.409.202

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

h) Tình hình công nợ hiện nay

❖ Nợ phải thu

Bảng 17 - Các khoản nợ phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Quý III/2018
Ngắn hạn	176.059.429.340	322.778.199.294	429.850.134.764
Phải thu của khách hàng	125.872.432.382	164.028.153.638	294.145.443.223
Trả trước cho người bán	56.088.840.070	165.221.484.239	143.891.301.780
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.608.046.109	3.235.949.168	1.520.777.512
Dự phòng khó đòi	(7.509.889.221)	(9.707.387.751)	(9.707.387.751)
Dài hạn	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

❖ Nợ phải trả

Bảng 18 - Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	Quý III/2018
Nợ ngắn hạn	303.079.938.065	376.026.627.753	415.267.943.047
Phải trả người bán	93.826.192.386	157.635.468.671	117.018.147.343
Người mua trả tiền trước	153.439.016.249	61.622.456.531	55.672.166.326
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	482.901.083	8.750.035.004	3.086.295.365
Phải trả người lao động	825.922.714	1.135.874.813	2.339.713.104
Chi phí phải trả ngắn hạn	585.531.002	280.871.198	900.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.720.670.336	619.770.000	1.668.853.693
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.417.629.305	7.741.729.527	72.259.127.139
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	44.782.074.990	138.240.422.009	162.323.640.077
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
Nợ dài hạn	7.948.008.889	6.458.775.173	6.014.466.155
Phải trả dài hạn người bán	1.162.500.000	-	-
Phải trả dài hạn khác	4.613.633.894	4.595.217.394	4.584.717.394
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.171.874.995	1.863.557.779	1.429.748.761
Tổng	311.027.946.954	382.485.402.926	421.282.409.202

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý III/2018

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	1,12	1,18
- Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	0,76	0,92
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	0,70	0,72
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	2,28	2,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	3,44	6,95
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,91	1,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,54%	1,58%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	1,64%	8,47%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	0,54%	2,47%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	0,72%	2,10%

Nguồn: Công ty cổ phần Alphanam E&C

14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1. Hội đồng quản trị

Bảng 20 – Danh sách thành viên hội đồng quản trị

STT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ
1	Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Bà Trương Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

I. Ông BUI HOANG TUAN – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: BUI HOANG TUAN
Giới tính	: Nam.
Ngày sinh	: 26/10/1963
Quốc tịch	: Việt Nam.
Số CMND	: 027063000137
Ngày cấp, nơi cấp	: ngày cấp 12/06/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	: Kinh.
Địa chỉ thường trú	: Phòng 4 Nhà R khu tập thể đường sắt, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện – Thạc Sĩ QTKD
Quá trình công tác	:
Từ tháng 3/1979 đến 1983	: Bộ đội đóng tại Thị xã Cao Bằng
Từ 1983 đến 1985	: Công tác tại Công ty xây dựng số 1 tỉnh Hà Bắc
Từ 1985 đến 1990	: Sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Từ 1990 đến 1997	:	Công tác tại Công ty điện lực Hà Nội
Từ 1997 đến 2007	:	Ủy viên HĐQT tại Công ty CP Alphanam Cơ điện, Ủy viên HĐQT tại Công ty CP Alphanam Cơ điện,
Từ 2007 đến 29/05/2011	:	Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Đầu tư Alphanam Ủy viên HĐQT tại Công ty CP Alphanam Cơ điện,
Từ 30/05/2011 – 01/12/2011	:	Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Đầu tư Alphanam, Tổng Giám đốc CTCP Viễn thông Thăng Long Ủy viên HĐQT tại Công ty CP Alphanam Cơ điện,
Từ 02/2011 – 04/08/2012	:	Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Đầu tư Alphanam; Tổng Giám đốc CTCP Viễn thông Thăng Long
Từ 05/08/2012 đến nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Alphanam E&C, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty CP Đầu tư Alphanam, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty CP Đầu tư Alphanam, Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long
Số cổ phần đang nắm giữ	:	Đại diện sở hữu: 0 Cổ phần Cá nhân sở hữu: 500.000 cổ phần, chiếm 4,17 % vốn điều lệ
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không.
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không.

2. Ông NGUYỄN MINH NHẬT – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	:	NGUYỄN MINH NHẬT
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	11/01/1988
Quốc tịch	:	Việt Nam

Số CMND : 001088006037
 Ngày cấp, nơi cấp : 25/05/20-5 - Cục Cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Số 112 Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Ths. Quản trị kinh doanh, Ths. Quản trị tài chính
 Quá trình công tác :
 Từ 20-0 - 2011 : Công tác tại Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam
 Từ 2011-25/11/2015 : Chủ tịch HĐQT CTCP Alphanam

Từ 26/11/2017 – 27/09/2017 : Thành viên HĐQT CTCP Alphanam E&C; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Alphanam;
 Từ 28/09/2017 – 27/01/2018 : Phó chủ tịch HĐQT CTCP Alphanam E&C; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Alphanam;
 Từ 28/01/2018 – đến nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Alphanam E&C; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Alphanam
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Alphanam
 Số cổ phần đang nắm giữ : Đại diện sở hữu: Không
 Cá nhân sở hữu: 865.150 CP chiếm 7,21% vốn điều lệ
 Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu : Không
 6.096.000 CP chiếm 10,16% VDL của CTCP Địa ốc Alphanam
 7.742.000 CP chiếm 98% VDL của CTCP Alphanam
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác : 7.900.000 CP chiếm 10% VDL của CTCP Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa
 25.000 CP chiếm 1% VDL của CTCP Delta Việt Nam
 9.669.208 CP chiếm 5,02% CP của CTCP Đầu tư Alphanam
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có) : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

3. Bà Trương Thị Thu Hiền – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	:	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN
Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	29/08/1976
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	031176000006
Ngày cấp, nơi cấp	:	28/02/2013 – Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	P506, nhà E6, Phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 2003-2007	:	Nhân viên phòng kế toán tại Công ty CP Alphanam Cơ điện
Từ 2008-2010	:	Kế toán trưởng tại Công ty CP Alphanam Cơ điện
Từ 2010-2011	:	Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam
Từ 2011- 26/05/2017	:	Kế toán trưởng tại Công ty CP Alphanam Cơ điện, Phó TGD tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam
Từ 27/05/2017 – 11/05/2018	:	Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT Công ty cổ phần Alphanam E&C; Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam
Từ ngày 12/05/2018 - nay	:	Kế toán trưởng kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Alphanam E&C; Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam; Trưởng BKS Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Trưởng BKS Công ty CP Đầu tư Alphanam; Trưởng BKS Công ty CP Viễn thông Thăng Long
Số cổ phần đang nắm giữ	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	3.000 CP chiếm 0,5% V&L của CTCP Địa ốc Momota
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không
(nếu có)

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu
có) : Không

14.2. Ban kiểm soát

Bảng 21 - Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ
1	Bà Bùi Kim Yến	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Anh Ngọc	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên

1. Bà BÙI KIM YẾN – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : BÙI KIM YẾN
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 21/01/1963
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 010106226
 Ngày cấp, nơi cấp : 30/10/2007 Tại Hà Nội
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Số 73 Phố Kim Hoa, phường Phương Liên, quận
 Đống Đa, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 Từ 1986 đến 1998 : Kế toán viên Công ty Dịch vụ Du lịch Đường Sắt
 Việt Nam
 Từ 1998 đến 2008 : Kế toán viên tại Công ty cổ phần Alphanam
 Từ 2008 đến 26/05/2017 : Kế toán viên tại Công ty cổ phần ĐT&PT HT
 Vinaconex Alphanam
 Từ 27/05/2017 – 27/09/2017 : Phó TGD kiêm thành viên HĐQT CTCP Đầu tư
 Alphanam; Trưởng Ban kiểm soát CTCP
 Alphanam E&C
 Từ 28/09/2017 đến nay : Phó TGD kiêm thành viên HĐQT CTCP Đầu tư
 Alphanam; Trưởng ban kiểm soát CTCP Alphanam
 E&C; Trưởng ban kiểm soát CTCP Alphanam
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ
 chức phát hành : Trưởng ban kiểm soát
 Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức
 khác : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Alphanam; Phó TGD
 kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư
 Alphanam
 Số cổ phần đang nắm giữ : Đại diện sở hữu: Không
 Cá nhân sở hữu: Không

Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	08 CP tại Công ty CP Đầu tư Alphanam
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không

2. Bà NGUYỄN ÁNH NGỌC – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	NGUYỄN ÁNH NGỌC
Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	03/02/1983
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	001183008155
Ngày cấp, nơi cấp	:	16/06/2015 - Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	TT nhà máy ô tô Hòa Bình, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ 2006-2007	:	Trợ lý Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY
Từ 2008-2011	:	Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY
Từ 2012 – 2015	:	Kiểm soát viên tại Công ty CP Quản lý Đầu tư Quốc tế
Từ 2016 – 26/05/2017	:	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Đầu tư Alphanam
Từ 27/05/2017 – 11/05/2018	:	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Đầu tư Alphanam; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Alphanam E&C
Từ 12/05/2018 đến nay	:	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Đầu tư Alphanam; Thành viên Ban kiểm soát CTCP Alphanam E&C; Thành viên Ban kiểm soát CTCP Viễn thông Thăng Long
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Alphanam, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Viễn thông Thăng Long

Số cổ phần đang nắm giữ	:	Đại diện sở hữu: Không Cá nhân sở hữu: Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có)	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)	:	Không

3. Bà NGUYỄN THỊ VĂN ANH – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	NGUYỄN THỊ VĂN ANH
Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	31/10/1980
Quốc tịch	:	Việt Nam
Số CMND	:	044180000020
Ngày cấp, nơi cấp	:	22/01/2015 tại Cục ĐKQL, Cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	368B Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	:	
Từ năm 2004 – T2/2006	:	Kế toán viên tại Công ty Giồng cây trồng Hà Nội
Từ T3/2006 – 29/11/2016	:	Kế toán viên tại Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam
Từ ngày 30/11/2016 – 12/03/2017	- :	Kế toán viên tại Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam
Từ ngày 13/03/2017 – 26/05/2017	- :	Kế toán viên tại Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam
Từ ngày 27/05/2017 đến nay	:	Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam, Thành viên BKS CTCP Alphanam E&C
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Ban Kiểm soát.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	:	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Alphanam
Số cổ phần đang nắm giữ	:	Đại diện sở hữu: Không Cá nhân sở hữu: Không
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	:	Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có) : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

14.3. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 22 – Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng giám đốc
2	Bà Lê Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Trương Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

1. Ông NGUYỄN MINH NHẬT – Tổng giám đốc (Xem thông tin SYLL ở phần HDQT)

2. Bà LÊ THỊ BÍCH LIÊN – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : LÊ THỊ BÍCH LIÊN
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 13/10/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 011835966
- Ngày cấp, nơi cấp : 08/01/2010 do Công an thành phố Hà Nội cấp
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học Ngoại thương
- Quá trình công tác :
- Từ tháng 10/2005-01/2007 : Trưởng phòng Nhân sự. Công tác tại Khu du lịch quốc tế Tuần Châu
- Từ 01/2007 – 08/2012 : Trưởng phòng Lưu ký và Quản lý cổ đông - Công ty cổ phần Chứng khoán FPT
- Từ 08/2013 – 09/2015 : Quản lý nhân sự miền Bắc tại Công ty cổ phần dịch vụ Tuyển dụng FPT
- Từ 10/2015 – 08/2018 : Giám đốc Khối Vận Hành tại Công ty cổ phần tập đoàn MIK Group Việt Nam.
- Từ 22/08/2018 – đến nay : Phó tổng giám đốc kiêm phụ trách Công bố thông

tin Công ty cổ phần Alphanam E&C

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phần đang nắm giữ : Đại diện sở hữu: Không
Cá nhân sở hữu: 500 CP chiếm 0,004% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (nếu có) : Không

Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có) : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

3. Bà TRƯƠNG THỊ THU HIỀN – Kế Toán Trưởng (Xem thông tin SYLL ở phần HĐQT)

15. Tài sản

Bảng 23 - Danh sách tài sản công ty tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị: VND

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	20.631.247.166	11.593.361.731	9.037.885.435
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	1.078.509.040	1.078.509.040	-
Máy móc thiết bị	3.574.798.775	1.285.186.642	2.289.612.133
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	14.503.914.107	8.558.209.635	5.945.704.472
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.474.025.244	671.456.414	802.568.830
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	215.980.000	185.996.670	29.983.330
Phần mềm máy vi tính	-	-	-
Tổng cộng	20.847.227.166	11.779.358.401	9.067.868.765

Nguồn: BCTC đã được Kiểm toán năm 2017, BCTC Quý II/2018

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 24 - Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018

Chỉ tiêu	Năm 2018	
	Kế hoạch (VND)	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn góp của chủ sở hữu	252.000.000.000	110%
Doanh thu thuần	1.000.000.000.000	31,37%
Lợi nhuận sau thuế	24.000.000.000	99,05%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,52%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn góp của chủ sở hữu	4,78%	-
Cổ tức	-	-

Nguồn: Công ty cổ phần Alphanam E&C

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như với các công ty nước ngoài như hiện nay, nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra, Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng các phòng ban trong công ty đề ra các biện pháp như sau:

Về công tác tổ chức:

- Tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt quản lý nhằm thực hiện chính sách tiết kiệm, chống lãng phí, đề phòng rủi ro ảnh hưởng của diễn biến thị trường, bao gồm các lĩnh vực điều hành, quản lý vật tư nhân công, quản lý kỹ thuật, quản lý về giá thành trong sản xuất, ...
- Nâng cao hơn nữa vai trò trách nhiệm gắn chặt nhiệm vụ giữa các phòng ban để hoàn thành công việc nhanh và hiệu quả nhất.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty đưa vào áp dụng có hiệu quả.
- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý điều hành giám sát, quản lý và kiểm tra chặt chẽ hàng tháng các chỉ phí phát sinh, vật tư thành phẩm.

Định hướng hoạt động:

- Trên cơ sở mục tiêu định hướng 5 năm đã được ĐHQĐ phê duyệt mà trọng tâm là hoàn thành tái cấu trúc công ty, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và phát triển mạnh mẽ trong hoạt động tổng thầu thi công xây dựng
- Tiếp tục đẩy mạnh tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển, đầu tư nâng cao thương hiệu, hình ảnh đối với khách hàng, đối tác, xã hội.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền; làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản cho vay; bảo lãnh để có biện pháp thu hồi; hạn chế rủi ro; tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu

thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Alphanam E&C. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Hiện nay cổ phiếu AME của Công ty cổ phần Alphanam E&C đã niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đối với cổ phiếu phát hành thêm sau khi kết thúc từng đợt phát hành Công ty sẽ tiến hành thực hiện niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phần phát hành được theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thông thường niên năm 2018 thông qua. Thời hạn niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trong vòng 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo kết quả phát hành cho tổ chức phát hành tại Khoản 8 Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015. Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về vấn đề niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Hiện tại Bà Bùi Kim Yến là trưởng ban kiểm soát làm việc tại Công ty tuy nhiên bà đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Alphanam, Phó TGD kiêm thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Alphanam, chưa đáp ứng tiêu chuẩn về chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát theo Quy định. Công ty cam kết sẽ lựa chọn ứng cử viên phù hợp đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

20. Các thông tin; các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 13.200.000 Cổ phiếu. Trong đó:

3.1 Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 12.000.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ chào bán: 100% vốn điều lệ hiện tại (cổ đông sở hữu 01 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm)

3.2 Phát hành cổ phiếu cổ phiếu để trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 1.200.000 Cổ phiếu
- Tỷ lệ phát hành: 10% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ được nhận thêm 10 cổ phần mới)
- Nguồn sử dụng: Lợi nhuận sau thuế giữ lại của các năm lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính 2017 đã được kiểm toán.

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/ Cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách một cổ phiếu AME tại thời điểm 31/12/2017:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{148.365.858.106}{12.000.000} = 12.364 \text{ (đồng/cp)}$$

- Thị giá trung bình của cổ phiếu AME trong 10 phiên gần nhất (tính đến ngày 12/09/2018) là: 13.680 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào giá trị sổ sách, thị giá trung bình của cổ phiếu trên thị trường trong 10 phiên gần nhất (tính đến ngày 12/09/2018), đồng thời để khuyến khích các cổ đông hiện hữu tiếp tục xây dựng Công ty phát triển, HĐQT đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký.

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Alphanam E&C. Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong Quý IV/2018 và trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Sau khi nhận được Quyết định chấp thuận phương án phát hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Công ty cổ phần Alphanam E&C thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

STT	Hạng mục	Thời gian
1	Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận phát hành	D
2	Công bố thông tin phát hành	D + 3
3	Thông báo VSD về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm	D + 1
4	Chốt danh sách cổ đông	D + 14
5	VSD gửi danh sách chốt cho Công ty (Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu)	D + 20
6	Công ty gửi công văn chấp thuận cho VSD	D + 21
7	Các cổ đông thực hiện đăng ý mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu: - Cổ đông đã lưu ký: nộp tiền thông qua Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản. - Cổ đông chưa lưu ký: nộp tiền vào tài khoản của AME	D + 45
8	Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 50

9	Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh	D + 55
10	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cho HNX	D + 60
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho VSD	D + 60
12	Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung	D + 70
13	Công ty chọn ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết bổ sung	

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với TTLKCKVN để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn thành viên chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu lý cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

8. Đăng ký mua cổ phiếu**Thời hạn:**

Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đăng ký mua cổ phiếu:

Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở TVLK nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần tại TVLK đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty cổ phần Alphanam E&C, Địa chỉ: Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: không có

9. Phương thức thực hiện quyền

Đối với cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Alphanam E&C tại ngày chốt danh sách để chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông

hiện hữu.

Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phần mới, số cổ phần được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Đối với cổ phiếu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Tỷ lệ phát hành: 10% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 10 cổ phần mới). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại ngày chốt quyền sẽ được nhận thêm 10 cổ phần mới của đợt phát hành, số cổ phần được làm tròn đến hàng đơn vị.

Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu:

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (Nếu có).

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: số lượng cổ phiếu để trả cổ tức được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ được hủy coi như không phát hành.
- Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết cho đối tượng mua phù hợp do Hội đồng quản trị lựa chọn với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.
- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.
- Thời điểm phát hành cổ phiếu cho đối tượng khác được thực hiện ngay khi có kết quả chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được chào bán cho một tổ chức hoặc cá nhân xác định chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ, danh sách nhà đầu tư được chào bán này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Cổ phiếu AME đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ các ngành nghề kinh doanh của Công ty được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=1836>. Công ty đã thực hiện rà soát với danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục 4 – Luật đầu tư năm 2014. Theo đó Công ty tiếp tục thực hiện đối chiếu với dữ liệu tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo địa chỉ:

<https://daotunuoocngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6> để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế.

Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì Công ty áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49% theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty như sau:

Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề kinh doanh	Ngành nghề có điều kiện	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan	Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng
Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;	7710	Không	100%	100%
Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, bột bả;	2022	Không	100%	100%
Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	Không	100%	100%
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Sơn, bột bả, vật liệu xây dựng	4663	Không	100%	100%
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn dự án, lập dự án; - Thiết kế phong cảnh, sân vườn (Chỉ thiết kế trong phạm vi chứng chỉ cho phép); - Thiết kế quy hoạch các công trình; - Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp;	7110	Có	49%	49%
Xây dựng công trình công ích	4220	Không	100%	100%

Chi tiết: - Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110 KV trở lên; - Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;				
Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô	4511	Không	100%	100%
Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa ô tô	4520	Không	100%	100%
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Xúc tiến thương mại	8230	Không	100%	100%
Quảng cáo	7310	Có	49%	49%
Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Dây dẫn và thiết bị điện, Đường dây thông tin liên lạc, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, Chuông báo cháy, Hệ thống báo động chống trộm, Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, Đèn trên đường băng sân bay	4321	Không	100%	100%
Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	Không	100%	100%
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.	4322	Không	100%	100%
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329	Không	100%	100%
Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công nghiệp;	4312	Không	100%	100%
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp;	4290	Không	100%	100%
Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;	4390	Có	49%	49%
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	Có	49%	49%

Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;				
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816	Không	100%	100%
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Thang máy	4659	Không	100%	100%
Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);	2399	Không	100%	100%
Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc công nghiệp;	2829	Không	100%	100%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;	7490	Không	100%	100%
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện	2512	Không	100%	100%
Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;	4610	Có	49%	49%
Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);	4690	Không	100%	100%

Vậy, căn cứ quy định của Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 49%. Theo danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/07/2018 của công ty, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 1.288.750 cổ phiếu tương ứng với 10,74% vốn điều lệ. Công ty cam kết việc phân phối cổ phiếu của đợt phát hành tăng vốn năm 2018 không làm vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Căn cứ nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 58/2012/NĐ-CP, số lượng cổ phiếu do dự phát sinh do ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối, chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

13. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)

- Thuế giá trị gia tăng (10%)
 - Thuế Môn bài, Thuế nhà đất...
- Thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán:

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng cổ phiếu: theo quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
 - Thu nhập từ cổ tức: Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ tức, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.
- Đối với nhà đầu tư tổ chức:**
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN 2008 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
 - Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Số tài khoản: 117000171050
- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Alphanam E&C
- Tại ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh: Ba Đình – Hà Nội

15. Các cam kết liên quan đến đợt phát hành

Công ty cam kết phân phối cổ phiếu phát hành phù hợp với Quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp 2014.

16. Thông tin khác về việc chào bán

Không có

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**1. Mục đích chào bán**

Nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Phương án khả thi

Số tiền thu được từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ để trả khoản nợ gốc theo các kế ước nhận nợ của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 106/2017/HDHM-PN/SHB.111100 với

ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội CN Ba Đình nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty.

Ms. ... - N. N. N. ...

VII KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán**

Tổng giá trị cổ phiếu dự tính thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 120.000.000.000 đồng (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu). Theo nghị quyết HĐQT số 53/NQ-HĐQT ngày 13/09/2018 số tiền thu được từ đợt chào bán dùng để trả khoản nợ gốc theo các kế ước nhận nợ của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 106/2017/HDHM-PN/SHB.111100 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội CN Ba Đình nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Số kế ước	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Ngày dự kiến trả	Số tiền vay gốc	Số tiền vay gốc đã trả	Số tiền vay gốc còn lại
1	03-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	06/10/2017	06/07/2018	06/07/2018 (Đã trả)	3.418.858.275	3.418.858.275	0
2	10-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	09/11/2017	08/08/2018	08/08/2018 (đã trả)	6.243.000.000	6.243.000.000	0
3	13-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	20/12/2017	12/07/2018	12/07/2018 (đã trả)	1.700.000.000	1.700.000.000	0
4	14-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	22/12/2017	23/07/2018	23/07/2018 (đã trả)	921.078.660	921.078.660	0
5	25-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	18/05/2018	18/02/2019	Trong năm 2018	6.912.592.690	0	6.912.592.690
6	26-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	23/05/2018	23/02/2019	Trong năm 2018	11.019.998.065	0	11.019.998.065
7	27-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	29/05/2018	28/02/2019	Trong năm 2018	25.917.079.654	0	25.917.079.654
8	28-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	01/06/2018	01/03/2019	Trong năm 2018	3.703.062.200	0	3.703.062.200
9	30-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	08/06/2018	08/03/2019	Trong năm 2018	6.041.852.859	0	6.041.852.859
10	29-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100	12/06/2018	12/03/2019	Trong năm 2018	1.173.720.961	0	1.173.720.961

11	31-106/2017/HDHM- PN/SHB.111100	18/06/2018	18/03/2019	Trong năm 2018	20.561.187.253	0	20.561.187.253
12	32-106/2017/HDHM- PN/SHB.111100	27/06/2018	27/03/2019	Trong năm 2018	17.605.582.742	0	17.605.582.742
13	33-106/2017/HDHM- PN/SHB.111100	28/06/2018	28/03/2019	Trong năm 2018	15.280.475.802	0	15.280.475.802
14	34-106/2017/HDHM- PN/SHB.111100	29/06/2018	29/03/2019	Trong năm 2018	8.784.236.120	0	8.784.236.120
Tổng dư nợ cho đến ngày 30/06/2018					129.282.725.281	0	129.282.725.281
15	35-106/2017/HDHM- PN/SHB.111100	12/07/2018	12/04/2019	Trong năm 2018 và đầu năm 2019(*)	21.544.393.298	0	21.544.393.298
16	36-106/2017/HDHM- PN/SHB.111100	08/08/2018	08/05/2019	Năm 2019	5.213.278.791	0	5.213.278.791
Tổng dư nợ cho đến ngày 31/08/2018					156.040.397.370	12.282.936.935	143.757.460.435

(*) Việc sử dụng số tiền thu được của đợt chào bán để trả khoản nợ gốc theo các kế ước nhận nợ của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 106/2017/HDHM-PN/SHB.111100 với ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội CN Ba Đình dự kiến sẽ được thực hiện ngay sau khi kết thúc đợt chào bán. Hiện tại tính đến thời điểm 31/08/2018, tổng dư nợ của hợp đồng trên là 143.757.460.435 đồng, do vậy số dư nợ gốc còn lại theo kế ước nhận nợ số 35-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100 và 36-106/2017/HDHM-PN/SHB.111100 sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sắp xếp các nguồn tài chính khác để trả trong 2019.

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT sẽ lên kế hoạch sử dụng các nguồn tài chính phù hợp để trả nợ.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty cổ phần chứng khoán FPT

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3773 7070 Fax: 024.3773 9058

Website : www.fpts.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, Phường Da Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 3910 3908 Fax: 028. 3910 4880

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Phụ lục III: Điều lệ công ty
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất
5. Phụ lục VI: Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư.
6. Các phụ lục khác (nếu có).

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2018

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn

Nguyễn Minh Nhật

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Kim Yến

Trương Thị Như Hiền

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hằng



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100520683

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 11 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 02 tháng 04 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHANAM E&C JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHANAM E&C., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0435587979

Fax: 0435578420

Email: info@alphanam.com

Website: www.alphanam.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 12.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI HOÀNG TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/10/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027063000137

Ngày cấp: 12/06/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về
dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 4, nhà R, Tập thể đường sắt, Phường Ngọc
Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 4, nhà R, Tập thể đường sắt, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày: 11-06-2018

SỐ CHỨNG THỰC: 05680... QUÊN SỐ: SCT/BS.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Dương Hải



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Thanh Trường



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20.....



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

(Được sửa đổi, bổ sung và thông qua
tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 30 tháng 05 năm 2015)

HÀ NỘI – Tháng 05/2015

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	9
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 9. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	12
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	12
Điều 11. Quyền của cổ đông	12
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	17
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	27

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	27
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	31
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 30. Cán bộ quản lý	32
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	32
Điều 32. Thư ký Công ty.....	33
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	34
Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	34
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	35
X. BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát.....	36
Điều 37. Ban kiểm soát	37
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	38
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	39
Điều 40. Cổ tức.....	39
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	40
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	40
Điều 44. Năm tài khóa.....	40
Điều 45. Hệ thống kế toán.....	40
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	41
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	41
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	41
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 48. Kiểm toán	42
XVII. CON DẤU	42
Điều 49. Con dấu.....	42
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	42
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	42

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	43
Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 53. Thanh lý.....	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	44
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	45
Điều 57. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều lệ này của Công ty cổ phần Alphanam E&C - dưới đây gọi là "Công ty" - là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty được thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan sẽ là những nguyên tắc ràng buộc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Alphanam E&C tổ chức chính thức vào ngày 30 tháng 05 năm 2015.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- o Tên tiếng-Việt: ~~CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C~~
- o Tên tiếng Anh: ALPHANAM E&C JOINT STOCK COMPANY
- o Tên giao dịch viết tắt: ALPHANAM E&C „JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ: Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- o Điện thoại: (84-043) 5587979
- o Fax: (84-043) 5578420
- o Email: info@alphanam.com
- o Website: www.alphanam.com.vn

4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tuy nhiên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật khi thấy cần thiết tùy từng thời điểm. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty tuân thủ theo Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2014.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê: Xe ô tô, phương tiện vận chuyển;	7710
2.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, bột bả;	2022
3.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Sơn, bột bả, vật liệu xây dựng	4663
5.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn dự án, lập dự án; - Thiết kế phong cảnh, sân, vườn (Chi tiết kể trong phạm vi chứng chỉ cho phép); - Thiết kế quy hoạch các công trình; - Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; 	7110
6.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên; - Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị; 	4220
7.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô	4511
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa ô tô	4520
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Xúc tiến thương mại	8230
10.	Quảng cáo	7310
11.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công nghiệp;	4312
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp;	4290

13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;	4390
14.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;	6810
15.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Thang máy	2816
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Thang máy	4659
17.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC)	2399
18.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc công nghiệp;	2829
19.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;	7490
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: Sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điện khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện;	2512
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;	4610
22.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện)	4690

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP**Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại Điều 11.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Việc chào bán cổ phần được thực hiện như sau:

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Chào bán cổ phần được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho Cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

Đồng thời việc chào bán cổ phần cũng phải thực hiện theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty và/hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để cập nhật thông tin. Công ty và/hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.

3. Trong thời hạn một tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỜ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
- b. Nhận cổ tức;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 36.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất

thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới

chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Năm (05) thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau cho đạt tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc

tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà

người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;

- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội

đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó

tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi phạm hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động

cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã

cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong

khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba 03 đến năm 05 thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau cho đạt tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động

của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng Việt Nam mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những

thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công

ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 44. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ

sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được sửa đổi, bổ sung và thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Alphanam E&C tổ chức chính thức vào ngày 30 tháng 05 năm 2015.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN SAO



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5-42
Bảng cân đối kế toán	5-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe cơ động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ông Trần Mạnh Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2016
Ông Nguyễn Duy Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Trần Đại	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2016
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền



Số: 158.../2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHUNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017



Giám đốc: **Nguyễn Thị Ngọc Liên**
Kiểm toán viên: **Nguyễn Thị Mai**
Ngày: **27-06-2018**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340.556.538.041	227.564.643.164
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.317.784.431	3.572.923.102
1.	Tiền	111	V.01	3.317.784.431	3.572.923.102
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	48.160.338.516	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		48.160.338.516	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.059.429.340	138.916.017.142
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	125.872.432.382	115.474.943.072
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	56.088.840.070	11.851.902.627
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.608.046.109	16.438.102.866
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(7.509.889.221)	(4.848.931.423)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	111.322.129.123	82.055.258.305
1.	Hàng tồn kho	141		111.322.129.123	82.055.258.305
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.696.856.632	3.020.444.615
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	94.513.974	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.602.342.658	3.020.444.615
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.780.188.209	153.914.584.069
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		9.724.880.967	3.087.436.762
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	9.724.880.967	3.087.436.762
	- Nguyên giá	222		19.533.385.683	11.958.066.873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.808.504.716)	(8.870.630.111)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
	- Nguyên giá	228		180.000.000	180.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(180.000.000)	(180.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	760.409.091
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	-	760.409.091
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	20.653.321.971	68.682.106.329
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.746.601.969	68.888.049.502
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(93.279.998)	(205.943.173)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		76.401.985.271	81.384.631.887
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	76.401.985.271	81.384.631.887
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		447.336.726.250	381.479.227.233

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		311.027.946.954	247.390.547.257
I.	Nợ ngắn hạn	310		303.079.938.065	243.251.326.736
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	93.826.192.386	92.551.570.909
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	153.439.016.249	91.297.683.016
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	482.901.083	375.646.863
4.	Phải trả người lao động	314		825.922.714	846.624.912
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	585.531.002	584.725.954
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	1.720.670.336	1.798.770.336
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	7.417.629.305	14.239.529.096
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	44.782.074.990	41.556.775.650
II.	Nợ dài hạn	330		7.948.008.889	4.139.220.521
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	1.162.500.000	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.613.633.894	4.139.220.521
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	2.171.874.995	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.308.779.296	134.088.679.976
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	136.308.779.296	134.088.679.976
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.467.912.386	13.247.813.066
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		13.247.813.066	11.943.632.983
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.220.099.320	1.304.180.083
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		447.336.726.250	381.479.227.233

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dương

Kế toán trưởng

Lê Văn Đạt

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	408.040.097.019	349.799.844.866
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	236.239.385	526.778.522
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		407.803.857.634	349.273.066.344
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	383.324.650.854	322.213.666.574
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.479.206.780	27.059.399.770
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	15.789.099	261.564.015
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.392.589.677	9.610.649.043
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.505.129.319	8.715.901.122
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	5.576.254.318	7.835.776.174
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	10.601.370.217	8.465.310.576
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.924.781.667	1.409.227.992
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	58.836.831	714.388.598
12.	Chi phí khác	32	VI.07	178.863.561	431.224.106
13.	Lợi nhuận khác	40		(120.026.730)	283.164.492
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.804.754.937	1.692.392.484
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	584.655.617	388.212.401
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.220.099.320	1.304.180.083
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	185	109
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	185	109

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dương

Kế toán trưởng



Lê Văn Đạt

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.804.754.937	1.692.392.484
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.668.138.024	1.096.680.424
-	Các khoản dự phòng	03		2.548.294.623	1.998.113.712
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	688.623.608
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.807.167)	(307.018.560)
-	Chi phí lãi vay	06		5.505.129.319	8.715.901.122
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		12.498.509.736	13.884.692.790
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.386.268.039)	32.815.801.042
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.266.870.818)	(9.909.209.760)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		58.069.481.856	63.820.188.417
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.888.132.642	1.069.703.598
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(48.160.338.516)	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(5.547.023.637)	(8.715.947.056)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(372.017.793)	(394.621.887)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(46.276.394.569)	92.570.607.144
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(7.946.667.901)	(1.035.837.272)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		413.636.364	45.454.545
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(38.882.359.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		48.141.324.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.789.099	261.382.875
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		40.624.081.562	(39.611.358.852)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		67.338.262.177	112.197.952.015
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(61.941.087.842)	(166.335.212.787)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.397.174.335	(54.137.260.772)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(255.138.672)	(1.178.012.480)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.572.923.102	4.750.754.442
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	181.140
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		3.317.784.431	3.572.923.102

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





Nguyễn Thùy Dương

Lê Văn Đạt

Trương Thị Thu Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán buôn tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính/kế toán	03 - 05 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tắc.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	165.474.963	285.596.193
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.152.309.468	3.287.326.909
Cộng	<u>3.317.784.431</u>	<u>3.572.923.102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính a. Chứng khoán kinh doanh	Đơn vị tính: VND					
		Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
- Tổng giá trị cổ phiếu + Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (*)	48.160.338.516	48.160.338.516	-	-	-	-
Cộng	48.160.338.516	48.160.338.516	-	-	-	-

(*) Trong năm, Công ty mua 1.521.846 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 đồng/ cổ phần từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh được xác định bằng giá trị sổ sách do không có cơ sở xác định giá trị hợp lý.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý		
- Đầu tư vào đơn vị khác + Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn (*)	4,98%	4,98%	20.746.601.969	20.653.321.971	(205.943.173)	68.682.106.329
Cộng			20.746.601.969	20.653.321.971	(205.943.173)	68.682.106.329

(*) Đầu tư 597.298 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn, tỷ lệ sở hữu 4,98% (tại ngày 01/01/2016 đầu tư 1.983.298 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 16,2%).
 - Trong đó, bản trong năm 1.386.000 cổ phần với giá 34.734 đồng/cổ phần cho Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	125.872.432.382	115.474.943.072
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	74.391.132.483	80.653.078.395
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	16.805.394.482	5.975.560.722
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	3.860.247.676	3.860.247.676
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	30.815.657.741	24.986.056.279
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	125.872.432.382	115.474.943.072

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.075.976.867	1.963.944.665
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	128.881.389	128.881.389
- Công ty Cổ phần Alphanam Food	710.613.601	1.514.321.101
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Thương mại Đông Á	-	93.978.940
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	-	226.763.235
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	2.065.279.398	-
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	42.171.285	-
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	129.031.194	-
Cộng	3.075.976.867	1.963.944.665

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	56.088.840.070	11.851.902.627
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	4.620.000.000	-
- Công ty TNHH tư vấn DP	5.100.000.000	-
- Công ty cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	8.776.049.034	5.031.737.377
- Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam	15.251.367.635	-
- Công ty TNHH ABB	5.940.905.000	-
- Công ty Cổ phần Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	882.129.981	1.958.016.219
- Công ty TNHH Bắc Trường Thành	-	1.282.558.756
- Trả trước ngắn hạn cho người bán khác	15.518.388.420	3.579.590.275
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	56.088.840.070	11.851.902.627

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	24.062.945.392	5.031.737.377
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	8.776.049.034	5.031.737.377
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	15.251.367.635	-
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	35.528.723	-
Cộng	24.062.945.392	5.031.737.377

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.608.046.109	-	16.438.102.866	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-	-	-
- Tạm ứng	73.009.425	-	153.348.956	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	358.127.649	-	113.000.000	-
- Phải thu khác	1.176.909.035	-	16.171.753.910	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	-	15.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hưng Tiến Kim Sơn	220.000.000	-	220.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	956.909.035	-	951.753.910	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.608.046.109	-	16.438.102.866	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	700.000.000	-	2.884.246.975	-	-
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-	850.800.000	-	255.240.000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	1.930.123.838	-	-	-
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	-	-	-
- Các khách hàng khác	954.661.916	-	331.336.448	-	-
Cộng	9.440.013.059	1.930.123.838	5.104.171.423	255.240.000	

Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong năm:

Đối tượng	Số đầu năm	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm
		Số trích lập	Số xóa nợ	Số xoá nợ	Số hoàn nhập	
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	-	-	-	1.037.788.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	2.884.246.975	-	1.284.246.975	900.000.000	-	700.000.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	595.560.000	255.240.000	-	-	-	850.800.000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	-	1.385.095.467	-	-	-	1.385.095.467
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	-	1.930.123.838	-	-	-	1.930.123.838
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	-	651.420.000	-	-	-	651.420.000
- Các khách hàng khác	331.336.448	638.743.468	15.418.000	-	-	954.661.916
Cộng	4.848.931.423	4.860.622.773	1.299.664.975	900.000.000	900.000.000	7.509.889.221

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.172.789.362	-	22.904.780.910	-	
- Thành phẩm	15.268.182	-	93.813.423	-	
- Hàng hoá	57.134.071.579	-	59.056.663.972	-	
Cộng	111.322.129.123	-	82.055.258.305	-	
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm		Số đầu năm		
- Mua sắm tài sản cố định	-	738.181.818	-	-	
- Chi phí sơ xê ô tô	-	22.227.273	-	-	
Cộng	-	760.409.091	-	-	
09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Số cuối năm		Số đầu năm		
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá	1.078.509.040	583.653.320	9.712.259.132	583.645.381	11.958.066.873
Số dư đầu năm	-	2.813.545.455	5.711.188.810	182.342.727	8.707.076.992
- Mua trong năm	-	-	(1.131.758.182)	-	(1.131.758.182)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	14.291.689.760	765.988.108	19.533.385.683
Số dư cuối năm	1.078.509.040	3.397.198.775	14.291.689.760	765.988.108	19.533.385.683
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.078.509.040	583.653.320	6.879.743.905	328.723.846	8.870.630.111
Số dư đầu năm	-	280.681.806	1.255.126.198	132.330.020	1.668.138.024
- Khấu hao trong năm	-	-	(730.263.419)	-	(730.263.419)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	7.404.606.684	461.053.866	9.808.504.716
Số dư cuối năm	1.078.509.040	864.335.126	7.404.606.684	461.053.866	9.808.504.716
III. Giá trị còn lại	-	-	2.832.515.227	254.921.535	3.087.436.762
1. Tại ngày đầu năm	-	2.532.863.649	6.887.083.076	304.934.242	9.724.880.967
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 4.092.858.330 đồng.
Nguyên giá và Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.193.926.810 và 4.932.981.855 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Mua trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	180.000.000	180.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Khấu hao trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	180.000.000	180.000.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>	94.513.974	-
- Chi phí bảo hiểm	34.227.178	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	44.567.432	-
- Chi phí khác	15.719.364	-
<i>b) Dài hạn</i>	76.401.985.271	81.384.631.887
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	975.991.472	1.430.116.164
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	3.576.453.909	5.832.375.273
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower (a)	44.969.697.022	45.933.333.370
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower (b)	22.060.606.076	22.533.333.344
- Chi phí thuê sàn tầng 1 tòa nhà Sakura Tower	-	1.522.554.408
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	212.914.061	631.182.546
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	1.119.052.506	-
- Thuê văn phòng 96 Định Công (c)	2.752.402.786	2.889.301.174
- Chi phí khác	734.867.439	612.435.608
Cộng	76.496.499.245	81.384.631.887

^(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

^(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

^(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 V0, Trờng Phụng, Phường Thanh Xuân Trùng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
12. Vay và nợ thuê tài chính							
a. Vay ngắn hạn	41.556.775.650	41.556.775.650	64.900.762.181	61.675.462.841	44.782.074.990	44.782.074.990	
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<i>41.556.775.650</i>	<i>41.556.775.650</i>	<i>64.088.262.177</i>	<i>61.675.462.841</i>	<i>43.969.574.986</i>	<i>43.969.574.986</i>	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁹⁾	23.500.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽⁹⁾	9.976.636.000	9.976.636.000	27.196.412.557	23.651.440.000	13.521.608.557	13.521.608.557	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam ⁽⁶⁾	8.080.139.650	8.080.139.650	13.391.849.620	14.524.022.841	6.947.966.429	6.947.966.429	
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	<i>812.500.004</i>	-	<i>812.500.004</i>	<i>812.500.004</i>	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽⁴⁾	-	-	125.000.000	-	125.000.000	125.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽⁶⁾	-	-	687.500.004	-	687.500.004	687.500.004	
b. Vay dài hạn	-	-	3.250.000.000	1.078.125.005	2.171.874.995	2.171.874.995	
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	3.250.000.000	1.078.125.005	2.171.874.995	2.171.874.995	
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>3.250.000.000</i>	<i>1.078.125.005</i>	<i>2.171.874.995</i>	<i>2.171.874.995</i>	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽⁶⁾	-	-	500.000.000	218.750.000	281.250.000	281.250.000	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽⁶⁾	-	-	2.750.000.000	859.375.005	1.890.624.995	1.890.624.995	
Cộng	41.556.775.650	41.556.775.650	68.150.762.181	62.753.587.846	46.953.949.985	46.953.949.985	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(9) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là từ 7,5 - 8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vở Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng kế ước vay nhưng không quá 10 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay từ 7,0 - 7,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á.
- (e) Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo từng hợp đồng là 9 tháng với lãi suất từ 7%/năm đến 7,5%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố xe ô tô Rolls-Royce Phantom BKS 30A-135.92 của Công ty Cổ phần Địa ốc Alpharum.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình để bù đắp chi phí đã đầu tư mua xe ô tô KIA SORENTO 07 chỗ, biển số 30E-009.31. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 10,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biến kiểm soát 30E-070.61. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải trả người bán ngắn hạn					
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	93.826.192.386	93.826.192.386	92.551.570.909	92.551.570.909	
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	12.093.165.193	12.093.165.193	48.022.951.995	48.022.951.995	
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.575.629.587	24.575.629.587	14.957.039.705	14.957.039.705	
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	8.620.847.121	8.620.847.121	-	-	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	6.996.909.959	6.996.909.959	-	-	
b. Phải trả người bán dài hạn					
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	41.539.640.526	41.539.640.526	29.571.579.209	29.571.579.209	
	1.162.500.000	1.162.500.000	-	-	
	1.162.500.000	1.162.500.000	-	-	
Cộng	94.988.692.386	94.988.692.386	92.551.570.909	92.551.570.909	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	18.089.328.505	18.089.328.505	59.578.260.228	59.578.260.228
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Ty động hóa và Truyền thông Vinacon	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	38.332.722	38.332.722	157.696.000	157.696.000
- Công ty Cổ phần Dầu tư Alphanam	-	-	3.839.025.944	3.839.025.944
- Công ty Cổ phần Alphanam Nam Sài Gòn	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	12.093.165.193	12.093.165.193	48.022.951.995	48.022.951.995
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	4.842.740.774	4.842.740.774	6.695.220.426	6.695.220.426
- Công ty TNHH Srm Kansai - Alphanam	251.723.953	251.723.953	-	-
Phải trả người bán dài hạn	1.162.500.000	1.162.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	1.162.500.000	1.162.500.000	-	-
Cộng	19.251.828.505	19.251.828.505	59.578.260.228	59.578.260.228

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	153.439.016.249	153.439.016.249	91.297.683.016	91.297.683.016
- Ban QLĐA phát triển điện lực - TCT Điện lực miền Bắc	6.457.292.106	6.457.292.106	-	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	112.472.747.433	112.472.747.433	75.216.814.400	75.216.814.400
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	24.781.021.060	24.781.021.060	-	-
- Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Salvador Perez Arroyo và Cộng sự	2.011.673.060	2.011.673.060	8.795.719.821	8.795.719.821
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	3.331.746.212	3.331.746.212	327.300.000	327.300.000
- Người mua trả tiền trước khác	4.384.536.378	4.384.536.378	6.957.848.795	6.957.848.795
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	153.439.016.249	153.439.016.249	91.297.683.016	91.297.683.016

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan					
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	140.585.514.705	140.585.514.705	75.544.114.400	75.544.114.400	
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	112.472.747.433	112.472.747.433	75.216.814.400	75.216.814.400	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	24.781.021.060	24.781.021.060	-	-	
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	3.331.746.212	3.331.746.212	327.300.000	327.300.000	
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	140.585.514.705	140.585.514.705	75.544.114.400	75.544.114.400	

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối năm		Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm			
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	219.937.287	584.655.617	-	372.017.793	-	432.575.111
- Thuế thu nhập cá nhân	-	155.709.576	223.152.530	-	328.536.134	-	50.325.972
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.000.000	-	4.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	25.132.058	-	25.132.058	-	-
Cộng	-	375.646.863	836.940.205	-	729.685.985	-	482.901.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>585.531.002</u>	<u>584.725.954</u>
- Chi phí lãi vay	49.641.731	91.536.049
- Phải trả chi phí công trình	535.889.271	80.213.540
- Chi phí bảo vệ	-	49.340.000
- Phải trả tiền thuê	-	363.636.365
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
Cộng	<u>585.531.002</u>	<u>584.725.954</u>
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>7.417.629.305</u>	<u>14.239.529.096</u>
- Kinh phí công đoàn	658.175.421	586.496.777
- Bảo hiểm xã hội	-	68.999.651
- Bảo hiểm y tế	-	32.850.367
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	20.731.466
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.759.453.884	13.530.450.835
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	6.020.000.000	11.900.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	370.315.025	370.315.025
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	431.723.273
+ Công ty TNHH Xây dựng Hoàn thiện Hồng Phúc	-	450.000.000
+ Các đối tượng khác	369.138.859	378.412.537
<i>b) Dài hạn</i>	<u>4.613.633.894</u>	<u>4.139.220.521</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.613.633.894	4.139.220.521
	<u>12.031.263.199</u>	<u>18.378.749.617</u>
18. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>1.720.670.336</u>	<u>1.798.770.336</u>
- Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	1.720.670.336	1.798.770.336
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
Cộng	<u>1.720.670.336</u>	<u>1.798.770.336</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. **Vốn chủ sở hữu**
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	11.943.632.983	132.784.499.893
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	1.304.180.083	1.304.180.083
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	13.247.813.066	134.088.679.976
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	2.220.099.320	2.220.099.320
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	840.866.910	15.467.912.386	136.308.779.296

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60	72.001.000.000	60
Vốn góp của các cổ đông khác	47.999.000.000	40	47.999.000.000	40
Cộng	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,69

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	250.232.111.109	257.316.134.376
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.558.812.366	4.754.245.535
Doanh thu kinh doanh bất động sản	14.523.265.495	14.436.154.874
Doanh thu hợp đồng xây dựng	138.725.908.049	73.293.310.081
Cộng	408.040.097.019	349.799.844.866

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	4.513.890.360	710.033.800
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	2.045.324.358	1.795.188.053
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	92.814.065.149	23.153.461.614
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – Momota	-	1.445.489.200
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	156.401.448	156.401.448
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	1.886.301.574	951.721.859
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	-	31.010.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	-	117.235.307
- Công ty Cổ phần Alphanam Food	-	1.657.301.048
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	38.337.532	-
Cộng	101.454.320.421	30.017.842.329

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	526.778.522
- Hàng bán bị trả lại	236.239.385	-
Cộng	236.239.385	526.778.522

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	242.673.648.163	241.988.429.679
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.433.121.483	2.228.774.217
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	9.231.848.508	9.682.644.795
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	127.986.032.700	68.313.817.883
Cộng	383.324.650.854	322.213.666.574

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.789.099	261.382.875
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	181.140
Cộng	15.789.099	261.564.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	5.505.129.319	8.715.901.122
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	688.804.748
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(112.663.175)	205.943.173
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	123.533	-
Cộng	5.392.589.677	9.610.649.043

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	12.141.601	45.454.545
- Phí dịch vụ bảo lãnh dự thầu	-	125.725.228
- Các khoản khác	46.695.230	543.208.825
Cộng	58.836.831	714.388.598

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	154.107.399	374.597.790
- Các khoản bị phạt hành chính	24.742.575	-
- Các khoản khác	13.587	18.740.084
Cộng	178.863.561	431.224.106

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	10.601.370.217	8.465.310.576
- Chi phí nhân viên quản lý	2.117.894.709	1.908.144.625
- Chi phí khấu hao TSCĐ	346.075.031	395.317.932
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.717.691.863	3.612.183.088
- Chi phí dự phòng	4.860.622.773	1.792.391.024
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	559.085.841	757.273.907
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	5.576.254.318	7.835.776.174
- Chi phí nhân viên	3.563.618.811	5.975.659.919
- Chi phí vật liệu, bao bì	6.372.546	6.075.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.505.564	1.598.954.455
- Các khoản chi phí bán hàng khác	480.757.397	255.086.300
Cộng	16.177.624.535	16.301.086.750

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	584.655.617	318.242.791
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	69.969.610
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	584.655.617	388.212.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.804.754.937	1.692.392.484
Các khoản điều chỉnh tăng	118.523.145	10.010.534.855
- Chi phí đã khấu trừ thuế năm 2013 và năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế	-	9.972.648.623
- Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	93.780.570	
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	24.742.575	37.886.232
Các khoản điều chỉnh giảm	-	10.256.369.199
- Doanh thu đã tính thuế năm 2013 và năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế	-	10.256.369.199
Thu nhập tính thuế TNDN	2.923.278.082	1.446.558.140
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN	584.655.616	318.242.791
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	584.655.617	318.242.791

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.220.099.320	1.304.180.083
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.220.099.320	1.304.180.083
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	185	109

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.220.099.320	1.304.180.083
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.220.099.320	1.304.180.083
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	185	109

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.226.679.368	11.026.378.013
- Chi phí nhân công	13.940.530.687	10.004.608.730
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.668.138.024	1.096.680.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.689.620.742	42.503.960.024
- Chi phí khác bằng tiền	8.632.498.843	1.546.771.543
- Chi phí dự phòng	4.860.622.773	1.792.391.024
Cộng	188.018.090.437	67.970.789.758

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT		
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	56.900.000.000	38.900.000.000
+ Vay tiền (không tính lãi)	51.020.000.000	45.500.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT		
+ Phải trả phải nộp khác (không tính lãi)	6.020.000.000	11.900.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc		
+ Phải trả phải nộp khác	370.315.025	370.315.025
Cộng nợ phải trả	6.390.315.025	12.270.315.025

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	768.850.000	1.270.471.206
Cộng	768.850.000	1.270.471.206

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Alphanam Food	Công ty trong cùng hệ thống

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VL01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	171.214.970.188	209.858.539.273
Mua Tài sản cố định	500.000.000	
Mua Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	-	38.882.359.000
Bán Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	48.141.324.000	-
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	48.160.338.516	-
Lãi tiền cho vay	-	193.768.751
Chiết khấu thương mại cho khách hàng	-	3.996.046.894
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Chi phí thuê Văn phòng và dịch vụ điện nước	4.612.446.734	5.680.653.315
Mua hàng	46.492.097.010	44.793.119.800
Lãi vay phải trả	2.520.652.002	2.821.459.613
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Mua thang máy, lắp đặt	-	1.752.071.205
Mua dịch vụ bảo trì thang máy	227.945.454	188.326.363
Mua hàng	31.692.397.608	9.770.573.975
Chi phí vận chuyển hàng hóa	-	45.227.273
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		
Mua hàng	8.078.042.837	1.439.181.341
Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon		
Mua hàng	-	4.669.248.212

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Alphanam Food		
Chi phí hội thảo	-	67.800.000
Chi phí tổ chức sự kiện	162.385.000	-
Mua hàng	27.534.050	-
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	2.280.699.230	1.763.354.957
Chi phí thuê sàn	-	472.727.268
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây		
Lãi cho vay	-	58.515.111
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	446.196.566	143.360.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.13 và V.14 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Phải thu khác	220.000.000	220.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>220.000.000</u>	<u>220.000.000</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Phải trả, phải nộp khác	-	431.723.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Người mua trả tiền trước	235.523.263	-
Cộng nợ phải trả	<u>235.523.263</u>	<u>431.723.273</u>

03. Thuê hoạt động*Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.633.716.364	6.289.088.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.464.865.455	11.755.352.000
Trên 5 năm	42.819.384.242	21.070.244.000
Cộng	<u>54.917.966.061</u>	<u>39.134.684.000</u>

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các hợp đồng cho thuê**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	13.939.478.344	13.358.849.428
Trên 1 năm đến 5 năm	29.462.644.054	32.708.357.712
Trên 5 năm	14.904.774.960	17.216.888.629
Cộng	<u>58.306.897.358</u>	<u>63.284.095.769</u>

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 2 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Thống tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:			
Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	278.145.139.562	90.650.472.618	39.008.245.454	407.803.857.634
- Chi phí trực tiếp	264.062.047.570	83.352.333.696	35.910.269.588	383.324.650.854
- Chi phí phân bổ	14.701.328.761	4.791.320.109	2.061.776.243	21.554.425.113
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(618.236.769)	2.506.818.813	1.036.199.623	2.924.781.667
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.695.945.489	-	-	10.695.945.489
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.332.711.347	2.063.898.285	888.126.102	9.284.735.734
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	206.135.360.953	1.638.583.081	8.363.095.820	216.137.039.854
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	141.341.532.761	46.064.715.585	19.822.331.648	207.228.579.994
- Tài sản không phân bổ				23.971.106.402
Tổng tài sản	347.476.893.714	47.703.298.666	28.185.427.468	447.336.726.250
- Nợ phải trả bộ phận	261.123.589.535	194.524.147	16.689.823.282	278.007.936.964
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.521.501.735	7.339.998.029	3.158.510.226	33.020.009.990
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	283.645.091.270	7.534.522.176	19.848.333.508	311.027.946.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Đơn vị tính: VND		
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	298.109.904.708	6.871.984.927	44.291.176.709
- Chi phí trực tiếp	274.366.462.701	6.824.290.662	41.022.913.211
- Chi phí phân bổ	21.892.813.966	504.669.872	3.252.687.940
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.850.628.041	(456.975.607)	15.575.558
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.080.515.543	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.323.281.170	145.763.332	939.470.844
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	246.063.417.606	12.568.855.014	13.023.441.365
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	32.065.275.597	739.163.936	4.764.044.284
- Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	278.128.693.203	13.308.018.950	17.787.485.649
- Nợ phải trả bộ phận	87.734.183.061	-	258.044.955
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	136.048.903.676	3.136.178.975	20.213.236.590
- Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	223.783.086.737	3.136.178.975	20.471.281.545
			Cộng
			349.273.066.344
			322.213.666.574
			25.650.171.778
			1.409.227.992
			6.080.515.543
			7.408.515.346
			271.655.713.985
			37.568.483.817
			72.255.029.431
			381.479.227.233
			87.992.228.016
			159.398.319.241
			-
			247.390.547.257

Kế toán trưởng: Nguyễn Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	131.335.326.191	249.762.742.546	26.705.788.897	407.803.857.634
- Tài sản bộ phận	144.067.089.507	273.974.964.921	29.294.671.822	447.336.726.250
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.444.684.162	6.550.817.579	700.443.747	10.695.945.489
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	73.293.310.081	256.789.355.854	19.190.400.409	349.273.066.344
- Tài sản bộ phận	56.384.790.997	165.539.633.813	87.299.772.992	309.224.197.802
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	623.322.293	2.279.870.481	3.177.322.769	6.080.515.543

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.317.784.431	-	3.572.923.102	3.317.784.431	-	3.572.923.102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.049.341.417	(7.509.889.221)	131.646.696.982	120.505.651.284	(4.848.931.423)	126.797.765.559
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	68.906.940.485	(93.279.998)	68.888.049.502	68.813.660.487	(205.943.173)	68.682.106.329
Cộng	199.274.066.333	(7.603.169.219)	204.107.669.586	192.637.096.202	(5.054.874.596)	199.052.794.990
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	94.988.692.386	92.551.570.909	94.988.692.386	92.551.570.909		
Vay và nợ	46.953.949.985	41.556.775.650	46.953.949.985	41.556.775.650		
Chi phí phải trả	585.531.002	584.725.954	585.531.002	584.725.954		
Các khoản phải trả khác	11.373.087.778	17.669.671.356	11.373.087.778	17.669.671.356		
Cộng	153.901.261.151	152.362.743.869	153.901.261.151	152.362.743.869		

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	93.826.192.386	1.162.500.000	-	94.988.692.386
Vay và nợ	44.782.074.990	2.171.874.995	-	46.953.949.985
Chi phí phải trả	585.531.002	-	-	585.531.002
Các khoản phải trả khác	6.759.453.884	4.613.633.894	-	11.373.087.778
Cộng	145.953.252.262	7.948.008.889	-	153.901.261.151
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	92.551.570.909	-	-	92.551.570.909
Vay và nợ	41.556.775.650	-	-	41.556.775.650
Chi phí phải trả	584.725.954	-	-	584.725.954
Các khoản phải trả khác	13.530.450.835	4.139.220.521	-	17.669.671.356
Cộng	148.223.523.348	4.139.220.521	-	152.362.743.869

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dương

Kế toán trưởng



Lê Văn Đạt

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017



Trương Thị Thu Hiền

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 - 44
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHAI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Anh Sơn	Ủy viên	
Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017
Ông Trần Mạnh Thăng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017
	Kiểm Kế toán trưởng	
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

Số: 114./2018/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số 913. Quyển số 01 SCT/BS

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

IM.UBND PHƯƠNG KHÂM THIÊN
KẾ CHỨC TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thọ
Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		445.483.100.267	340.556.538.041
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.073.139.576	3.317.784.431
1.	Tiền	111		20.965.587.576	3.317.784.431
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.107.552.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	48.160.338.516
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	48.160.338.516
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322.778.199.294	176.059.429.340
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	164.028.153.638	125.872.432.382
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	165.221.484.239	56.088.840.070
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.235.949.168	1.608.046.109
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(9.707.387.751)	(7.509.889.221)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	97.789.533.294	111.322.129.123
1.	Hàng tồn kho	141		97.789.533.294	111.322.129.123
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.842.228.103	1.696.856.631
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	176.335.438	94.513.974
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.665.892.665	1.602.342.657
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.368.160.765	106.780.188.209
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		9.067.868.765	9.724.880.967
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.037.885.435	9.724.880.967
	- Nguyên giá	222		20.631.247.166	19.533.385.683
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.593.361.731)	(9.808.504.716)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	29.983.330	-
	- Nguyên giá	228		215.980.000	180.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(185.996.670)	(180.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	20.653.321.971
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.746.601.969
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(93.279.998)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		76.300.292.000	76.401.985.271
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	76.300.292.000	76.401.985.271
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		530.851.261.032	447.336.726.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		382.485.402.926	311.027.946.954
I.	Nợ ngắn hạn	310		376.026.627.753	303.079.938.065
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	157.635.468.671	93.826.192.386
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	61.622.456.531	153.439.016.249
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.750.035.004	482.901.083
4.	Phải trả người lao động	314		1.135.874.813	825.922.714
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	280.871.198	585.531.002
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	619.770.000	1.720.670.336
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.741.729.527	7.417.629.305
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	138.240.422.009	44.782.074.990
II.	Nợ dài hạn	330		6.458.775.173	7.948.008.889
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	1.162.500.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.595.217.394	4.613.633.894
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.863.557.779	2.171.874.995
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.365.858.106	136.308.779.296
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	148.365.858.106	136.308.779.296
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.524.991.196	15.467.912.386
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.467.912.386	13.247.813.066
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.057.078.810	2.220.099.320
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		530.851.261.032	447.336.726.250

Người lập biểu



Nguyễn Tuấn Trang

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	761.385.382.363	408.040.097.019
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	164.928.529	236.239.385
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		761.220.453.834	407.803.857.634
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	726.403.185.042	383.324.650.854
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.817.268.792	24.479.206.780
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	310.029.217	15.789.099
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.855.423.428	5.392.589.677
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.948.650.189</i>	<i>5.505.129.319</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.717.909.612	5.576.254.318
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	11.590.989.740	10.601.370.217
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.962.975.229	2.924.781.667
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	391.348.928	58.836.831
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.067.272.290	178.863.561
13.	Lợi nhuận khác	40		(675.923.362)	(120.026.730)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.287.051.867	2.804.754.937
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.229.973.057	584.655.617
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.057.078.810	2.220.099.320
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.005	185
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.005	185

Người lập biểu



Nguyễn Tuấn Trang

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		15.287.051.867	2.804.754.937
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.305.991.132	1.668.138.024
-	Các khoản dự phòng	03		2.955.018.532	2.548.294.623
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		87.253.443	(27.807.167)
-	Chi phí lãi vay	06		5.948.650.189	5.505.129.319
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		26.583.965.163	12.498.509.736
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(149.979.818.492)	(38.386.268.038)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.532.595.829	(29.266.870.818)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.246.713.851)	58.069.481.856
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.871.807	4.888.132.642
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		48.160.338.516	(48.160.338.516)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(5.952.943.985)	(5.547.023.637)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(522.339.241)	(372.017.793)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(93.405.044.254)	(46.276.394.568)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.337.170.681)	(7.946.667.901)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		290.909.091	413.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.746.601.969	48.141.324.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		310.029.217	15.789.099
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		19.010.369.596	40.624.081.562

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		172.696.462.215	67.338.262.177
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(79.546.432.412)	(61.941.087.842)
5.	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93.150.029.803	5.397.174.335
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.755.355.145	(255.138.671)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.317.784.431	3.572.923.102
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		22.073.139.576	3.317.784.431

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán buôn tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	76.901.163	165.474.963
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.888.686.413	3.152.309.468
- Các khoản tương đương tiền	1.107.552.000	-
Cộng	22.073.139.576	3.317.784.431

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 V0 Truong Phung, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính
a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	48.160.338.516	48.160.338.516
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (*)	-	-	48.160.338.516	48.160.338.516
Cộng	-	-	48.160.338.516	48.160.338.516

(*) Trong năm, Công ty bán 1.521.846 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 đồng/cổ phần cho Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	20.746.601.969
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn (*)	-	-	4,98%	20.746.601.969
Cộng	-	-	-	20.746.601.969

(*) Trong năm, Công ty bán 597.298 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn cho Công ty Cổ phần Delta Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	164.028.153.638	125.872.432.382
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	96.802.258.352	74.391.132.483
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	1.869.219.219	16.805.394.482
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	3.860.247.676	3.860.247.676
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	30.949.311.514	2.065.279.398
- Công ty HH tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc	9.989.051.682	1.551.786.419
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	20.558.065.195	27.198.591.924

b. Phải thu của khách hàng dài hạn

	-	-
--	---	---

Cộng**164.028.153.638****125.872.432.382****c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	37.651.934.328	3.075.976.867
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	128.881.389	128.881.389
- Công ty Cổ phần Alphanam	-	710.613.601
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	238.485.677	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	30.949.311.514	2.065.279.398
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	25.144.894	42.171.285
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	-	129.031.194
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	5.616.435.873	-
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	55.000.000	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	638.674.981	-
Cộng	37.651.934.328	3.075.976.867

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	165.221.484.239	56.088.840.070
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	-	4.620.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn DP	-	5.100.000.000
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	10.211.602.925	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	61.050.503.914	15.251.367.635
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABB	-	5.940.905.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	-	882.129.981
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	91.217.480.652	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.741.896.748	15.518.388.420
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	165.221.484.239	56.088.840.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	71.262.106.839	24.062.945.392
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	10.211.602.925	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	61.050.503.914	15.251.367.635
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	35.528.723
Cộng	71.262.106.839	24.062.945.392

05. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.235.949.168	-	1.608.046.109	-
- Tạm ứng	120.933.356	-	73.009.425	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.154.336.398	-	358.127.649	-
- Phải thu khác	960.679.414	-	1.176.909.035	-
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	220.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	960.679.414	-	956.909.035	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.235.949.168	-	1.608.046.109	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị cơ thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị cơ thể thu hồi	
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-	
- Công ty TNHH Thống Nhất	-	-	850.800.000	-	
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-	
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	1.158.074.303	3.860.247.676	1.930.123.838	
- Các khách hàng khác	5.478.301.801	895.970.890	2.306.081.916	-	
Cộng	11.761.432.944	2.054.045.193	9.440.013.059	1.930.123.838	

Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong năm:

Đối tượng	Số đầu năm		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm
	Số gốc	Số trích lập	Số xoá nợ	Số hoàn nhập	Số xoá nợ	Số hoàn nhập	
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	-	-	-	-	1.037.788.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	700.000.000	-	-	-	-	-	700.000.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-	-	850.800.000	-	-	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	-	-	-	-	1.385.095.467
- Công ty cổ phần giấy An Hoà	1.930.123.838	772.049.535	-	-	-	-	2.702.173.373
- Công ty XD Công trình 507 tại Quảng Ninh-V Đàng, Truyền Hình	-	702.482.768	-	-	-	-	702.482.768
- Công ty CP Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	-	-	-	-	651.420.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Địa Long	-	340.000.000	-	-	-	-	340.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hà Nội	-	193.031.128	-	-	-	-	193.031.128
- Công ty TNHH Phương Dững	-	119.692.263	-	-	-	-	119.692.263
- Ban QLDA-Sở L&TB & Xã Hội Hà Nội	-	243.247.499	-	-	-	-	243.247.499
- Các khách hàng khác	954.661.916	677.795.337	-	-	-	-	1.632.457.253
Cộng	7.509.889.221	3.048.298.530	850.800.000	850.800.000	-	-	9.707.387.751

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.100.532.901	-	54.172.789.362	-	
- Thành phẩm	15.268.182	-	15.268.182	-	
- Hàng hoá	29.673.732.211	-	57.134.071.579	-	
Cộng	97.789.533.294	-	111.322.129.123	-	

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
L. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		1.078.509.040	3.397.198.775	14.291.689.760	765.988.108	19.533.385.683
- Mua trong năm		-	177.600.000	1.415.553.545	708.037.136	2.301.190.681
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(1.203.329.198)	-	(1.203.329.198)
Số dư cuối năm		1.078.509.040	3.574.798.775	14.503.914.107	1.474.025.244	20.631.247.166
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		1.078.509.040	864.335.126	7.404.606.684	461.053.866	9.808.504.716
- Khấu hao trong năm		-	420.851.516	1.668.740.398	210.402.548	2.299.994.462
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(515.137.447)	-	(515.137.447)
Số dư cuối năm		1.078.509.040	1.285.186.642	8.558.209.635	671.456.414	11.593.361.731
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		-	2.532.863.649	6.887.083.076	304.934.242	9.724.880.967
2. Tại ngày cuối năm		-	2.289.612.133	5.945.704.472	802.568.830	9.037.885.435

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.212.900.241 đồng.

Nguyên giá và Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.716.691.064 VND và 4.955.973.573 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>
- Mua trong năm	35.980.000	35.980.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>215.980.000</i>	<i>215.980.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>
- Khấu hao trong năm	5.996.670	5.996.670
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>185.996.670</i>	<i>185.996.670</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>		
	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>		
	29.983.330	29.983.330

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>176.335.438</i>	<i>94.513.974</i>
- Chi phí bảo hiểm	78.994.699	34.227.178
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.157.728	44.567.432
- Chi phí khác	96.183.011	15.719.364
<i>b. Dài hạn</i>	<i>76.300.292.000</i>	<i>76.401.985.271</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	744.335.698	975.991.472
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	1.314.997.499	3.576.453.909
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	44.006.060.674	44.969.697.022
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	21.587.878.808	22.060.606.076
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	1.727.867.093	212.914.061
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	3.537.804.203	1.119.052.506
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	2.615.504.398	2.752.402.786
- Chi phí khác	765.843.627	734.867.439
Cộng	76.476.627.438	76.496.499.245

^(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

^(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

^(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	44.782.074.990	44.782.074.990	173.004.779.431	79.546.432.412	138.240.422.009	138.240.422.009
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>42.868.517.207</i>	<i>42.868.517.207</i>	<i>171.780.862.215</i>	<i>77.781.699.896</i>	<i>136.867.679.526</i>	<i>136.867.679.526</i>
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁶⁾	23.500.000.000	23.500.000.000	17.172.232.827	23.500.000.000	17.172.232.827	17.172.232.827
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	13.521.608.557	13.521.608.557	29.113.182.689	42.634.791.246	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam	5.846.908.650	5.846.908.650	5.800.000.000	11.646.908.650	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình ⁽⁶⁾	-	-	119.695.446.699	-	119.695.446.699	119.695.446.699
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.913.557.783</i>	<i>1.913.557.783</i>	<i>1.223.917.216</i>	<i>1.764.732.516</i>	<i>1.372.742.483</i>	<i>1.372.742.483</i>
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	125.000.000	125.000.000	281.250.000	406.250.000	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam	1.101.057.779	1.101.057.779	-	595.933.332	505.124.447	505.124.447
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁶⁾	-	-	255.167.212	75.049.180	180.118.032	180.118.032
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽⁶⁾	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b. Vay dài hạn	2.171.874.995	2.171.874.995	915.600.000	1.223.917.216	1.863.557.779	1.863.557.779	
Từ 1 năm đến 5 năm	2.171.874.995	2.171.874.995	915.600.000	1.223.917.216	1.863.557.779	1.863.557.779	
Vay ngân hàng	2.171.874.995	2.171.874.995	915.600.000	1.223.917.216	1.863.557.779	1.863.557.779	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	281.250.000	281.250.000	-	281.250.000	-	-	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	-	-	915.600.000	255.167.212	660.432.788	660.432.788	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.890.624.995	1.890.624.995	-	687.500.004	1.203.124.991	1.203.124.991	
Cộng	46.953.949.985	46.953.949.985	173.920.379.431	80.770.349.628	140.103.979.788	140.103.979.788	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là từ 8,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng kế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 9,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông A và quyền đòi nợ từ các đối tác đầu ra của phương án kinh doanh do ngân hàng cấp tín dụng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để bù đắp chi phí đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biên kiểm soát 30E-859.88. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 8,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong mua xe ô tô Mercedes Benz S400 biên kiểm soát 30E-070.61. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
12. Phải trả người bán					
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	-	-	93.826.192.386	93.826.192.386	
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	13.439.704.564	13.439.704.564	12.093.165.193	12.093.165.193	
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.353.530.880	24.353.530.880	24.575.629.587	24.575.629.587	
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	-	-	8.620.847.121	8.620.847.121	
- Công ty TNHH Tư vấn DP	11.055.968.685	11.055.968.685	6.996.909.959	6.996.909.959	
- Công ty CP Đầu tư xây lắp Đồng Dương	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	
- Công ty CP Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	10.883.116.510	10.883.116.510	-	-	
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	7.156.602.879	7.156.602.879	4.842.740.774	4.842.740.774	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	85.636.365.129	85.636.365.129	31.586.719.728	31.586.719.728	
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>					
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	-	-	1.162.500.000	1.162.500.000	
Cộng	157.635.468.671	157.635.468.671	94.988.692.386	94.988.692.386	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
c. Phải trả người bán là các bên liên quan					
Phải trả cho người bán ngắn hạn	36.942.875.601	36.942.875.601	14.811.534.580	14.811.534.580	
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813	
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	3.264.147.345	3.264.147.345	38.332.722	38.332.722	
- Công ty Cổ phần Alphanam Nam Sài Gòn	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050	
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	7.156.602.879	7.156.602.879	4.842.740.774	4.842.740.774	
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	-	251.723.953	251.723.953	
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.353.530.880	24.353.530.880	8.620.847.121	8.620.847.121	
- Tổng Công ty Cổ phần Dầu tư và XNK Foodinco	1.110.704.487	1.110.704.487	-	-	
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	194.524.147	194.524.147	194.524.147	194.524.147	
Phải trả cho người bán dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	36.942.875.601	36.942.875.601	14.811.534.580	14.811.534.580	

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	61.622.456.531	61.622.456.531	153.439.016.249	153.439.016.249
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	14.031.021.060	14.031.021.060	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	39.985.836.842	39.985.836.842	24.781.021.060	24.781.021.060
- Ban QLDA phát triển điện lực - TCT Điện lực miền Bắc	-	-	6.457.292.106	6.457.292.106
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	7.605.598.629	7.605.598.629	9.727.955.650	9.727.955.650
b. Người mua trả tiền trước dài hạn				
Cộng	61.622.456.531	61.622.456.531	153.439.016.249	153.439.016.249

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	41.192.939.341	41.192.939.341	115.804.493.645	115.804.493.645
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	39.985.836.842	39.985.836.842	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	1.207.102.499	1.207.102.499	3.331.746.212	3.331.746.212
Người mua trả tiền trước dài hạn				
Cộng	41.192.939.341	41.192.939.341	115.804.493.645	115.804.493.645

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	10.328.988.745	5.118.644.492	-	5.210.344.253
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	432.575.111	3.229.973.057	522.339.241	-	3.140.208.927
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.325.972	386.361.345	56.634.569	-	380.052.748
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	205.960.999	186.531.923	-	19.429.076
Cộng	-	482.901.083	14.151.284.146	5.884.150.225	-	8.750.035.004

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

15. Chi phí phải trả	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>280.871.198</i>	<i>585.531.002</i>
- Chi phí lãi vay	280.871.198	49.641.731
- Phải trả chi phí công trình	-	535.889.271
<i>b. Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	280.871.198	585.531.002
16. Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>7.741.729.527</i>	<i>7.417.629.305</i>
- Kinh phí công đoàn	742.374.083	658.175.421
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.999.355.444	6.759.453.884
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	6.500.000.000	6.020.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	370.315.025	370.315.025
+ Các đối tượng khác	129.040.419	369.138.859
<i>b. Dài hạn</i>	<i>4.595.217.394</i>	<i>4.613.633.894</i>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.595.217.394	4.613.633.894
Cộng	12.336.946.921	12.031.263.199
17. Doanh thu chưa thực hiện	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>619.770.000</i>	<i>1.720.670.336</i>
- Doanh thu nhận trước	619.770.000	1.720.670.336
<i>b. Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	619.770.000	1.720.670.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	13.247.813.066	134.088.679.976
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.220.099.320	2.220.099.320
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	15.467.912.386	136.308.779.296
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	12.057.078.810	12.057.078.810
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	840.866.910	27.524.991.196	148.365.858.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60	72.001.000.000	60
Vốn góp của các cổ đông khác	47.999.000.000	40	47.999.000.000	40
Cộng	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-
Cộng	7.470.333.305	6.619.533.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	205.897.884.827	250.232.111.109
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.065.583.010	4.558.812.366
Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.246.660.031	14.523.265.495
Doanh thu hợp đồng xây dựng	528.175.254.495	138.725.908.049
Cộng	761.385.382.363	408.040.097.019

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	106.276.269.924	4.513.890.360
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	2.071.718.022	2.045.324.358
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	333.541.748.740	92.814.065.149
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	8.083.438.448	156.401.448
- Công ty TNHH Sen Kansai- Alphanam	2.773.342.449	1.886.301.574
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	6.912.431.801	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	-	38.337.532
Cộng	459.658.949.384	101.454.320.421

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	164.928.529	236.239.385
Cộng	164.928.529	236.239.385

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	188.859.617.489	242.673.648.163
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.384.251.493	3.433.121.483
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	9.500.119.540	9.231.848.508
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	517.659.196.520	127.986.032.700
Cộng	726.403.185.042	383.324.650.854

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	310.029.217	15.789.099
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	310.029.217	15.789.099

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	5.948.650.189	5.505.129.319
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	53.237	123.533
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(93.279.998)	(112.663.175)
Cộng	5.855.423.428	5.392.589.677

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	12.141.601
- Hàng được tặng	101.502.500	-
- Các khoản khác	289.846.428	46.695.230
Cộng	391.348.928	58.836.831

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	-	154.107.399
- Các khoản bị phạt hành chính	76.348.325	24.742.575
- Giá trị còn lại của TSCD thanh lý	397.282.660	-
- Các khoản khác	593.641.305	13.587
Cộng	1.067.272.290	178.863.561

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	11.590.989.740	10.601.370.217
- Chi phí nhân viên quản lý	1.793.320.337	2.117.894.709
- Chi phí khấu hao TSCĐ	593.381.674	346.075.031
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.298.530	4.860.622.773
- Chi phí dự phòng	3.662.953.525	2.717.691.863
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.493.035.674	559.085.841
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.717.909.612	5.576.254.318
- Chi phí nhân viên	993.142.931	3.563.618.811
- Chi phí vật liệu, bao bì	114.850.684	6.372.546
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.346.063	1.525.505.564
- Các khoản chi phí bán hàng khác	105.569.934	480.757.397
Cộng	13.308.899.352	16.177.624.535

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.140.208.927	584.655.617
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	89.764.130	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.229.973.057	584.655.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.287.051.867	2.804.754.937
Các khoản điều chỉnh tăng	413.992.769	118.523.145
- Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	337.644.444	93.780.570
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	76.348.325	24.742.575
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	15.701.044.636	2.923.278.082
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	3.140.208.927	584.655.617
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.140.208.927	584.655.617

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.005	185

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.005	185

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.909.625.095	54.226.679.368
- Chi phí nhân công	14.173.831.657	13.940.530.687
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.305.991.132	1.668.138.024
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.559.953.006	104.689.620.742
- Chi phí khác bằng tiền	3.782.511.024	8.632.498.843
- Chi phí dự phòng	3.048.298.530	4.860.622.773
Cộng	564.780.210.444	188.018.090.437

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên HĐQT		
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	46.620.000.000	56.900.000.000
+ Vay tiền (không tính lãi)	47.100.000.000	51.020.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên HĐQT		
+ Phải trả phải nộp khác (không tính lãi)	6.500.000.000	6.020.000.000
Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc		
+ Phải trả phải nộp khác	370.315.025	370.315.025
Cộng nợ phải trả	6.870.315.025	6.390.315.025

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	890.628.439	768.850.000
Cộng	890.628.439	768.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
 Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung

Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn

Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (trước đây là Công ty Liên doanh Fuji - Alpha)

Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây

Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam

Công ty Cổ phần Alphanam (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Food)

Công ty cổ phần công trình giao thông 118 - MOMOTA

Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	70.200.416.011	171.214.970.188
Mua Tài sản cố định	-	500.000.000
Bán Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	48.141.324.000
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	-	48.160.338.516
Bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	48.160.338.516	-
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		
Mua hàng hóa	26.081.777.366	8.078.042.837
Công ty Cổ phần Alphanam		
Chi phí tổ chức sự kiện	-	162.385.000
Mua hàng	5.780.349.939	27.534.050
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	1.915.902.376	2.280.699.230
Mua hàng hóa	11.071.062.364	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	3.120.441.632	446.196.566
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC		
Dịch vụ bảo trì thang máy	484.582.309	227.945.454
Mua hàng hóa	16.833.382.676	31.692.397.608
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
Mua hàng hóa	8.301.471	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME & C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên</i>		
Mua hàng hóa	5.373.388.769	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco</i>		
Mua hàng hóa	1.009.731.352	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.12 và V.13 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Phải thu khác	-	220.000.000
Cộng nợ phải thu	-	220.000.000

03. Thuê hoạt động*Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.626.559.849	4.633.716.364
Trên 1 năm đến 5 năm	12.366.049.244	7.464.865.455
Trên 5 năm	26.794.690.530	42.819.384.242
Cộng	42.787.299.623	54.917.966.061

- Công ty thuê toàn bộ tòa nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sân tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	15.347.818.973	13.939.478.344
Trên 1 năm đến 5 năm	31.654.122.658	29.462.644.054
Trên 5 năm	1.010.114.119	14.904.774.960
Cộng	48.012.055.750	58.306.897.358

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ

ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.

- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018 và một phần cho thuê trong thời hạn 09 năm kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	287.724.762.638	438.663.384.217	34.832.306.979	761.220.453.834
- Chi phí trực tiếp	276.561.399.066	416.466.761.465	33.375.024.571	726.403.185.102
- Chi phí phân bổ	7.126.512.580	10.865.036.771	862.744.152	18.854.293.503
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.036.850.992	11.331.585.981	594.538.256	15.962.975.229
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.503.379.832			10.503.379.832
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.208.460.980	431.758.912	-	10.640.219.892
Số dư cuối năm nay				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	123.010.783.065	187.541.475.053	14.891.833.841	325.444.091.959
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	69.279.173.533	105.667.835.613	8.387.020.351	183.334.029.497
- Tài sản không phân bổ				22.073.139.576
Tổng tài sản	192.289.956.598	293.209.310.666	23.278.854.192	530.851.261.032
- Nợ phải trả bộ phận	135.617.784.996	206.771.079.490	16.418.052.709	358.806.917.195
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	709.937.200	1.082.365.842	85.945.854	1.878.248.896
- Nợ phải trả không phân bổ				21.800.236.835
Tổng nợ phải trả	136.327.722.196	207.853.445.332	16.503.998.563	382.485.402.926

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Đơn vị tính: VND
				Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	278.145.139.562	90.650.472.618	39.008.245.454	407.803.857.634
- Chi phí trực tiếp	264.062.047.570	83.352.333.696	35.910.269.588	383.324.650.854
- Chi phí phân bổ	14.701.328.761	4.791.320.109	2.061.776.243	21.554.425.113
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(618.236.769)	2.506.818.813	1.036.199.623	2.924.781.667
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.695.945.489	-	-	10.695.945.489
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.332.711.347	2.063.898.285	888.126.102	9.284.735.734
Số dư cuối năm trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	206.135.360.953	1.638.583.081	8.363.095.820	216.137.039.854
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	141.341.532.761	46.064.715.585	19.822.331.648	207.228.579.994
- Tài sản không phân bổ				23.971.106.402
Tổng tài sản	347.476.893.714	47.703.298.666	28.185.427.468	447.336.726.250
- Nợ phải trả bộ phận	261.123.589.535	194.524.147	16.689.823.282	278.007.936.964
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.521.501.735	7.339.998.029	3.158.510.226	33.020.009.990
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	283.645.091.270	7.534.522.176	19.848.333.508	311.027.946.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

Năm nay	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	527.811.383.472	200.583.913.891	32.825.156.471		761.220.453.834
- Tài sản bộ phận	368.047.731.455	139.869.007.728	22.889.283.468		530.806.022.651
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	7.282.783.079	2.767.672.657	452.924.097		10.503.379.832
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	131.335.326.191	249.762.742.546	26.705.788.897		407.803.857.634
- Tài sản bộ phận	144.067.089.507	273.974.964.921	29.294.671.822		447.336.726.250
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.444.684.162	6.550.817.579	700.443.747		10.695.945.489

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND					
	05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính					
	Giá trị số sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Dự phòng	Số cuối năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.073.139.576	-	3.317.784.431	-	-	3.317.784.431
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.988.833.052	(9.591.988.663)	127.049.341.417	(7.509.889.221)	-	120.505.651.284
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-	68.906.940.485	(93.279.998)	-	68.813.660.487
Cộng	187.061.972.628	(9.591.988.663)	199.274.066.333	(7.603.169.219)	177.469.983.965	192.637.096.202

	Đơn vị tính: VND					
	06. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính					
	Giá trị số sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	157.635.468.671	94.988.692.386	157.635.468.671	94.988.692.386		
Vay và nợ	140.103.979.788	46.953.949.985	140.103.979.788	46.953.949.985		
Chi phí phải trả	280.871.198	585.531.002	280.871.198	585.531.002		
Các khoản phải trả khác	11.594.572.838	11.373.087.778	11.594.572.838	11.373.087.778		
Cộng	309.614.892.495	153.901.261.151	309.614.892.495	153.901.261.151		

Kế toán trưởng: *[Chữ ký]* / Giám đốc: *[Chữ ký]*

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	157.632.033.671	-	-	157.632.033.671
Vay và nợ	138.240.422.009	1.863.557.779	-	140.103.979.788
Chi phí phải trả	360.171.198	-	-	360.171.198
Các khoản phải trả khác	6.999.355.444	4.595.217.394	-	11.594.572.838
Cộng	303.231.982.322	6.458.775.173	-	309.690.757.495
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	93.826.192.386	1.162.500.000	-	94.988.692.386
Vay và nợ	44.782.074.990	2.171.874.995	-	46.953.949.985
Chi phí phải trả	585.531.002	-	-	585.531.002
Các khoản phải trả khác	6.759.453.884	4.613.633.894	-	11.373.087.778
Cộng	145.953.252.262	7.948.008.889	-	153.901.261.151

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biên

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: 47 Vũ Trọng Phụng, P. Thành Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

SAO Y BẢN CHÍNH

Nháy 20 tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C (AME)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III/ 2018



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn

Hà Nội, tháng 10 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (30/09/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		490,184,250,249	445,483,100,287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2,020,359,862	22,073,139,576
1. Tiền	111		2,020,359,862	20,965,587,576
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1,107,552,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		429,850,134,764	322,778,199,294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	294,145,443,223	164,029,153,638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		143,891,301,780	165,221,484,239
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1,520,777,512	3,235,949,188
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,707,387,751)	(9,707,387,751)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	58,082,001,647	97,789,533,294
1. Hàng tồn kho	141		58,082,001,647	97,789,533,294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		231,753,988	2,842,228,103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		231,560,874	178,335,431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		193,112	2,685,892,665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80,584,682,977	85,388,100,795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7,828,773,497	9,057,868,765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	7,808,784,616	9,037,885,435
- Nguyên giá	222		21,287,398,984	20,631,247,188
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13,480,614,368)	(11,593,361,731)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19,988,881	29,983,330
- Nguyên giá	228		215,980,000	215,980,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(195,991,119)	(185,996,670)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (30/09/2018)	Số đầu năm (01/01/2018)
1	2	3	4	5
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.11	72,757,869,480	76,300,292,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		72,757,869,480	76,300,292,000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		570,768,913,228	530,851,261,032
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		421,282,409,202	382,485,402,925
I. Nợ ngắn hạn	310		415,267,943,047	376,026,627,762
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		117,018,147,343	157,635,468,671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55,872,166,326	61,622,466,631
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3,086,295,385	6,760,036,003
4. Phải trả người lao động	314		2,338,713,104	1,135,874,813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	900,000,000	280,671,198
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1,868,853,853	618,770,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	72,269,127,139	7,741,729,527
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	162,323,640,077	138,240,422,886
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6,014,466,155	6,458,775,173
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		4,584,717,394	4,595,217,394
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1,429,748,761	1,863,657,779
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		149,486,504,024	148,365,858,107
I. Vốn chủ sở hữu	410		149,486,504,024	148,365,858,107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	120,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-

CÔNG
CỐ
PHẦN
TỔNG QUẢN

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

| NỘI DUNG | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này
(30/09/2018) | Số đầu năm (01/01/2018) |
|--|------------|-------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 840,866,910 | 840,866,910 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 28,645,637,114 | 27,524,991,197 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 27,524,991,197 | 15,467,912,397 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1,120,645,917 | 12,057,078,810 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400) | 440 | | 670,768,913,226 | 630,861,261,032 |

Ngày .. tháng .. năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Trang
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Quý III | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III | |
|---|-------|-------|-----------------|-----------------|------------------------------------|-----------------|
| | | | Năm 2018 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2017 |
| 1 | 2 | 3 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 149,590,024,238 | 167,958,312,504 | 405,970,617,444 | 651,080,181,002 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.02 | 0 | 1,174,160,245 | 0 | 1,232,841,156 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 149,590,024,238 | 166,784,162,339 | 405,970,617,444 | 649,847,339,846 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.04 | 140,519,372,674 | 182,328,990,420 | 379,854,990,010 | 633,406,496,930 |
| 6. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 9,070,651,562 | 4,455,171,919 | 26,115,627,434 | 16,440,840,916 |
| 8. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.05 | 5,766,016 | 72,506,983 | 116,439,376 | 190,056,655 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.06 | 3,654,843,662 | 854,078,633 | 11,456,471,353 | 3,239,466,147 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3,654,843,662 | 854,078,633 | 11,456,471,353 | 3,041,524,645 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24.00 | | 156,632,450 | 127,464,602 | 719,622,644 | 1,871,451,870 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 4,815,493,482 | 2,825,376,940 | 12,420,204,804 | 9,558,906,336 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)) | 30.00 | | 449,447,986 | 720,858,727 | 1,636,808,069 | 1,961,677,418 |
| 11. Thu nhập khác | 31.00 | VI.07 | 9,274 | | 98,241,400 | 307,731,426 |
| 12. Chi phí khác | 32.00 | VI.08 | 62,788,716 | 6,000,000 | 231,260,008 | 36,856,273 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40.00 | | -62,779,442 | -6,000,000 | -133,018,608 | 270,875,152 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50.00 | | 386,668,544 | 714,858,727 | 1,503,789,461 | 2,231,652,670 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51.00 | | 106,781,555 | 161,063,655 | 363,143,484 | 504,408,547 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52.00 | | 0 | | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60.00 | VI.09 | 279,886,989 | 553,804,872 | 1,120,645,977 | 1,727,244,023 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 61.00 | | 86 | 56 | 93 | 144 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 70.00 | | 86 | 56 | 93 | 144 |

Người lập
(Ký, họ tên)

Nguyễn Tuấn Trọng
Nguyễn Tuấn Trọng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trương Thị Thu Hiền
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền

Ngày .../.../... năm 2018



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) | Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước) |
|--|-------------|-------------|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 336,378,835,445 | 588,428,418,645 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (377,005,995,582) | (523,308,792,714) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (20,443,235,380) | (8,806,154,998) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (11,735,344,951) | (2,804,950,143) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (3,140,208,927) | (432,575,111) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 86,800,287,026 | 55,272,429,758 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (54,519,006,768) | (52,008,364,524) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (43,664,669,137) | 56,340,010,813 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (37,519,637) | (32,990,000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | 46,022,695 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (37,519,637) | 13,024,486 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 189,844,835,064 | 34,200,000,000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (166,195,226,014) | (62,748,623,649) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |



Mã số thuế: 0311000000
 Mã số đăng ký kinh doanh: 0311000000
 Mã số tài khoản: 0311000000

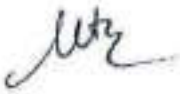
| Chi tiêu | Mã chi tiêu | Thuyết minh | Lấy số từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay) | Lấy số từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước) |
|---|-------------|-------------|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 23,649,409,050 | (28,548,623,649) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (20,052,779,724) | 27,804,411,750 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 22,073,139,576 | 3,317,784,431 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | | 2,020,359,852 | 31,122,196,181 |

Ngày...../.../2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ký, đóng dấu)


Nguyễn Tuấn Trang


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Alphanam E&C là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, đầu tư, thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 25 năm |
| Máy móc, thiết bị | 6 – 7 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 8 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 năm |

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí cải tạo, sửa chữa tòa nhà thuê tại số 02 Đại Cồ Việt - Hà Nội;
- Chi phí thuê sàn tầng 2 & 3 Tòa nhà Sakura Tower;
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí thuê sàn của tòa nhà Sakura Tower số 47 Vũ Trọng Phụng được phân bổ theo thời gian thuê là 50 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND*

| 01. Tiền và các khoản tương đương tiền | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|-----------------------|
| - Tiền mặt | 228.997.825 | 76.901.163 |
| - Tiền gửi ngân hàng - VND | 1.782.300.281 | 20.879.624.667 |
| - Tiền gửi ngân hàng - ngoại tệ | 9.061.746 | 9.061.746 |
| - Các khoản tương đương tiền | 1.107.552.000 | 1.107.552.000 |
| Cộng | 2.020.359.852 | 22.073.139.576 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| 02. Các khoản đầu tư tài chính | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| - Chứng khoán kinh doanh | - | - |
| - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | - |
| Cộng | - | - |
| 03. Phải thu của khách hàng | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Ngắn hạn | 294.145.443.223 | 164.028.153.638 |
| - Dài hạn | - | - |
| Cộng | 294.145.443.223 | 164.028.153.638 |
| 04. Phải thu khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Ngắn hạn | 1.520.777.512 | 3.235.949.168 |
| - Dài hạn | - | - |
| Cộng | 1.520.777.512 | 3.235.949.168 |
| 05. Tài sản thiếu chờ xử lý | | |
| 06. Nợ xấu | | |
| 07. Hàng tồn kho | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 46.105.755.083 | 68.100.532.901 |
| - Thành phẩm | 15.268.182 | 15.268.182 |
| - Hàng hoá | 11.960.978.382 | 29.673.732.211 |
| Cộng giá gốc của hàng tồn kho | 58.082.001.647 | 97.789.533.294 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM F&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thành Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| 08. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.078.509.040 | 3.574.798.775 | 14.503.914.107 | 1.474.025.244 | 20.631.247.166 |
| - Mua trong kỳ | - | - | - | 656.151.818 | 656.151.818 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | - | - | - |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 1.078.509.040 | 3.574.798.775 | 14.503.914.107 | 2.130.177.062 | 21.287.398.984 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.078.509.040 | 1.285.186.642 | 8.558.209.635 | 670.456.970 | 11.592.362.287 |
| - Khấu hao trong kỳ | - | 320.263.650 | 1.170.053.067 | 397.935.364 | 1.888.252.081 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 1.078.509.040 | 1.605.450.292 | 9.728.262.702 | 1.068.392.334 | 13.480.614.368 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | - | 2.289.612.133 | 5.945.704.472 | 802.568.830 | 9.037.885.435 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | - | 1.969.348.483 | 4.775.651.405 | 1.061.784.728 | 7.806.784.616 |

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 10.503.679.694 đồng.

(Số) 50.02.134

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Phần mềm
máy vi tính | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-------------------------|--------------------|
| I. Nguyên giá | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>215.980.000</i> | <i>215.980.000</i> |
| - Mua trong kỳ | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| - Giảm khác | - | - |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | <i>215.980.000</i> | <i>215.980.000</i> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>186.996.114</i> | <i>186.996.114</i> |
| - Khấu hao trong kỳ | 8.995.005 | 8.995.005 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| - Giảm khác | - | - |
| <i>Số dư cuối kỳ</i> | <i>195.991.119</i> | <i>195.991.119</i> |
| III. Giá trị còn lại | | |
| <i>1. Tại ngày đầu năm</i> | <i>28.983.886</i> | <i>28.983.886</i> |
| <i>2. Tại ngày cuối kỳ</i> | <i>19.988.881</i> | <i>19.988.881</i> |

10. Chi phí trả trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 231.753.986 | 176.335.438 |
| Dài hạn | 72.757.889.480 | 76.300.292.000 |
| Cộng | 72.989.450.354 | 76.476.627.438 |

11. Tài sản khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------|----------------|----------------------|
| Ngắn hạn | 193.112 | 2.665.892.665 |
| Dài hạn | - | - |
| Cộng | 193.112 | 2.665.892.665 |

12. Vay và nợ thuê tài chính

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 162.323.640.077 | 138.240.422.009 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | - | - |
| Vay dài hạn | 1.429.748.761 | 1.863.557.779 |
| Cộng | 163.753.388.838 | 140.103.979.788 |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------|---------------|---------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 2.156.470.792 | 5.210.344.252 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 383.143.484 | 3.140.208.927 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 546.681.089 | 380.052.748 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Thuế khác | | 19.429.076 |
| Cộng | <u>3.086.295.365</u> | <u>8.750.035.003</u> |
| 14. Chi phí phải trả | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | <u>900.000.000</u> | <u>280.871.198</u> |
| Cộng | <u>900.000.000</u> | <u>280.871.198</u> |
| 15. Phải trả khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | <u>72.259.127.139</u> | <u>7.741.729.527</u> |
| Dài hạn | <u>4.584.717.394</u> | <u>4.595.217.394</u> |
| Cộng | <u>76.843.844.533</u> | <u>12.336.946.921</u> |
| 16. Doanh thu chưa thực hiện | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | <u>1.668.853.693</u> | <u>619.770.000</u> |
| Dài hạn | - | - |
| Khả năng không thực hiện được hợp đồng | - | - |
| Cộng | <u>1.668.853.693</u> | <u>619.770.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư
của chủ sở hữu | Chênh lệch
tỷ giá | Quỹ đầu tư phát
triển | Lợi nhuận sau thuế
chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 120.000.000.000 | - | 840.866.910 | 15.467.912.387 | 136.308.779.297 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 12.057.078.810 | 12.057.078.810 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ trước | 120.000.000.000 | - | 840.866.910 | 27.524.991.197 | 148.365.858.107 |
| Số dư đầu năm nay | - | - | - | - | - |
| Tăng vốn trong kỳ | - | - | - | 1.120.645.917 | 1.120.645.917 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 121.200.000.000 | - | 840.866.910 | 28.645.637.114 | 149.486.504.024 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn góp của cổ đông | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| Cộng | 120.000.000.000 | 120.000.000.000 |

e. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

d. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.000.000 | 12.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.000.000 | 12.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 12.000.000 | 12.000.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.000.000 | 12.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 12.000.000 | 12.000.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Quý III/2018 | Quý III/2017 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 70.797.300.351 | 46.239.779.023 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 18.275.276.480 | 6.821.244.433 |
| - Doanh thu hoạt động xây lắp | 56.109.256.533 | 130.830.530.108 |
| - Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư | 4.408.190.872 | 3.738.903.903 |
| Cộng | 149.590.024.236 | 187.630.457.467 |

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Quý III/2018 | Quý III/2017 |
|-------------------------|--------------|---------------|
| - Chiết khấu thương mại | - | - |
| - Giảm giá hàng bán | - | - |
| - Hàng bán bị trả lại | - | 1.174.150.245 |
| Cộng | - | 1.174.150.245 |

03. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Quý III/2018 | Quý III/2017 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 70.797.300.351 | 45.065.628.778 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 18.275.276.480 | 6.821.244.433 |
| - Doanh thu hoạt động xây lắp | 56.109.256.533 | 130.830.530.108 |
| - Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư | 4.408.190.872 | 3.738.903.903 |
| Cộng | 149.590.024.236 | 186.456.307.222 |

04. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Quý III/2018</u> | <u>Quý III/2017</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | 72.382.214.297 | 43.852.593.040 |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 15.522.018.423 | 6.013.712.097 |
| - Giá vốn của hoạt động xây lắp | 49.880.009.939 | 129.515.151.154 |
| - Giá vốn BĐS đầu tư | 2.735.130.015 | 2.947.534.129 |
| Cộng | <u>140.519.372.674</u> | <u>182.328.990.420</u> |
| 05. Doanh thu hoạt động tài chính | <u>Quý III/2018</u> | <u>Quý III/2017</u> |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 5.766.018 | 72.596.983 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | - |
| - Lãi tài chính khác | - | - |
| Cộng | <u>5.766.018</u> | <u>72.596.983</u> |
| 06. Chi phí tài chính | <u>Quý III/2018</u> | <u>Quý III/2017</u> |
| - Lãi tiền vay | 3.653.846.662 | 854.078.633 |
| - Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | - |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | - |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | - |
| - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | - |
| - Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>3.653.846.662</u> | <u>854.078.633</u> |
| 07. Thu nhập khác | <u>Quý III/2018</u> | <u>Quý III/2017</u> |
| Thu nhập khác | 9.274 | - |
| Cộng | <u>9.274</u> | <u>-</u> |
| 08. Chi phí khác | <u>Quý III/2018</u> | <u>Quý III/2017</u> |
| Chi phí khác | 62.788.716 | 6.000.000 |
| Cộng | <u>62.788.716</u> | <u>6.000.000</u> |
| 09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>Quý III/2018</u> | <u>Quý III/2017</u> |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*) | 106.781.555 | 161.053.855 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>106.781.555</u> | <u>161.053.855</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(*) Chi tiết**

| | | |
|---|-----|-------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (1) | 386.668.544 |
| Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN | (2) | 147.239.231 |
| Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (= (1) + (2)) | (3) | 533.907.775 |
| Tỷ lệ suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: | (4) | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (= (3)x(4)) | (5) | 106.781.555 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về bộ phận
02. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính
03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

lct
Nguyễn Tuấn Trang

[Signature]
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền



[Signature]
CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn

Đ. 100/1.000.000.000.000.000

Đ. 100/1.000.000.000.000.000





CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979

Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com

Web: alphanam.com.vn

SÁC Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07.1404/NQ-DHDCD/EC

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

CHỦ TỊCH HĐQT

- *Biên bản hướng dẫn nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Alphanam E&C;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 04 năm 2018.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 với số liệu chính như sau:

- ❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

| STT | Nội dung | Năm 2017 |
|-----|--------------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản | 530.851.261.032 |
| 2 | Doanh thu thuần | 761.220.453.834 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 12.057.078.810 |

- ❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau :

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979

Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com

Web: alphanam.com.vn

Đơn vị tính: VND

| STT | Nội dung | Kế hoạch năm 2018 |
|-----|--------------------|-------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 850.000.000.000 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.000.000.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 24.000.000.000 |

Điều 2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính đã qua kiểm toán năm 2017.

Điều 4. Nhất trí việc chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ Công ty; thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn Điều lệ của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện toàn bộ các công việc phục vụ công tác chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phần nhằm tăng vốn điều lệ theo tờ trình số 02.1404/TTr-HĐQT.

Điều 5. Nhất trí việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 1 trong 3 công ty kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán năm tài chính 2018 theo tờ trình số 04.1404/TTr - HĐQT.

- + Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- + Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam);
- + Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn (A&C).

Điều 6. Thông qua kết quả miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Phan Anh Sơn và bà Thịnh Thị Thanh Huyền. Kể từ ngày 14/04/2018 danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Alphanam E&C bao gồm:

1. Ông Bùi Hoàng Tuấn - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Nguyễn Minh Nhật - Phó Chủ tịch HĐQT;
3. Bà Trương Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT;



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

Điều 7. Thông qua việc quyết toán chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị năm tài chính 2017, đồng thời thông qua đề xuất mức thù lao với Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2018.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngày 14 tháng 04 năm 2018.

Điều 9. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các ông/bà có tên tại các Điều nêu trên có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi gửi:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT/BKS;
- Như Điều 9;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch HĐQT



Bùi Hoàng Tuấn





CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
 Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578320
 Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06.1404/BB-HDCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2018



BIÊN BẢN PHIÊN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

CHỦ TỊCH HĐQT

Biên Hoàng Tuấn
THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Alphanam E&C
- Trụ sở chính: Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100520683 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/11/2006, cấp thay đổi lần 4 ngày 10/9/2013.

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 04 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Alphanam E&C được tổ chức tại hội trường B Công ty cổ phần Đầu tư Alphanam – Khu công nghiệp Phối Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

• Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thanh Nhân - Trưởng Ban.
- Bà: Lê Thị Thơ - Ủy viên.

Bà: Nguyễn Thị Thanh Nhân - Trưởng Ban, thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, kết quả như sau:

Tổng số cổ đông đến dự họp: 26 cổ đông (Bao gồm cả tham dự trực tiếp và ủy quyền). Tương ứng số cổ phần có quyền biểu quyết là: 9.895.650 cổ phần, chiếm tỷ lệ 81,46 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Có biên bản kiểm tra tư cách cổ đông đính kèm).

Căn cứ luật doanh nghiệp năm 2014, căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Alphanam E&C có đủ điều kiện để tiến hành họp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

Bà Nguyễn Kim Huệ – Thay mặt BTC giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban bầu cử, cụ thể như sau:

• **Đoàn Chủ tịch:**

- + Ông: Bùi Hoàng Tuấn - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội.
- + Ông Nguyễn Minh Nhật - Tổng giám đốc

• **Thư ký Đại hội:** Ông Lê Quang Thái

Đại hội biểu quyết 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng ý với danh sách Đoàn Chủ tịch và Thư ký.

- Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là 100% cổ đông tham dự, cụ thể như sau:

• **Ban kiểm phiếu (gồm 02 người):**

- + Bà Lê Thị Thơ - Trưởng ban
- + Bà: Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thành viên

2. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

Ông Bùi Hoàng Tuấn thay mặt cho Ban tổ chức công bố nội dung chương trình làm việc của Đại hội. Sau khi 100% các cổ đông có quyền biểu quyết thống nhất với nội dung chương trình làm việc, không có ý kiến gì khác, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Alphanam E&C chính thức bắt đầu.

3. TIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI:

3.1 Báo cáo của HĐQT và Ban Điều Hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành trình bày về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần Alphanam E&C.

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: VND

| STT | Nội dung | Năm 2017 |
|-----|----------|----------|
|-----|----------|----------|

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

| | | |
|---|--------------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản | 530.851.261.032 |
| 2 | Doanh thu thuần | 761.220.453.834 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 12.057.078.810 |

❖ Kế hoạch SXKD năm 2018 như sau :

Đơn vị tính: VND

| STT | Nội dung | Kế hoạch năm 2018 |
|-----|--------------------|-------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 850.000.000.000 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.000.000.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 24.000.000.000 |

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017.

Bà Bùi Kim Yến – Trưởng Ban Kiểm Soát trình Đại hội đồng cổ đông về các nội dung hoạt động của Ban Kiểm Soát cũng như việc thẩm định, kiểm tra các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 và các kiến nghị cần thiết cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát như sau:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3.3 Tờ trình số 03.1404/TTr-HDQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã qua kiểm toán năm 2017

Bà Trương Thị Thu Hiền – Kế toán trưởng, Thay mặt cho BTC đọc tờ trình số 03.1404/TTr-HDQT trình Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được soát xét.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua tờ trình thông qua báo cáo tài chính 2017 đã được kiểm toán như sau:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3.4 Tờ trình số 02.1404/TTr-HDQT về việc thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ và tăng vốn Điều lệ của Công ty:

Ông Bùi Hoàng Tuấn - thay mặt cho BTC đọc tờ trình số: 02.1404/TTr-HDQT trình Đại hội đồng cổ đông về phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

- 1. Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ Công ty:**
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Alphanam E&C
 - Mã cổ phiếu: AME
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
 - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng)
 - Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10% vốn Điều lệ; cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì sẽ nhận được 01 cổ phiếu.
 - Số lượng phát hành dự kiến: 1.200.000 cổ phần
 - Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng
 - Tổng giá trị phát hành: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)
 - Xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu phát hành sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông Công ty vào thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền.
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng: không hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn phát hành: từ nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại của các năm lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
- Thời gian thực hiện dự kiến: thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn Điều lệ hiện tại: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 12.000.000 cổ phiếu
- Số lượng phát hành dự kiến: 12.000.000 cổ phần
- Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền cho Cổ đông hiện hữu: 1:1 (nghĩa là Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện: thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Xử lý cổ phiếu chào bán bị cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và cổ phiếu lẻ (nếu có): Hội đồng quản trị sẽ chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá trị chào bán cho Cổ đông hiện hữu. Tiêu chuẩn lựa chọn lựa chọn các đối tượng khác do Hội đồng quản trị quyết định.
- Thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo vốn Điều lệ mới, sửa bản điều lệ Công ty theo vốn Điều lệ mới và các thủ tục cần thiết cho việc phát hành tăng vốn.
- Mục đích việc phát hành thêm cổ phần: Đáp ứng yêu cầu về vốn để đối ứng dự án xây dựng Công ty đang triển khai; Nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện toàn bộ các công việc phục vụ công tác phát hành cổ phiếu thường và phát hành thêm cổ phần nhằm tăng vốn điều lệ.

Dại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua tờ trình về việc phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: **0** cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3.5 Tờ trình số 04.1404/TTr - HĐQT về việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018.

Bà Bùi Kim Yến – Thay mặt cho Ban tổ chức đọc tờ trình số: 04.1404/TTr- HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán. Qua đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 công ty kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán năm tài chính 2017.

- + Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN);
- + Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam);
- + Công ty TNHH Kế toán và Tư vấn (A&C).

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán như sau:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: **0** cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3.6 Tờ trình số 01.1404/2018/TTr-HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Ông Bùi Hoàng Tuấn – Thay mặt cho BTC đọc tờ trình số: 01.1404/2018/TTr-HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua việc miễn nhiệm chức danh Hội đồng quản trị đối với ông Phan Anh Sơn và bà Thịnh Thị Thanh Huyền. Chi tiết như sau:

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị công ty với ông Phan Anh Sơn và bà Thịnh Thị Thanh Huyền như sau:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979 Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com Web: alphanam.com.vn

- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

4 Theo kết quả miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội thì thành viên Hội đồng quản trị của Công ty từ ngày 14/04/2018 sẽ bao gồm:

- | | |
|---------------------------|----------------------|
| 1. Ông Bùi Hoàng Tuấn | - Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Nguyễn Minh Nhật | - Phó Chủ tịch HĐQT; |
| 3. Bà Trương Thị Thu Hiền | - Ủy viên HĐQT; |

3.7 Tờ trình số 06.1404/2018/TTr-HĐQT về việc Chi phí thù lao cho Hội đồng quản trị Công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông việc quyết toán chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2017 và đề xuất mức thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2018 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 05 triệu VNĐ/người/tháng;
- Thành viên HĐQT: 02 triệu VNĐ/người/tháng.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua tờ trình Chi phí thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát như sau:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: **9.895.650** cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết không đồng ý hoặc có ý kiến khác: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

4 Thảo luận tại Đại hội: Ý kiến của các Cổ đông: Không có cổ đông nào có ý kiến

5 Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại Hội.

Ông Lê Quang Thái, thư ký Đại hội đã trình trước Đại hội biên bản này. Đại hội đã biểu quyết đạt **9.895.650** cổ phần, bằng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua Biên bản.

Biên bản này gồm 07 trang, được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, đọc lại trước Đại hội đồng Cổ đông, được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04.35587979

Fax: 04.35578420

Email: info@alphanam.com

Web: alphanam.com.vn

hỏi 11h 05 ngày 14 tháng 04 năm 2018.

ĐOÀN CHỦ TỊCH



Búi Hoàng Tuấn

Chủ tọa

Nguyễn Minh Nhật

Ủy viên

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Lê Quang Thái





TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Về phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (thông qua ngày 26/11/2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán,

Kính thưa Đại hội!

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 (Đã được kiểm toán) của Công ty Cổ phần Alphanam E&C với các số liệu chủ yếu như sau:

| STT | Khoản mục | Năm 2017 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|----------------|---------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế năm 2017 | 15.287.051.867 | |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 | 3.229.973.057 | |
| 3 | Lợi nhuận còn lại năm 2017 | 12.057.078.810 | |
| 4 | Lợi nhuận còn chưa phân phối | | |
| | - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước | 15.467.912.386 | |
| | - Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 | 12.057.078.810 | |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Alphanam E&C xem xét và thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty, trong đó:

I. Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ Công ty:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Alphanam E&C
- Mã cổ phiếu: AME
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng)
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu :10% vốn Điều lệ; cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì sẽ nhận được 01 cổ phiếu.
- Số lượng phát hành dự kiến: 1.200.000 cổ phần
- Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng
- Tổng giá trị phát hành: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn)
- Xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu phát hành sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, phần số lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ được hủy bỏ.



- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông Công ty vào thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền.
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng: không hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn phát hành: từ nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại của các năm lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
- Thời gian thực hiện dự kiến: thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi được sự chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

II. Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

1. Thông tin cổ phần phát hành thêm:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn Điều lệ hiện tại: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 12.000.000 cổ phiếu
- Số lượng phát hành dự kiến: 12.000.000 cổ phần
- Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phân bổ quyền cho Cổ đông hiện hữu: 1:1 (nghĩa là Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện: thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Xử lý cổ phiếu chào bán bị cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và cổ phiếu lẻ (nếu có): Hội đồng quản trị sẽ chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá trị chào bán cho Cổ đông hiện hữu. Tiêu chuẩn lựa chọn lựa chọn các đối tượng khác do Hội đồng quản trị quyết định.
- Thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo vốn Điều lệ mới, sửa bản điều lệ Công ty theo vốn Điều lệ mới và các thủ tục cần thiết cho việc phát hành tăng vốn.

2. Mục đích việc phát hành thêm cổ phần:

- Đáp ứng yêu cầu về vốn để đối ứng dự án xây dựng Công ty đang triển khai;
- Nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua nội dung Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nêu trên.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Cân đối nguồn vốn và lựa chọn thời điểm thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu;

CÔNG
CỐ T
198&K

PH KUU

20000

G TY
HÃN
AM EB

AN-191

- Triển khai xây dựng phương án chi tiết và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần Alphanam E&C.

- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Alphanam E&C để ghi nhận phần vốn điều lệ tăng mới thêm từ kết quả của đợt phát hành.

- Triển khai các công việc và thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp liên quan đến vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành việc phát hành.

- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phần phát hành ở trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định pháp luật;

- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án phát hành hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cổ đông và Công ty.

Trân trọng!

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BÙI HOÀNG TUẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2018/NQ-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Alphanam E&C

Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 14/4/2018;

Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 28/11/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thông qua Hồ sơ đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng của Công ty cổ phần Alphanam E&C trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 2: Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không bán hết do cổ đông không thực hiện quyền, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và quy định tại Điều 189 Luật doanh nghiệp năm 2014.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBCKNN (báo cáo)
- Các thành viên HĐQT
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát.
- Lưu VP-TD, Thư ký Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn

0100
CÔ
CỔ
ALPH
ANAM

NGHỊ QUYẾT

V/v: Triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu
theo Nghị quyết của HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 14.04/NQ-ĐHĐCD/EC ngày 14/04/2018 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 14 tháng 09 năm 2018.

CHỦ TỊCH HĐQT

QUYẾT NGHỊ:

Bùi Hoàng Tuấn

Điều 1: Triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 14.04/NQ-ĐHĐCD/EC ngày 14/04/2018 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C như sau:

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Khối lượng dự kiến phát hành: 1.200.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng mệnh giá phát hành: 12.000.000.000 đồng.
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 10% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận thêm 10 cổ phiếu mới).
- Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 78 cổ phiếu, cổ đông A được nhận $78 \times 10\% = 7,8$ cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 07 cổ phiếu.

- *Nguồn sử dụng:* lợi nhuận sau thuế giữ lại của các năm lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
- *Thời gian dự kiến:* ngay sau khi có chấp thuận của UBCKNN.

2. Phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- *Tên cổ phiếu:* Cổ phiếu Công ty cổ phần Alphanam E&C
- *Mã cổ phiếu:* AME
- *Loại cổ phiếu:* Cổ phiếu phổ thông
- *Mệnh giá:* 10.000 đồng/cổ phần
- *Vốn điều lệ hiện tại:* 120.000.000.000 (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn)
- *Số lượng cổ phần đang lưu hành:* 12.000.000 cổ phần
- *Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:* 12.000.000 cổ phần
- *Tổng mệnh giá phát hành:* 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).
- *Đối tượng phát hành:* cổ đông hiện hữu.
- *Giá phát hành dự kiến :* 10.000 đồng/cổ phiếu

↕ Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách một cổ phiếu AME tại thời điểm 31/12/2017:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{148.365.858.106}{12.000.000} = 12.364 \text{ (đồng/cp)}$$

- Thị giá trung bình của cổ phiếu AME trong 10 phiên gần nhất (tính đến ngày 12/09) là: 13.680 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào giá trị sổ sách, thị giá trung bình của cổ phiếu trên thị trường trong 10 phiên gần nhất (tính đến ngày 12/09/2018), đồng thời để khuyến khích các cổ đông hiện hữu tiếp tục xây dựng Công ty phát triển, HĐQT đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

↕ Mức độ pha loãng của cổ phiếu sau khi chào bán

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần - EPS (earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

Rủi ro do pha loãng EPS

♦ Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Q_{\text{bq}}}$$

Trong đó:

EPSpha loãng: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công
E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

062
 NG
 CỔ P
 HAN
 PH
 06/12/2018
 01/12/2018

Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)
Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

❖ **Rủi ro do pha loãng BV**

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV' = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2018 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

❖ **Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

❖ **Về mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành**

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$Ptc = \frac{Pt-1 + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{13.680 + (10.000 \times 100\% + 0 \times 10\%)}{1 + 110\%} = 11.276 \text{ VND}$$

Trong đó:

Ptc: Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (Giá thị trường trung bình trong 10 phiên gần nhất tính đến thời điểm 12/09/2018)

PR: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

I: Tỷ lệ cổ phiếu chào bán

- **Tỷ lệ phát hành:** 100% (Cổ đông sở hữu 01 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 01 cổ phần mới).
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết:** Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm.

Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

- *Chuyển nhượng quyền mua:* Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 lần. Trường hợp cổ đông từ chối quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên thứ 02 nhưng bên thứ 02 không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho bên thứ 03.
- Thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo vốn Điều lệ mới, sửa Điều lệ theo vốn Điều lệ mới, đồng thời làm thủ tục lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu mới phát hành.
- Thời gian dự kiến phát hành: ngay sau khi chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Điều 2: Thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2018 dự kiến 120.000.000.000 đồng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; Trả khoản nợ gốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội CN Ba Đình nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty như sau:

| STT | Đối tượng | Số hợp đồng | Dư nợ tính đến 31/08/2018 | Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|-------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|---------------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Ba Đình | 106/2017/H DHM-PN/SHB.111 100 | 143.757.460.435 | 120.000.000.000 | Trong năm 2018 |
| Tổng cộng | | | | 120.000.000.000 | |

Điều 3: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung được nêu tại Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐQT ngày 18/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Alphanam E&C.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Thành viên HĐQT, BDH, BKS
- Lưu



CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN
ALPHANAM E&C

Số: 53 /NQ-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 11 năm 2018

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua phương án sử dụng chi tiết vốn thu được từ đợt chào bán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 14.04/NQ/ĐHCD/EC ngày 14/04/2018 của Công ty Cổ phần Alphanam E&C;
- Căn cứ nghị quyết HDQT số 52/NQ-HDQT ngày 13 tháng 09 năm 2018.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2018 dự kiến 120.000.000.000 đồng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: Trả khoản nợ gốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội CN Ba Đình nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty như sau:

| STT | Đối tượng | Số hợp đồng | Dư nợ tính đến 31/08/2018 | Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành | Thời gian thực hiện |
|------------------|--|-------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|---------------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Ba Đình | 106/2017/H DHM-PN/SHB.111 100 | 143.757.460.435 | 120.000.000.000 | Trong năm 2018 |
| Tổng cộng | | | | 120.000.000.000 | |

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Thành viên HĐQT
- Ban giám đốc;
- BKS Công ty;
- Lưu HĐQT.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG
Số: 106/2017/HDHM-PN/SHB.111100

Hôm nay, ngày 20/09/2017, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. BÊN CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Chi nhánh Ba Đình

Địa chỉ: Số 21 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04.38460135

Fax: 04.38460137

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Giám đốc

Theo Quyết định số 533/QĐ-TGD2 ngày 05/04/2013 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

(Sau đây gọi tắt là "Bên A")

2. BÊN ĐƯỢC CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.5587979

Fax: 043.5578420

Mã số DN: 0100520683 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/09/2013.

Đại diện: Bà Hoàng Tuấn Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

CMND: 027063000137 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12/06/2017.

Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số: 03.07/BB-HDQT ngày:

Tài khoản VND số: tại

Tài khoản USD số: tại

(Sau đây gọi tắt là "Bên B")

Sau khi thỏa thuận, Bên A đồng ý cấp cho Bên B hạn mức tín dụng (HMTD) làm cơ sở để Bên A cấp tín dụng cho Bên B dưới hình thức cho vay, bảo lãnh ngân hàng (bảo lãnh) với các điều khoản và điều kiện được quy định và ký kết tại Hợp đồng này, cụ thể:

Điều 1. Giá trị, thời hạn, mục đích sử dụng hạn mức tín dụng

1.1. Giá trị hạn mức tín dụng: 230.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng chẵn)

HMTD này là mức dư nợ tối đa của Bên B tại Bên A, đã bao gồm dư nợ của các khoản cấp tín dụng hạn mức mà Bên A đã cấp cho Bên B tính đến thời điểm ký Hợp đồng này. Trong đó:

- Hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán: 150.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ).
- Hạn mức cấp bảo lãnh: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Trường hợp Bên A cấp tín dụng cho Bên B bằng ngoại tệ, Bên B phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định có liên quan của Bên A và pháp luật về quản lý ngoại hối.

1.2. Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng được cấp:

1.2.1. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực của khách hàng.

1.2.2. Mục đích bảo lãnh: Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh tiền tạm ứng, thực hiện hợp đồng, bảo hành, tiền giữ lại chờ thanh toán trong quá trình Bên B tham gia đấu thầu và thực hiện thi công, cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực.

1.2.3. Bên B phải đảm bảo mục đích sử dụng hạn mức tín dụng được cấp đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với năng lực của mình và có hiệu quả để thanh toán cho Bên A các

khoản nợ, nghĩa vụ tài chính đến hạn theo Hợp đồng này.

- 1.3. **Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng:** 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này. Trong thời hạn này, Bên B có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần, có thể được phát hành báo lãnh nhiều lần, nhưng tổng dư nợ cho vay, số dư phát hành báo lãnh của Bên A đối với Bên B tại mọi thời điểm không được vượt quá Giá trị của hạn mức tín dụng nêu tại Khoản 1.1 Điều này.

Điều 2. Cho vay trong hạn mức tín dụng

- 2.1. **Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức:**

Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay thuộc HMTD được quy định cụ thể tại các Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 09 tháng.

- 2.2. **Lãi suất cho vay:**

- 2.2.1. Lãi suất cho vay trong hạn: theo quy định của Bên A. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ.

- 2.2.2. Lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại từng Khế ước nhận nợ.

- 2.2.3. Lãi chậm trả: Trường hợp Bên B không thanh toán lãi đúng hạn, thì Bên B phải trả lãi chậm trả cho Bên A theo mức lãi suất chậm trả: 50% và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

- 2.2.4. Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: Trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, Bên B phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

- 2.3. **Cách tính lãi vay:**

- 2.3.1. Tiền lãi vay được tính trên cơ sở dư nợ và thời gian vay thực tế, kể cả thời gian gia hạn nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

- 2.3.2. Tiền lãi vay được tính hàng tháng, trên cơ sở một năm là 365 ngày, theo công thức:
Số tiền lãi phải trả = Dư nợ thực tế nhân (x) lãi suất cho vay (% năm) nhân (x) số ngày vay thực tế trong tháng chia (:) 365 ngày.

- 2.4. **Đồng tiền cho vay, trả nợ:**

- 2.4.1. Bên B sẽ nhận nợ các khoản vay thuộc hạn mức bằng đồng tiền nào tùy thuộc vào đối tượng vay vốn, nhu cầu, khả năng đáp ứng của các Bên tại từng thời điểm giải ngân và quy định của Ngân hàng Nhà nước nhưng phải đảm bảo tổng dư nợ quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản tại thời điểm giải ngân do Bên A niêm yết không vượt quá hạn mức được quy định tại Khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng này. Trường hợp có biến động tỷ giá dẫn đến tổng dư nợ quy đổi tại một thời điểm nào đó vượt quá giá trị hạn mức thì phần dư nợ vượt quá do chênh lệch tỷ giá vẫn thuộc HMTD.

- 2.4.2. Bên B nhận nợ bằng đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó.

- 2.5. **Phí liên quan đến hoạt động cho vay:**

Bên A và Bên B thỏa thuận về việc thu các khoản phí liên quan đến hoạt động cho vay, bao gồm:

- 2.5.1. Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp Bên B trả nợ trước hạn. Mức phí này được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ

- 2.5.2. Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mức phí này được quy định cụ thể như sau.

- 2.5.3. Các khoản phí khác theo quy định của Bên A phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ, được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Bên A tại địa chỉ: www.shb.com.vn và các kênh công bố chính thức khác của Bên A.

- 2.6. **Điều kiện giải ngân các khoản vay thuộc HMTD**

- 2.6.1. **Điều kiện giải ngân:**

Bên A chỉ giải ngân cho Bên B khi tại thời điểm đề nghị giải ngân Bên B đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định về cho vay của Bên A trong từng thời kỳ và các điều kiện sau:

- Bên A chỉ giải ngân cho Bên B trên cơ sở phương án kinh doanh khả thi, có hiệu quả và Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay theo quy

định của Bên A: Hợp đồng đầu vào, hợp đồng đầu ra, tiến độ thực hiện, tiến độ thanh toán, hóa đơn VAT (nếu có), biên bản bàn giao...

- Bên A tài trợ 85% giá trị phương án, vốn tự có của Bên B đi trước hoặc đi cùng vốn vay.
- Bên A chỉ giải ngân theo tỷ lệ TSDB đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của SHB.
- Bên B phải hoàn thiện thủ tục thế chấp TSDB theo đúng quy định của SHB và pháp luật trước khi giải ngân.
- Bên B hoàn thiện hồ sơ pháp lý doanh nghiệp và hồ sơ vay vốn theo quy định của Bên B và pháp luật trước khi giải ngân.
- Bên A chỉ cho vay, phát hành bảo lãnh thanh toán nhằm mục đích thực hiện các hợp đồng thi công mà Bên A là ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng và tài khoản thanh toán trong hợp đồng đầu ra quy định tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên B duy nhất tại Bên A. Bên A không cho vay/phát hành bảo lãnh thanh toán các hợp đồng thi công mà tổ chức tín dụng khác phát hành bảo lãnh tạm ứng/bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2.6.2. Bên A có quyền từ chối giải ngân nếu Bên B không đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên hoặc trong trường hợp pháp luật có quy định không cho phép giải ngân.

2.7. Phương thức thực hiện cho vay theo HMTD

2.7.1. Phương thức giải ngân:

2.7.1.1 Số tiền vay theo HMTD của Bên B có thể được giải ngân một lần/nhiều lần. Phương thức giải ngân được quy định cụ thể tại từng Kế ước nhận nợ.

2.7.1.2 Việc giải ngân khoản vay lần đầu tiên phải được thực hiện trong thời hạn tối đa 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng này. Quá thời hạn này, nếu Bên B không nhận nợ bất kỳ khoản tiền vay nào thì A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) từ chối giải ngân.

2.7.1.3 Trong thời hạn HMTD, Bên B có thể trả vốn vay và tiếp tục vay lại (tiếp tục rút vốn) nhưng tổng dư nợ theo các Kế ước nhận nợ phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 1.1 và Khoản 1.3 Điều 1 Hợp đồng này.

2.7.2. **Thủ tục giải ngân:** Khi có nhu cầu giải ngân, Bên B gửi cho Bên A các chứng từ giải ngân. Nếu được Bên A đồng ý, hai Bên sẽ ký Kế ước nhận nợ và các giấy tờ liên quan theo quy định của Bên A.

2.7.3. **Chứng từ giải ngân gồm:** Các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay; Phương án kinh doanh và các giấy tờ, tài liệu kèm theo; Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn VAT và các chứng từ khác có liên quan theo yêu cầu của Bên A đối với từng khoản vay cụ thể trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2.8. Trả nợ gốc, lãi vay

2.8.1. Nợ gốc, lãi vay có thể trả một lần hoặc nhiều lần theo thỏa thuận trong từng Kế ước nhận nợ.

2.8.2. Trường hợp ngày trả nợ là ngày lễ, ngày tết hoặc ngày nghỉ hàng tuần của Bên A, Bên B trả nợ vào ngày làm việc tiếp theo. Đối với khoản vay mà thời điểm giải ngân và thời điểm trả nợ trong cùng một ngày thì thời gian tính lãi là 01 (một) ngày.

2.9. Phương thức trả nợ, phục hồi nghĩa vụ trả nợ vay

2.9.1. Phương thức trả nợ: Bằng tiền mặt/Chuyển khoản/Trích tiền gửi và tiền trong tài khoản của Bên B mở tại Bên A hoặc tại bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB).

2.9.2. Phục hồi nghĩa vụ trả nợ: Trường hợp khoản tiền Bên B trả nợ cho Bên A bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền vì bất kỳ lý do gì, Bên B đương nhiên nhận nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi và có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bên A thông báo.

2.10. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

2.10.1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

2.10.1.1 Trường hợp gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn và Bên B có

nhu cầu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, trước khi đến hạn trả nợ ít nhất 10 (mười) ngày, Bên B phải gửi văn bản đề nghị tới Bên A kèm theo lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ và các hồ sơ, tài liệu, căn cứ chứng minh Bên B có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn sau khi được Bên B chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ. Bên A có thể chấp thuận hoặc không chấp thuận việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ và phải thông báo cho Bên B biết bằng văn bản. Trong thời gian Bên A chưa có văn bản trả lời, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng

- 2.10.1.2 Điều kiện, trình tự, thủ tục, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện theo quy định của Bên A tại thời điểm thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
- 2.10.1.3 Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của các Bên.
- 2.10.1.4 Việc điều chỉnh kỳ hạn nợ không làm thay đổi thời hạn vay được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- 2.10.2. **Chuyển nợ quá hạn:**

2.10.2.1. Bên A chuyển các khoản dư nợ gốc sang nợ quá hạn trong các trường hợp sau:

- (i) Chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này hoặc Khế ước nhận nợ và không được Bên A chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
- (ii) Chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ trước hạn khi Bên A chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn được quy định tại Khoản 2.11 Điều này.
- 2.10.2.2. Khi chuyển nợ quá hạn, Bên A thông báo Bên B về thời điểm thực hiện chuyển nợ quá hạn, số dư nợ bị gốc bị quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.
- 2.10.2.3. Thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn:
 - (i) Thời điểm chuyển nợ quá hạn được quy định cụ thể tại thông báo chuyển nợ quá hạn hoặc thông báo về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn của Bên A gửi cho Bên B.
 - (ii) Bên B phải trả lãi theo lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn cho các khoản nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ thời điểm bị chuyển nợ quá hạn.
- 2.10.2.4. Thứ tự thanh toán đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ: nợ gốc quá hạn, nợ gốc đến hạn (nếu có), tiền lãi vay quá hạn, các khoản phí cho vay (nếu có), tiền lãi chậm trả (nếu có), tiền lãi vay trong hạn (nếu có) hoặc thứ tự khác do Bên A quy định trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Bên A thu nợ từ tiền xử lý tài sản bảo đảm (nếu có), Bên A sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, nợ gốc quá hạn, nợ gốc đến hạn (nếu có), tiền lãi vay quá hạn, các khoản phí cho vay (nếu có), tiền lãi chậm trả (nếu có), tiền lãi vay trong hạn (nếu có) và tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) hoặc thứ tự khác do Bên A quy định trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2.11. **Chấm dứt cho vay, Thu hồi nợ trước hạn:**

- 2.11.1. Bên A có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với các khoản vay theo Hợp đồng này khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - 2.11.1.1. Tài sản bảo đảm cho khoản cấp tín dụng theo Hợp đồng này không còn hoặc không còn đủ giá trị để bảo đảm và Bên B không bổ sung tài sản bảo đảm trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên A thông báo.
 - 2.11.1.2. Bên B bị phá sản, chia, tách, hợp nhất, bị sáp nhập, giải thể, thanh lý, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, cổ phần hoá hoặc dùng tài sản để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần.
 - 2.11.1.3. Bên B tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ 03 tháng trở lên.
 - 2.11.1.4. Bên B liên quan đến các vụ kiện, vụ án, tranh chấp hoặc có những sự kiện hoặc tình huống dẫn đến những thay đổi bất lợi về uy tín, thương hiệu, năng lực tài chính, điều kiện kinh doanh, thị trường, vốn, lợi nhuận, nguồn thu, Tổng Giám đốc/Giám đốc, thành viên góp vốn/cổ đông,... hoặc những thay đổi về môi trường kinh doanh có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Bên B theo Hợp đồng này.
 - 2.11.1.5. Một phần hoặc toàn bộ Tài sản của Bên B bị kê biên, phong toả, cầm giữ, hạn chế hoặc cầm giao dịch dưới bất kỳ hình thức nào bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền nào (kể cả là cơ quan tài phán hoặc trọng tài nước ngoài).

- 2.11.1.6. Bên B sử dụng HMTD sai mục đích và không khắc phục trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bên A thông báo và yêu cầu khắc phục.
- 2.11.1.7. Bên B hai lần vi phạm nghĩa vụ thông báo các thông tin được quy định tại Hợp đồng này hoặc không khắc phục vi phạm trong thời hạn được quy định tại thông báo của Bên A.
- 2.11.1.8. Bên thứ ba là doanh nghiệp/tổ chức dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Bên B đối với Bên A theo Hợp đồng này xảy ra một hoặc các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm 2.11.1.2 đến điểm 2.11.1.5 Khoản này mà Bên B không thể thay thế hoặc bổ sung tài sản bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên A, hoặc
- Bên thứ ba là cá nhân dùng tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Bên B đối với Bên A theo Hợp đồng này xảy ra một hoặc các trường hợp sau: Bên bảo đảm hoặc một trong các cá nhân thuộc Bên bảo đảm bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị lâm vào tình trạng khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị bắt, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để chấp hành bản án hình sự, Chết, mất tích hoặc đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ liên lạc hoặc không liên lạc được trong thời gian 03 tháng; Ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân có thể ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm; một phần hoặc toàn bộ tài sản bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ, hạn chế hoặc cầm giao dịch dưới bất kỳ hình thức nào bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền nào (kể cả là cơ quan tài phán hoặc trọng tài nước ngoài) mà Bên B không thể thay thế hoặc bổ sung tài sản bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên A.
- 2.11.1.9. Bên B có một hoặc một số khoản vay, khoản bảo lãnh chuyển sang nợ quá hạn và có nguy cơ không có khả năng trả nợ;
- 2.11.1.10. Có kiến nghị/quyết định/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc Bên A phải thu hồi nợ trước thời hạn.
- 2.11.1.11. Bên B có một hoặc tất cả các trường hợp: cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định hoặc cam kết tại Hợp đồng này, Khế ước nhận nợ và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay hoặc các thỏa thuận khác giữa các Bên.
- 2.11.1.12. Một, một số hoặc các tài sản bảo đảm bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện hoặc sự kiện mà Bên A nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Bên A mà Bên B không thể thay thế hoặc bổ sung tài sản bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên A.
- 2.11.1.13. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ.
- 2.12. Xử lý trong trường hợp chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước thời hạn:**
- 2.12.1. Khi xảy ra một và/hoặc một số trường hợp được quy định tại Điểm 2.11.1 Khoản này dẫn tới việc Bên A chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Bên A thông báo tới Bên B về thời điểm thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời gian hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.
- 2.12.2. Khi Bên A quyết định chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn thì các khoản nợ gốc theo Hợp đồng này (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn, Bên B có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A quyết định thu hồi nợ trước hạn theo Thông báo gửi cho Bên B. Bên A có quyền thực hiện tất cả các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ, các biện pháp này bao gồm nhưng không giới hạn như:
- (i) Bên A tự động tạm khóa, phong tỏa, trích tiền trên tài khoản thanh toán và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn và/hoặc tài khoản khác (bao gồm cả gốc và lãi) của Bên B tại Bên A hoặc tại bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống SHB để thu hồi nợ.
 - (ii) Nếu Bên B có tài khoản tại tổ chức tín dụng khác, bằng Hợp đồng này Bên B ủy quyền không huỷ ngang và vô điều kiện cho Bên A được tự động lập ủy nhiệm chi để thu hồi nợ (thời hạn ủy quyền đến khi chấm dứt Hợp đồng này). Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên B biết khi áp dụng biện pháp này.
 - (iii) Xử lý các tài sản bảo đảm (nếu có) để thu hồi nợ
 - (iv) Các biện pháp khác không trái quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng.
- 2.12.3. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày thu hồi nợ trước hạn theo Thông báo của Bên A mà Bên B không thanh toán đầy đủ các khoản nợ phải trả trước hạn thì Bên A chuyển toàn bộ các khoản dư nợ gốc chưa trả sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với các khoản dư

nợ gốc chưa trả đó.

Điều 3. Cấp bảo lãnh trong hạn mức tín dụng

3.1. Trong HMTD và thời hạn của HMTD, mỗi lần có nhu cầu được cấp bảo lãnh, Bên B phải gửi cho Bên A Giấy đề nghị cấp bảo lãnh và các hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định của Bên A để Bên A tiến hành các thủ tục thẩm định theo quy định. Trường hợp Bên B đáp ứng được các điều kiện cấp bảo lãnh theo quy định của Bên A và pháp luật, hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng theo quy định của Bên A để quy định cụ thể về loại bảo lãnh, phạm vi, giá trị bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh, phí bảo lãnh, điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh,... và quyền và nghĩa vụ cụ thể giữa các bên. Sau khi ký kết Phụ lục Hợp đồng, trên cơ sở đề nghị của Bên B, Bên A sẽ phát hành các cam kết bảo lãnh theo quy định của Bên A và thỏa thuận giữa các bên:

3.1.1. Thời hạn bảo lãnh, Bên nhận bảo lãnh của từng cam kết bảo lãnh: Được xác định tại Phụ lục hợp đồng phù hợp với quy định của Bên A và pháp luật.

3.1.2. Bên A sẽ phát hành bảo lãnh theo hình thức: Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh được xác định trên cơ sở thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng phù hợp với quy định của Bên A và pháp luật.

3.2. Phí bảo lãnh và các phương thức thanh toán

3.2.1. Các khoản phí Bên B phải trả cho Bên A bao gồm:

3.2.1.1. Phí bảo lãnh đối với từng khoản cấp bảo lãnh được áp dụng theo Biểu phí của Bên A quy định trong từng thời kỳ; và

3.2.1.2. Trường hợp đồng tiền bảo lãnh là ngoại tệ, phí bảo lãnh sẽ được thu bằng ngoại tệ cùng loại. Trường hợp Bên B muốn thanh toán bằng Việt Nam Đồng thì phí bảo lãnh sẽ được quy đổi theo tỷ giá ngoại tệ bán ra của Bên A tại thời điểm thu phí.

3.2.1.3. Phí phát hành cam kết bảo lãnh, phí chính sửa cam kết bảo lãnh, phí gia hạn cam kết bảo lãnh và các loại phí khác liên quan đến phát hành cam kết bảo lãnh cho Bên B áp dụng theo Biểu phí của Bên A quy định trong từng thời kỳ.

3.2.2. Trong trường hợp gia hạn thời hạn hoặc tăng số tiền bảo lãnh tối đa của mỗi bảo lãnh, khoản phí bảo lãnh theo Điểm 3.2.1 Khoản này cũng phải được điều chỉnh tăng tương ứng theo quy định của SHB và Bên B có nghĩa vụ nộp khoản phí bảo lãnh bổ sung trước khi Bên A thực hiện việc gia hạn thời hạn bảo lãnh hoặc tăng số tiền bảo lãnh tối đa đó. Bên B có trách nhiệm thực hiện bổ sung thêm phần ký quỹ và/hoặc tài sản đảm bảo trong trường hợp giá trị đảm bảo có sự sụt giảm (nếu có).

3.2.3. Bên B phải chủ động trả phí bảo lãnh và các khoản phí áp dụng khác: *[một lần trước khi Bên A phát hành cam kết bảo lãnh hoặc thanh toán nhiều lần (trường hợp thanh toán nhiều lần khi phát hành cam kết bảo lãnh phải ghi rõ kế hoạch thanh toán).]*

Phí bảo lãnh sẽ không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

3.2.4. Bên A có quyền trích tài khoản, tiền gửi (bao gồm cả gốc và lãi) của Bên B tại Bên A và/hoặc bất kỳ tài khoản nào của Bên B mở tại Bên A hoặc bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống SHB để thu phí bảo lãnh trong trường hợp đến hạn thu phí mà Bên B chưa nộp phí theo quy định. Trường hợp vì bất kỳ lý do gì dẫn đến Bên A không thu phí được bằng phương thức trên, Bên B phải thanh toán trực tiếp phí bảo lãnh cho Bên A theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng này.

3.2.5. Trường hợp Bên B có tài khoản tiền gửi tại Tổ chức tín dụng khác, bằng Hợp đồng này, Bên B ủy quyền không hủy ngang và vô điều kiện cho Bên A được toàn quyền lập ủy nhiệm chi để thu phí bảo lãnh (thời hạn ủy quyền đến khi chấm dứt Hợp đồng này) và thông báo cho Bên B biết.

3.3. Điều kiện phát hành cam kết bảo lãnh

3.3.1. Bên A chỉ phát hành cam kết bảo lãnh theo Hợp đồng này khi Bên B đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

3.3.1.1. Mục đích phát hành bảo lãnh phù hợp với quy định của pháp luật và của Bên A.

3.3.1.2. Bên B có nhu cầu được bảo lãnh, gửi Giấy đề nghị cấp bảo lãnh đến Bên A, ký kết Phụ lục Hợp đồng, đồng thời cung cấp cho Bên A đầy đủ các hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan tới đề nghị bảo lãnh và tư cách chủ thể, năng lực tài chính nghĩa vụ được bảo lãnh, tài sản đảm bảo và đáp ứng điều kiện được cấp bảo lãnh theo đúng quy định của SHB và của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm phát hành bảo lãnh. Phụ lục Hợp đồng là một phần không thể tách rời

khỏi Hợp đồng này.

- 3.3.1.3. Bên B đã thanh toán đầy đủ phí bảo lãnh và các chi phí có liên quan đến việc phát hành Cam kết bảo lãnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định của Bên A.
- 3.3.1.4. Tại thời điểm Bên B có nhu cầu được bảo lãnh theo Hợp đồng này, Bên A chưa phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay nào cho Bên B và Bên B chưa phát sinh khoản nợ xấu nào tại Bên A.
- 3.3.1.5. Bên B đáp ứng đầy đủ các điều kiện về biện pháp bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.
- 3.3.1.6. Giá trị bảo lãnh tạm ứng sẽ giảm dần theo khối lượng đã thanh/quyết toán của chủ đầu tư.
- 3.3.1.7. Bên A sẽ thực hiện phong tỏa 100% tiền tạm ứng của Chủ đầu tư về tài khoản của Bên B mở tại Bên A. Bên A chỉ thực hiện giải tỏa tiền tạm ứng (sau khi trừ ký quỹ, phí (nếu có)) khi Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn cho hợp đồng kinh tế mà Bên A đang tài trợ.
- 3.3.2. Bên A không phải thực hiện phát hành cam kết bảo lãnh và có quyền chấm dứt Hợp đồng này nếu các điều kiện phát hành cam kết bảo lãnh nêu tại Điểm 3.3.1 Khoản này không được hoàn thành trong thời gian hiệu lực của HMTD theo Hợp đồng này.
- 3.4. Điều kiện và phương thức thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**
- 3.4.1. Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**
- 3.4.1.1. Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các điều kiện được quy định tại Hợp đồng này và (các) Cam kết bảo lãnh do Bên A phát hành/ký kết với (các) Bên nhận bảo lãnh và các bên liên quan (nếu có) khi nhận được văn bản yêu cầu của (các) Bên Nhận bảo lãnh và (các) Cam kết bảo lãnh còn hiệu lực.
- 3.4.1.2. Bên A không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của các giấy tờ do Bên nhận bảo lãnh cung cấp cho Bên A để chứng minh việc Bên B vi phạm nghĩa vụ đã được Bên A thực hiện bảo lãnh.
- 3.4.1.3. Trách nhiệm của Bên A chỉ giới hạn trong phạm vi nghĩa vụ và thời hạn bảo lãnh theo cam kết do Bên A ký kết, phát hành.
- 3.4.2. Phương thức thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh**
- 3.4.2.1. Trong thời gian hiệu lực của các cam kết bảo lãnh phát hành theo Hợp đồng này, nếu Bên A nhận được văn bản của Bên nhận bảo lãnh yêu cầu Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Cam kết, Bên A sẽ thông báo cho Bên B được biết. Ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A, Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền phải trả cho Bên nhận bảo lãnh và thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc thanh toán này.
- 3.4.2.2. Nếu Bên B không chủ động thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho (các) Bên nhận bảo lãnh trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B:
- Bên A được tự động trích tiền gửi và/hoặc tạm khóa bất kỳ tài khoản và trích tiền có trong bất kỳ tài khoản nào của Bên B mở tại Bên A hoặc các đơn vị trong hệ thống SHB để trả cho Bên nhận bảo lãnh; và/hoặc
 - Trên cơ sở ủy quyền của Bên B, Bên A đại diện Bên B lập ủy nhiệm chi trích tiền từ tài khoản của Bên B mở tại các tổ chức tín dụng khác để trả cho Bên nhận bảo lãnh.
- 3.4.2.3. Trường hợp Bên B không có/không có đủ số tiền để thanh toán cho Bên Nhận bảo lãnh hoặc Bên A không thực hiện/không thực hiện được các biện pháp nêu trên, Bên A sẽ trả thay cho Bên B số tiền còn thiếu đối với Bên nhận bảo lãnh. Đồng thời, Bên A thông báo và ghi nợ bắt buộc ngay cho Bên B số tiền mà Bên A đã trả thay (nếu có).
- 3.4.2.4. Nghĩa vụ bồi hoàn của Bên B:
- Trong trường hợp Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Bên B, Bên B có nghĩa vụ hoàn trả ngay trong ngày số tiền Bên A đã trả thay. Trường hợp chưa hoàn trả được số tiền trả thay ngay trong ngày, Bên B phải nhận nợ vay vô điều kiện (nhận nợ bắt buộc) với Bên A số tiền Bên A đã trả thay với lãi suất theo quy định của Bên A tại thời điểm trả thay. Lãi được tính kể từ ngày Bên A trả thay cho đến khi Bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với Bên A. Số tiền nhận nợ và lãi suất Bên A áp dụng đối với Bên B trong trường hợp Bên A thực hiện trả thay cho Bên B được xác định và ghi nhận không phụ thuộc vào việc Bên B có ký hay không ký Khế ước/Giấy nhận nợ với Bên A.

- (ii) Bên B có nghĩa vụ hoàn trả cho Bên A số tiền mà Bên A đã trả cho (các) Bên nhận bảo lãnh thay cho Bên B ngay khi nhận được thông báo của Bên A về việc đã thực hiện nghĩa vụ trả thay cộng với khoản lãi, các chi phí và phí tổn phát sinh để Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
 - (iii) Trường hợp Bên B không hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả và các nghĩa vụ khác cho Bên A trong thời hạn do Bên A quy định và/hoặc theo quy định tại Hợp đồng này, Bên A có quyền áp dụng các biện pháp xử lý nợ, xử lý tài sản theo đúng quy định của Bên A, quy định của Pháp luật, các thỏa thuận tại Hợp đồng này và Hợp đồng bảo đảm (nếu có).
- 3.4.2.5. Trường hợp Bên A ký kết, phát hành cam kết bảo lãnh vô điều kiện: Bên B mặc nhiên thừa nhận việc Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vô điều kiện cho Bên nhận bảo lãnh khi Bên A nhận được văn bản yêu cầu thanh toán của Bên nhận bảo lãnh mà không cần phải cung cấp các văn bản, tài liệu chứng minh; Bên B cam kết không có bất kỳ khiếu nại hay khiếu kiện nào về việc Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vô điều kiện.

Điều 4. Biện pháp bảo đảm cho các khoản cấp tín dụng theo hạn mức

4.1. Các Bên thống nhất áp dụng cấp tín dụng:

- Không có biện pháp bảo đảm.
- Có biện pháp bảo đảm, cụ thể:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán, trả nợ (trả nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác), nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của Bên B đối với Bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, các bên thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm sau:

Tài sản 1: Bất động sản (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)

Tài sản 2: Quyền đòi nợ từ các đối tác đầu ra của phương án kinh doanh do Bên A cấp tín dụng theo phương thức ký 3 bên hoặc 2 bên có xác nhận theo mẫu của Bên A.

Tài sản bổ sung: 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Alphanam E&C.

Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng thế chấp ký giữa Bên A, Bên B và Chủ tài sản.

- 4.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, các bên có thể áp dụng, bổ sung các biện pháp bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này. Nội dung biện pháp bảo đảm sẽ được quy định cụ thể trong các hợp đồng/thỏa thuận/cam kết ký giữa các bên.
- 4.3. Trong trường hợp Bên A cấp tín dụng cho Bên B không áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm không bằng tài sản, Bên B cam kết:
 - 4.3.1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm hoặc bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên A nếu: (i) Bên B vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc (ii) trong thời hạn vay vốn, bảo lãnh xảy ra bất cứ sự kiện bất lợi nào mà theo đánh giá đơn phương của Bên A là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên B hoặc khiến Bên B không đáp ứng được các điều kiện để được vay vốn, bảo lãnh không áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm không bằng tài sản theo quy định của Bên A.
 - 4.3.2. Trả nợ trước hạn cho Bên A trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm hoặc bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên A.
- 4.4. Trường hợp Bên B ký kết/thực hiện các biện pháp bảo đảm khác với Bên A trước hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng này thì biện pháp bảo đảm đó cũng được bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 4.5. Trong trường hợp nghĩa vụ trả nợ của Bên B được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm thì Bên A có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp nào trong số các biện pháp bảo đảm đó để thu hồi nợ. Thứ tự yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo đảm để thu hồi nợ do Bên A quyết định.
- 4.6. Trường hợp Bên B có nhiều nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bằng nhiều biện pháp bảo đảm hoặc nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nếu có một nghĩa vụ đến hạn mà Bên B không thực hiện thì các nghĩa vụ khác chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và Bên A có quyền thu hồi nợ. Khi đó, Bên A được quyền yêu cầu thực hiện bất kỳ biện pháp bảo đảm hoặc xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào để thu hồi nợ. Thứ tự xử lý tài sản bảo đảm, thứ tự thu hồi nợ do Bên A quyết định.

Điều 5. Quyền và Nghĩa vụ của Bên A

- 5.1. Bên A có quyền:**
- 5.1.1. Từ chối giải ngân khoản vay, phát hành bảo lãnh cho Bên B khi phát sinh một trong các trường hợp sau:
 - 5.1.1.1. Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng này;
 - 5.1.1.2. Bên B không đáp ứng được các điều kiện giải ngân, phát hành bảo lãnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và/hoặc các văn bản, thỏa thuận khác có liên quan đến việc cấp tín dụng theo quy định của Bên A và của pháp luật;
 - 5.1.1.3. Bên A không có đủ điều kiện để giải ngân, phát hành bảo lãnh tại thời điểm Bên B yêu cầu;
 - 5.1.1.4. Phát sinh một trong các trường hợp theo quy định tại điểm 2.11.1, Khoản 2.11 Điều 2 Hợp đồng này.
 - 5.1.2. Kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình sử dụng HMTD, trả nợ và tài sản bảo đảm cho HMTD của Bên B.
 - 5.1.3. Điều chỉnh lãi suất, phí cho vay, phí phát hành bảo lãnh, ... và thông báo cho Bên B biết để thực hiện trong trường hợp chính sách pháp luật của Nhà nước có sự thay đổi.
 - 5.1.4. Yêu cầu Bên B bổ sung tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm cho khoản cấp HMTD bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị hoặc Bên B vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng này.
 - 5.1.5. Tự động tạm khóa, phong tỏa, trích tiền trên tài khoản thanh toán và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn và/hoặc tài khoản khác (bao gồm cả gốc và lãi) của Bên B tại Bên A hoặc tại bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống SHB để thu hồi các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của Bên B đối với Bên A. Trường hợp tiền gửi hoặc tiền trong tài khoản không cùng loại với số tiền thu nợ, Bên A được tự động quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản tại thời điểm thu nợ do Bên A quy định tại trang thông tin điện tử chính thức của Bên A tại địa chỉ: www.shb.com.vn.
 - 5.1.6. Yêu cầu Bên B sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác để trả nợ khi tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ và thanh toán các chi phí bồi thường thiệt hại (nếu có).
 - 5.1.7. Chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một hoặc các trường hợp được quy định tại Hợp đồng này.
 - 5.1.8. Chuyển giao hoặc chuyển nhượng theo quy định pháp luật về hoạt động mua, bán nợ cho cá nhân/doanh nghiệp/tổ chức khác (gọi chung là Bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp đồng này.
 - 5.1.9. Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên B để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên B;
 - 5.1.10. Lập Ủy nhiệm chi yêu cầu tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên B trích tiền thu hồi nợ gốc, nợ lãi trong trường hợp các khoản nợ của Bên B bị chuyển sang nợ quá hạn.
 - 5.1.11. Thu phí liên quan đến việc cho vay và/hoặc các khoản phí khác theo mức do Bên A quy định phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ, được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Bên A tại địa chỉ: www.shb.com.vn và các kênh công bố chính thức khác của Bên A.
 - 5.1.12. Các quyền khác quy định tại Hợp đồng này, Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan giữa Bên A và Bên B, quy định của pháp luật.
- 5.2. Bên A có nghĩa vụ:**
- 5.2.1. Giải ngân các khoản vay cho Bên B khi Bên B đáp ứng các điều kiện cho vay và phát hành bảo lãnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các văn bản thỏa thuận khác giữa các bên (nếu có).
 - 5.2.2. Thông báo cho Bên B bằng văn bản trong trường hợp chuyển giao hoặc chuyển nhượng việc thực hiện Hợp đồng này.
 - 5.2.3. Các nghĩa vụ khác quy định tại Hợp đồng này, Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan giữa Bên A và Bên B, quy định của pháp luật.
- Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên B**
- 6.1. Bên B có quyền:**
- 6.1.1. Được cho vay, phát hành bảo lãnh trong HMTD khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và các văn bản thỏa thuận khác giữa các bên (nếu có).
 - 6.1.2. Các quyền khác quy định tại Hợp đồng này, Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này, các văn

HMTD này (trừ trường hợp có nợ quá hạn) được chuyển sang cho HMTD mới (trở thành khoản nợ, số dư của HMTD mới).

Điều 9. Trao đổi thông tin

- 9.1. Mọi thông báo, tài liệu, trao đổi thông tin giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng này phải gửi theo địa chỉ của các bên nêu tại Hợp đồng này hoặc địa chỉ theo thông báo bằng văn bản của các bên khi có sự thay đổi (nếu có).
- 9.2. Việc gửi thông báo, tài liệu được thực hiện thông qua: fax, thư bảo đảm, giao nhận trực tiếp giữa hai bên hoặc qua các tổ chức, cá nhân khác.
- 9.3. Thông báo, tài liệu giao dịch được coi là đã nhận vào các thời điểm dưới đây:
 - 9.3.1. Vào thời điểm nhận (nếu chuyển trực tiếp và có giấy biên nhận); hoặc
 - 9.3.2. Sau 03 ngày kể từ ngày gửi theo dấu bưu điện nếu gửi bằng thư bảo đảm; hoặc
 - 9.3.3. Ngày làm việc liền ngay sau ngày văn bản được gửi bằng fax và khi gửi máy fax đã thông báo gửi và nhận thành công.

Điều 10. Tranh chấp, cơ quan giải quyết tranh chấp

- 10.1. Trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng mà hai bên không tự thương lượng, thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền áp dụng các biện pháp phù hợp với quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp.
- 10.2. Các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng này trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp, trừ khi hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

- 11.1. Các bên thống nhất rằng Bên A được quyền cung cấp các thông tin liên quan đến Bên B, Bên bảo đảm, các khoản cấp tín dụng, tài sản bảo đảm cho Bên thứ ba (cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, công ty thông tin tín dụng và các tổ chức, cá nhân có chức năng khác theo quy định của pháp luật). Thỏa thuận này đồng thời là văn bản thông báo của Bên A cho Bên B theo quy định của pháp luật.
- 11.2. Bên B có trách nhiệm thanh toán các khoản phí, lệ phí,... phát sinh từ việc sử dụng dịch vụ của tổ chức/cá nhân khác trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm: phí định giá, giám định, thẩm định, phí dịch thuật, phí chuyển khoản, chi phí đánh giá phân tích tư vấn, chi phí pháp lý, chi phí bảo hiểm, phí công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm, giám sát, kiểm kê, quản lý, áp tải tài sản bảo đảm. Trường hợp, Bên A đã ứng trước để thanh toán các khoản phí, lệ phí,... này, Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Bên A trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Bên A có yêu cầu.
- 11.3. Bên B xác nhận rằng đã hiểu rõ và được Bên A cung cấp đầy đủ các thông tin trước khi ký Hợp đồng này, bao gồm đầy đủ các thông tin về Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí, mức phí áp dụng đối với khoản vay và các thông tin khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này.
- 11.4. Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng này và các văn bản, tài liệu khác có liên quan giữa Bên A và Bên B, Bên bảo đảm là tiếng Việt. Trường hợp có bên nước ngoài tham gia, các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt, tuy nhiên khi có mâu thuẫn về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì các bên áp dụng theo bản tiếng Việt.
- 11.5. Các thỏa thuận khác:
 - Yêu cầu toàn bộ hợp đồng đầu ra từ phương án kinh doanh do Bên A cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh) phải quy định tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên B duy nhất tại Bên A và khi nguồn thu về tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên B tại Bên A thì Bên A sẽ tiến hành thu hồi nợ.
 - Bên B bổ sung tài sản theo tiến độ sử dụng hạn mức theo quy định của Bên A.
 - Bên B phải chuyển 100% doanh thu từ các Hợp đồng kinh tế do Bên A tài trợ về tài khoản thanh toán mở tại SHB Ba Đình.
 - Bên B cam kết chuyển doanh thu từ hoạt động kinh doanh qua tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên B tại Bên A tương ứng với tỷ lệ Bên A cấp tín dụng (cho vay, bảo

lãnh)/tổng nghĩa vụ nợ (vay vốn, bảo lãnh) của Bên B tại các tổ chức tín dụng tại mọi thời điểm.

- Định kỳ 03 tháng Bên A kiểm tra nguồn thu về Bên A, trường hợp 2 kỳ liên tiếp Bên B không thực hiện chuyển doanh thu theo như cam kết, Bên A dừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
- Định kỳ 06 tháng Bên B phải cung cấp Báo cáo tài chính, khoản phải thu, phải trả cho Bên A để đánh giá tình hình tài chính của Bên B và có phương án tài trợ cho phù hợp.

Điều 12. Hiệu lực Hợp đồng

- 12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 12.2. Những tài liệu kèm theo Hợp đồng này hoặc để thực hiện Hợp đồng này (Khế ước nhận nợ, Phụ lục kèm theo...) được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 12.3. Quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có điều, khoản nào bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc do thay đổi pháp luật thì các điều, khoản còn lại trong Hợp đồng vẫn giữ nguyên hiệu lực, các bên sẽ cùng bàn bạc, thoả thuận để sửa đổi, bổ sung, thay thế những điều, khoản vô hiệu cho phù hợp. Trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được thỏa thuận trong Hợp đồng thì trong quá trình thực hiện, các bên sẽ áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết.
- 12.4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên hoặc cả hai bên cần thay đổi các điều khoản đã cam kết, hai bên sẽ thoả thuận và ký phụ lục sửa đổi hoặc bổ sung Hợp đồng. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản có chữ ký của hai bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng.
- 12.5. Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- 12.6. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn và các bên cam kết tuân thủ và thực hiện đúng các thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- 12.7. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản.

Ngày: 29-11-2018
 BÊN A
 Số chứng thực: 63426
 Quyền số: 12

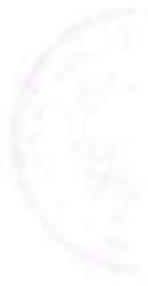


CHỦ TỊCH HĐQT
 Bùi Hoàng Tuấn



GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Quang Huy

CÔNG CHỨNG VIÊN
 Lê Quốc Hùng



RECEIVED
MAY 14 1958
U.S. AIR FORCE

